

Truyện ngắn Đồng Sa Bằng

Vnthuquan.net, 2009.



Ai Mang Hột Nút Đi Rồi

Khi vừa lớn lên, biết đi rong trong xóm, hái trộm xòai, ổi của thiên hạ là tui biết “huýnh” lộn rồi. Tui không to con lớn tướng hơn ai, nhưng ai chọc tức tui là tui nhảy vào “huýnh” liền. Cho nên lúc đó mặt mũi tui thường có những vết trang điểm bất đắc dĩ. Có lần thằng Phúc con ông Mau bán cá, to con hơn tôi nhiều, nó chọc tui, tui “huýnh” nó, nó “huýnh” tui. Tức quá hôm sau tui thừa lúc nó không để ý, tui đè đầu nó vào giữa hai song cửa sổ nhà trường, thụi cho nó một hồi, thả ra, thấy trên trán nó có hai lần thẳng băng, tui bỏ chạy. Những ngày học trường tiểu học Nghĩa Thành, không hiểu tại sao mà dường như tuần nào tui cũng lâm trận. Có lúc phục kích tụi nó trên những đám đất cày, rồi chọi đất nhau tưng bừng. Những giờ ra chơi đập lộn với mấy thằng ở Thuận Phong bị ông hiệu trưởng Nguyễn Ngọc Anh cho thụt dầu dừa đầu gối, nhưng vừa đứng dậy thì thấy ngứa ngáy tay chân....

Rồi những ngày đầu vào Sài Gòn, mười một mười hai tuổi, cảnh người đều xa lạ và tui bị cô lập chặt chẽ nên dường như ... hiện ra. Nhưng sao thấy tức lắm, nhất là mỗi khi tui nói cái gì là tui nó bu lại nói: “Hỉ, hỉ, mày nói cái gì”. Có những lúc tui nhảm: “Nói tui bây không hiểu thì tao đấm cho tui bây hiểu”. Nhưng rồi tui cũng thụt tay vào túi, vì tui nó đông quá mà nơi đây tui không biết tẩu thoát ở đâu cho yên. Một hôm tui dẫn thằng cháu ra sông Sài Gòn câu tôm. Lúc đó ở kho 18, Tân Thuận Đông, dưới cầu tàu có nhiều tôm hùm lắm. Hai chú cháu tui đang ngồi dung dăng dung dẻ câu tôm, lại gặp đám mấy thằng “Hỉ, hỉ, mày nói cái gì”. Tui nó thấy tui nó không chọc ghẹo nữa mà nó nhảy ùm xuống sông tắm. Tự nhiên tui thấy cần câu tui rung động. À! gặp tôm bự rồi. Tui kéo dây câu lên, thì con tôm nó búng búng, giựt giựt thấy tê lắm. Tui mừng quá, từ từ kéo lên, giữa đường nó giựt một cái thật mạnh. Đứt mẹ nó dây cước rồi! Tui cuốn dây lên, thấy tiếc quá. Nhìn xung quanh thì thấy tui nó ngóc đầu dưới nước lên, nó dơ giầy cước cho tui xem còn nói:

“Ê coái này phải của mày không?”

Tui điên lên rồi, không nói không rằng gì hết, tui chạy tới đám quần áo của nó, ôm hết trong mình. Tui dấu một khúc gỗ trong người:

- Tui bây ngon thì lên đây lấy lại quần áo.

- Ê đừng giỡn mặt nhe mày, tui tao không tha cho hai đứa bây đâu.

- Lên đây.

Vậy là tui nó bò lên, tui liền nhảy đến phan lên đầu, lên lưng nó, chịu không nổi nó lại nhảy xuống sông.

- Nề, quần áo tui bây đây, lặn xuống đó mà lượm. Tui ném đồng quần áo xuống sông, lấy cây nhận chìm xuống nước xong hai chú cháu chạy lẹ ... về.

Thời gian trôi qua, tui cũng lớn theo. Tui bắt đầu học lời nói của người miền Nam: “A hôm nay tui dzì sớm nha, bà nhớ bỏ con cá ghô dô cái ghô để nó khỏi nhảy gột gột”. Nói riết rồi cái lười tui cũng quen đi. Và càng ngày những lời nói như “En không en, téc đèn đi ngủ. Súng bèn phèng phèng, nó la xung pheng, xung pheng” cũng vắng bóng đi.

Hồi đó, tui rời gia đình ở Quảng Ngãi vào Sài thành sống với hai người anh. Ban ngày hai ông anh tui, người đi làm, người đi học. Tui thì học ở trường tiểu học Tôn Thất Thuyết, Khánh Hội.

Sau này tui theo anh Hai về sống ở Tân Thuận Đông. Những buổi chiều đi học về, buồn quá, tui tập bè bạn với đám anh em thằng Hải thằng Nam. Anh em tui nó con nhà khá giả và hiền lành, nhà nó có cái ao nuôi cá tui thường qua đó chơi. Nhưng vì chơi với bọn anh em thằng Hải, nên tui bị thằng Tư con ông Khải nó ghét lắm. Mà thằng Tư thì nó lớn hơn tui nhiều. Một hôm tui đi chơi ngang qua nhà thằng Tư, thấy tui nó ra đi bên cạnh và xô tui xuống ao trước nhà nó cái

ùm. Tức mình lắm, tui đâu có làm gì nó đâu, tui bò lên khỏi ao, ướt như con chuột lột, tui cầm cục đá chạy kiếm nó:

- Đ.M, mày ngon thì ra đây, tao không sợ mày đâu.

Cửa nẻo kín nghít, không nghe thấy gì hết.

- Mày không ra hả, coi đây: Chấn, chấn....

Một hàng hai cái lu đựng nước mưa của ông già nó bể tan tành, nước chảy lai láng, tui thấy hả dạ lắm. Tui đi về nhưng mặt méo xẹo vì tức cái thằng trời đánh ỷ lớn ăn hiếp tui.

Một năm vào Sài thành sao tui thấy bức quá, đi đâu cũng bị tui nó kêu “Bắc kỳ ăn cá rô ki, ăn nhằm lụ đạn chít cha Bắc Kỳ”, nay còn bị nó xô xuống ao nước như con chuột lột.

Ngày xưa tui đâu có tệ như vậy. Nhưng mà cũng thấy tội nghiệp cho mấy ông Bắc Kỳ, những việc gì tui làm tui nó khen là tui nói tui người Trung Kỳ, còn những chuyện tui phá hoại nó, nó chửi tui Bắc Kỳ, thì tui làm thinh.

Sau ngày tắm ao bắt đắc dĩ đó, tui về xin ông anh:

- Anh Hữu, cho em đi học võ đi.

- Tiền đâu mà đi học võ mậy?

Tiền? À tiền đâu mà đóng học phí đây. Cái thân của tôi làm gì ra tiền mà bày đặt đóng tiền này tiền kia. Hai ông anh tôi còn khối người ngoài quê để lo, chứ đâu phải chỉ có một mình “công tử bột” tui đâu. Nhưng mà mỗi thù tấm áo sinh hôm nọ không lẽ quên luôn sao?

Tôi hỏi anh em thằng Hải thằng Nam nó chỉ cho tôi ra kho 18, vào buổi chiều mấy người lính Mỹ nó cần người phụ khâu vá, xếp đồ may ra tìm việc làm ban đêm. Tôi liền thử thời vận, chiều hôm sau tôi mặt đồ của ông anh tôi, lưng thụng trông có vẻ lớn thêm một chút, tôi ra kho 18 ... xếp hàng.

Thấy ông lính cầm sổ ra tôi cũng chen lấn với đám đông kia, tay đưa lên, miệng thì ” Me, me, me Sir”. La mỗi miệng. Nhưng giờ bóc nhân công cũng qua rồi, đoàn người được chọn thì biến vào bên trong, còn lại những người thất nghiệp như... tôi, buồn quá, đá vài hòn sỏi trên đường, lẩn lẩn không biết rơi vào vũng nước nào.

Ngày đầu tiên thất bại. Nhưng nghe bác Hai nói “Thất bại là mẹ thành công” nên chiều hôm sau tôi lại ăn mặt như chiều hôm qua và ra.... xếp hàng.

Những buổi tối sau khi ăn cơm xong là tôi biến mất đến khuya mới về.

Rồi một hôm tôi cũng như mọi ngày, đi... xếp hàng, và “Me, me, me Sir”, ông lính đó chỉ chỉ về hướng tôi, không cần biết chỉ tôi hay chỉ ai,

tôi liền chen lấn đám đông chui qua, vậy mà tôi lọt được hàng rào.

Tối đó tôi không về nhà như thường lệ, tôi vào sân trong, khoái chí, tôi đá tung những hòn đá trước chân tôi: “Sướng quá, tao có việc làm rồi.” Tôi la lớn lên như thế. Tôi quyết giữ lấy cái việc làm thơm này nên tôi làm việc siêng năng lắm, bà xếp muốn cái nào tôi làm liền cái đó.

Tôi sẽ có tiền đi học võ, tôi làm việc say mê, đêm tàn, sáng đến lúc nào tôi không hay. Khi tan sở người ta trả cho tôi 90 đồng tiền công cho buổi tối đó. Lần đầu tiên tôi làm ra tiền bằng chính mồ hôi nước mắt của mình.

Ngày kế đó đi học về, tôi qua chơi với anh em thằng Hải, tôi khoe anh em nó là “Tao có tiền rồi, hôm nào tao mua cà lem đãi tụi bây,” một chút thôi rồi về làm bài, xong cơm tối là tôi lặn đến quá nửa đêm mới về lại nhà.

Rồi những ngày kế tiếp tôi mệt quá, đi học về làm bài xong, tôi chớp con mắt một chút để có sức tối nay đi khuân đồ. Lâu lâu tôi mới có dịp qua thăm anh em thằng Hải. Cuộc đời va chạm với giới lao động còn quá sớm, tôi thấy cũng vui và nhiều lúc tôi cũng thấy lính quỳnh, lúng túng đến đỏ mặt.

Có một chỗ làm tuy không bền vững nhưng cũng có để dành một ít tiền, tôi xin anh tôi đi học võ, lần này thì anh không từ chối được, tôi nói:

“Anh thấy đó, em đi đâu cũng bị tội nó chọc Bắc Kỳ này Bắc Kỳ nọ và ăn hiếp hoài, bức quá.” Tôi ghi danh vào võ đường Odokwan, của võ sư Nguyễn Bình ngoài xa lộ Phan Thanh Giảng. Học Taekwondo.

Mấy năm sau gia đình tôi từ Quảng Ngãi vào hết trong Sài Gòn. Vì mới vô chưa có nhà cửa nên cha mẹ tôi ở tạm nhà anh tôi một thời gian đợi tìm nhà.

Mấy đứa em tôi nói tiếng Quảng đúng tiêu chuẩn một trăm phần trăm nên lúc nào cũng là đề tài cho mấy đám con nít trong xóm chọc ghẹo. Lúc nào tôi cũng rầu vì chuyện này. Một thời gian sau, cha mẹ tôi dọn nhà xuống xóm dưới ở cho rộng và dễ chịu hơn. Nhưng đi đến đâu anh em tôi cũng bị mang cái tên ác nghiệt là Bắc Kỳ, và mấy đứa nhỏ không bao giờ được chơi bình đẳng như mọi đứa trẻ khác. Tôi không còn làm người phu khuân vác trong kho 18 nữa, mà tôi kiếm được một chân làm trong cơ quan USAID.

Năm đó tôi đang đeo đai nâu. Thăng Tư ngày xưa xô tôi xuống vũng sình bây giờ đã gia nhập binh chủng Thủy Quân Lục Chiến.

Một hôm, trên đường ghé thăm nhà anh tôi, căn nhà sàn nên phải làm đường vô bằng một cái cầu. Khi tôi đến đầu cầu thì đụng mặt thăng Tư, tôi nhắc nó:

- Mày nhớ tao là ai không? Nó biết và nhớ tôi lắm chứ, nhưng nó nói:

- Tao xin lỗi mày chuyện ngày xưa.

Lúc đó tôi không tức giận nữa, tôi hỏi nó:

- Mày muốn chơi một trận sòng phẳng không? Xô lên người ta không anh hùng đâu. Nó lại xin lỗi nữa nên tôi lách qua một bên cho nó đi.

Những năm sau này có lẽ môn Taekwondo đã huấn luyện tôi trầm tính lại, không còn ngửa tay chân như ngày còn nhỏ. Vả lại tôi cũng biết tầm lợi hại của cú đấm, cái đá của mình nên tôi không dám dùng bừa bãi. Nhưng mọi sự nhịn nhục, khiêm tốn cũng đều có giới hạn, và chuyện gì đến nó sẽ đến.

Vào một buổi sáng chủ Nhật, trên đường đến sở làm, tôi ghé thăm anh Hai tôi. Khi mới vừa đến đầu ngõ thì tôi nghe tiếng la ó ồm tỏi của ông Tiểu, người Tàu bên cạnh nhà anh tôi.

Ông ấy đứng ngoài đầu ngõ đập phá cái cầu vào nhà anh tôi và chửi bới om sòm.

Tôi dắt xe đi qua và vào trong nhà. Bên ngoài ông Tàu vẫn không ngớt lời chửi rủa anh tôi, nói là anh tôi làm cầu lấn đất ông. Nghe ông chửi rủa nhiều quá, tôi bước ra và nói:

- Ông bình tĩnh đi, nếu anh tui lấn đất ông thì vẫn còn đó, ông đi thưa cảnh sát đi, đâu cần phải chửi rủa như vậy, mà cái cầu này đã có từ mấy năm nay có khác gì đâu.

Nghe tui lên tiếng ổng còn làm dữ:

- Nị ngon hả, nị ra đây, lụ má, ra đây ngộ lá chít cha nị luôn.

Xưa nay tui biết ông Tiểu này có Thiếu Lâm, tối tối ổng thường ra trước sân đá đá mấy cái rồi mới vô ngủ. Tui không trả lời ổng, ổng lại lên cơn chửi tới, giậm sần đùng đùng, làm như đất này là đất của cha ổng bên Tàu mang qua không bằng!

Tui vẫn khoanh tay đứng đó nghe ổng chửi, càng lúc ổng chửi còn có bài bản hơn. Nào là: “Lụ má lì, ông tăng cố tổ, thằng cha thằng mẹ lì ở đâu đến đây chiếm đất chiếm đai tao á, hôm nay tao đập tao phá nhà pây cho piết á.”

Nãy giờ nghe ổng chửi bực mình quá rồi, tui liền bước ra giữa cái cầu:

- Tiểu cái lụ mụ nị á, nị không được chửi nữa đó ghen.

- A, nị là cái thằng con nít mà nị dám chửi ngộ á.

- Sợ gì không chửi, tiểu cái lụ mụ nị đó.

Mặt mày đỏ như con cóc tía, hấn xằng tay áo lên thật cao, miệng la chí choét, chạy lanh quanh như gà mắc đẻ. Hết chửi ngoài ngõ, hấn lại chạy qua cái sân hàng xóm bên cạnh nhà anh tôi mà chửi:

- Nị ra đây, ra đây, ngộ tả chít cha nị luôn, lụ má.

Những tiếng la chửi của hắn đã đánh thức sự tò mò của thiên hạ, nhất là đám con nít trong xóm. Lúc này mọi người lớn, bé đều ra xem như xem xi nê vậy đó.

Hắn xưng máu lăm rồi, thế nào hôm nay hắn phải “tả” ai đó mới làm nguôi cơn giận của hắn. Mà ai đó vào nữa, chỉ có thằng tui, vì tui dám lăm mồm chửi lại hắn. Nghĩ đến đánh lộn, tôi lại thấy sao mình mâu thuẫn quá. Ngày xưa bị người ta ăn hiếp nên muốn đi học võ để “huýnh” lại, nhưng bây giờ có võ rồi thì tôi lại không muốn giải quyết sự việc bằng cú đấm, cái đá nữa. Thấy lạ không!

Tôi nhớ có lần song đấu giao hữu ở võ đường. Tôi, đai nâu cấp hai, đấu với đai nâu cấp một (sắp lên đai đen). Tôi dùng đòn tô-lô-cha-ki, đưa một vòng từ dưới lên trên xong đổ ngược ức bàn chân xuống, quạt ngay quay hàm dưới của đối thủ, vì đòn hư trước và đòn thật sau, tôi làm lẹ quá, đối thủ đỡ không kịp nên quay hàm dưới tẹo qua một bên, và máu đổ.

Sau đó tôi thấy hối hận và tội nghiệp anh bạn kia quá. Nhưng thao trường mà, chuyện võ sinh bị trúng đòn là chuyện hằng ngày ở huyện, tôi cũng không ngoại lệ đâu. Rồi còn biết bao nhiêu trận đấu giao hữu nữa mà cuối cùng cũng chỉ chứng minh cho tui thấy, những cái đá, cú đấm của mình bây giờ không còn tầm thường như ngày xưa nữa, mà có thể gây thương tích trầm trọng cho đối thủ.

Bây giờ đối diện với ông Tiểu hàng xóm của ông anh tui đây, tui biết

Ông có Thiếu Lâm và ông cũng biết tui có Thái Cực Đạo. Ông cỡ tuổi ba mươi và tui chỉ là chàng trai mới lớn tuổi mười bảy, mười tám. Tôi rất bình tĩnh và khuyên ông nên đi can thiệp cảnh sát để họ giải quyết, nhưng những lời nói của tôi đã không làm ông thay đổi mà còn làm cho ông nổi trận lôi đình thêm lên. Anh Hai tôi nói:

- Thôi mặc kệ nó, để nó chửi mỗi miệng nó im thôi, mày đi làm đi.

Tôi nghĩ và biết chuyện hôm nay không thể giải quyết bằng lời nói được. Càng lúc càng gay gắt hơn, ông Tiểu lúc này đã nóng máy lắm rồi. Ông đứng trên mảnh đất trước sân nhà ông Năm Cụt mà chửi và khiêu khích tôi không chừa một lời nào.

Đến lúc này thì tôi cũng không còn bình tĩnh suy nghĩ phải trái gì nữa. Giống như người ta nói “cây muốn lặng, mà gió chẳng ngừng.”

Tiếng reo hò của đám con nít mỗi lúc ồn ào thêm. Mọi người đều dán cặp mắt trên mảnh đất trước nhà ông Năm Cụt.

Mai, con ông Năm Cụt, cô bạn hàng xóm cùng lớp với tôi cũng có mặt hôm đó, nàng cũng đang hồi hộp theo dõi. Đã đến nước này rồi, tôi không chịu nổi những lời thô tục của tên chệt hàng xóm này nữa.

Không nói năng một lời, tôi liền tung đôi chân nhảy qua hàng rào, cao hơn một mét, giữa nhà anh tôi và nhà ông Năm Cụt, thì tiếng reo hò của đám con nít lại nổi lên to hơn, như để thay thế tiếng chuông bắt đầu trận đấu.

Tôi vừa chạm chân xuống đất thì hắn liền hét lên “Chít cha lị nè”, và đi liền ngay sau tiếng nói khó nghe của hắn là cái chân dài lòng thòng từ đâu bay vèo tới. Tôi liền lách người và đưa tay gạt qua một cái, hắn rơi xuống mặt đất.

Tôi giữ lại tư thế chiến đấu. Miệng hắn lúc này không còn chí choé như hồi sớm nữa.

Hụt cú dễ ăn nhất hắn cay cú tôi lắm. Nơi tôi đứng hơi chật nên tôi liền tung ngọn yap-cha-ki bay để tống hắn ra, liền theo đó hắn quạt ngang dưới chân tôi, tôi nhích chân lên và nhảy ra xa một chút. Hắn liền bám sát tôi và tống thẳng hai cú đấm liên tục, tôi đưa tay gạt ra và lui lại.

Hắn liền sà người phóng tới bằng chân mặt và đá trúng vào vai tôi. Tôi nhấp chân trái làm đòn hư, bời liền theo cú đá vòng vào người hắn, hắn đỡ, chân mặt tôi vừa chạm đất là chân trái đá móc 180 độ vào ngay ngực của hắn, bịch một cái. Hắn lão đảo và bay ra xa liền. Hắn tiến lên bằng một đòn chân hư và liên tục phạt vào mặt tôi bằng đòn tay, tôi bị trúng đòn ở gò má.

Tiếng reo hò của đám con nít lại một hồi la to lên, dường như tụi nó muốn tui bị ăn đòn thì phải!

Tui liền yap-cha-ki bay tới hắn tới tấp, vừa yap-cha-ki vừa tô-lô-cha-ki tui gác lên ngực, lên cổ hắn liên tục làm hắn phải chùn chân và lão

đảo. Bây giờ thì tiếng reo hò lại về phía tôi. Thừa thắng xông lên, tôi liền bồi luôn mấy cú đá vòng và nện luôn hai bàn chân song phi vào ngực hắn. Hắn trúng đòn tui liền tiếp, tự nhiên tui thấy tội nghiệp và không tấn công nữa.

Trong lúc tôi đứng nhìn thì hắn la khóc và chạy về nhà lấy khúc gỗ. Hắn trở lại, tôi thủ sẵn, hắn nhào tới và phạt thẳng khúc gỗ bổ xuống đầu, tôi liền dùng chân đá tạt lên khuỷu tay hắn, lòng bàn chân tôi chạm vào khuỷu tay, bật một cái, khúc gỗ văng ra khỏi tay.

Tôi đã tước vũ khí của hắn. Hắn liền nhào tới người tôi, tôi đẩy hắn ra bằng cú đấm. Hắn không vào được hắn la như bò cật cổ, tôi thấy thương hại và không tấn công hắn nữa. Tôi chỉ đỡ những cú đấm đá ròi rạc. Hắn thực sự đã thua dưới vũ lực của tôi rồi! Tôi đang đứng hiên ngang giữa những con mắt mà ngày xưa có những lần khinh thường, và những con mắt hằng ngày đánh đập những đứa em tôi. Giờ đây tôi thấy những con mắt đó không dám nhìn thẳng vào tôi nữa mà trên đó có những tia sáng khâm phục.

Hắn vẫn chưa bỏ cuộc, tiến tới tôi. Bất thành linh tôi bị hai người đàn ông từ phía sau ủa tới ôm tôi lại, nói rằng can tôi ra không cho đánh nữa. Nhưng nếu can trận đánh thì phải can hai bên chứ, sao lại chỉ ôm mình tôi và để ông Tàu kia vào tấn công tôi!

Tôi bảo thả tôi ra, nhưng hai người đó không thả và còn ôm cứng tôi lại hơn. Hai người đàn ông đó là bạn của tên chệt, Tư Lùn và Năm Cụt. Tôi liền dùng cùi chỏ lắc vào hông hai người, đau quá chịu

không nổi, hai ông thả tôi ra. Không nói một lời, hai người ôm xương sườn lui vào trong nhà. Ông Tiểu vừa khóc vừa chửi tui nát nước. Thấy không còn hy vọng gì nữa, ông trở về nhà.

Tui lằm bằm trong miệng: “Thì ra ông chỉ có bấy nhiêu thôi, sao không liệu sức mà làm hoà ngay từ đầu thì đâu đến nổi.”

Như vậy là xong, tôi “huýnh” ông trúng đòn nhưng người học võ như ông thì không sao đâu, chỉ là một bài học để sau này đừng làm phách nữa thôi. Cũng đã trưa rồi, tôi phủi quần áo đi làm.

Tôi nhìn vào nhà Mai, thấy tôi nàng nguýt một cái, tôi thấy trong ánh mắt nàng chứa đầy oán trách.

Tôi bước ra đầu đường thì bỗng nhiên nghe tiếng người đàn bà từ ngoài đầu hẻm chạy vào, vừa chạy vừa khóc lóc, chửi bới om sòm. Thì ra là mẹ của ông Tiểu. Vừa đến nơi bà chửi: “Sao nị tả con ngộ, tiểu cái lụ mụ nị a.” Bà xông vào người tui, tui đẩy bà ra.

Rồi người con, hấn lại chạy ra nữa. Hai mẹ con xông vào “huýnh” tui. Tức mình quá tui thôi cho hấn một cái, lộn xuống ao sình, từ đầu đến chân lem luốt như con chuột cống! Hấn bò lên đi về một mạch. Đến đây thì bà già hấn cũng bỏ cuộc chơi luôn. Vậy là hai mẹ con đứng trước nhà mà chửi để trừ. Thỉnh thoảng lại chêm vô một tràng tiếng chệt tui nghe điếc lỗ tai.

Tôi định lấy xe đi làm thì đứa em tôi nói:

“Anh lén đi ngõ sau đi, một đám năm thằng em của ông ngoài chợ chạy vào kia, tụi nó có dao nữa.” Tôi thấy chuyện không còn đơn giản nữa, tôi liền lòn ngõ sau nhà bà Đạt đi ra, tôi đi vòng trong xóm thì đưa em tôi mang xe đạp đến cho tôi. Tôi đông đi làm luôn.

Chiều lại em tôi lên cho biết tụi nó kiếm hoài không có tôi, nó bỏ về. Anh em ông Tiểu là đám anh chị ngoài chợ Tân Thuận. Thấy chuyện không lành anh tôi nhấn tôi tối đừng về vì tụi nó đón đường tôi ở cầu Tân Thuận mỗi tối. Vậy là đi làm xong tôi ghé vào nhà bà Dì ở Hoà Hưng ở tạm.

Câu chuyện “huýnh” lộn của tôi được bàn tán xôn xao ở xóm Tân Thuận. Tôi tưởng rồi sẽ êm xuôi, nhưng không ngờ ông cứ âm thầm cho đám cô hồn đón tôi trong bóng tối. Anh Hai tôi bèn mời mấy bô lão trong xóm lại để nói chuyện đầu cho ra đây. Thế là một cuộc họp bô lão sẽ xảy ra.

Một tuần sau ngày tôi đại náo Tiểu gia trang, trên bàn họp có đầy đủ năm ông lão trong làng, anh tôi, anh Thanh, ông Tiểu, ông Năm Cụt và Tư Lùn. Tôi không được dự buổi họp.

Tiếng bàn tán xôn xao trong bàn họp, xong một ông lão đứng lên nói:

“Qua sự việc chúng tôi thấy thì anh Tiểu này sai rồi, thôi thằng Tiểu chú mày bỏ qua đi và đừng bảo em út hại chú em kia.”

Cuộc họp tan, anh Hai tôi cảm ơn mấy ông lão và ra về. Từ đó tôi lại tự do đi làm và về nhà như thường lệ.

Chuyện tôi “huýnh” ông Tiểu chắc từ đây xong rồi. Nhưng còn Mai, tôi chưa có dịp gặp lại Mai từ ngày tôi “huýnh” lộn trước sân nhà nàng. Không biết Mai sẽ đối xử với tôi như thế nào?

Tôi biết Mai từ khi tôi về với anh Hai ở Tân Thuận. Thời gian ban đầu tôi chỉ biết Mai ở đó và hàng ngày hai đứa tôi vẫn gặp mặt nhau trên đường, cũng như mọi đứa trẻ khác trong cái hẻm. Nhà nàng ở sát vách nhà anh tôi, nhưng ít có khi nào tôi và nàng nói chuyện với nhau (con nít mà, biết cái gì mà nói, chưa cự lộn nhau là may). Nhưng thời gian trôi qua mau, Mai đã lớn. Nàng có làn da trắng, khuôn mặt trái xoan và đôi mắt bồ câu. Ba nàng là người Miên lấy vợ Việt, quê của Mai ở Vĩnh Long. Có lẽ vì lai giữa Miên và Việt, và lớn lên ở miền sông nước Cửu Long nên nàng mới có vẻ đẹp của làn da trắng đó.

Thỉnh thoảng tôi ra ngồi trên hàng ghế trước nhà anh tôi và nhìn qua nhà Mai. Có lần nàng đang đi ra bắt gặp đôi mắt tôi nhìn nàng, nàng nguyền một cái xong trở vô nhà. Không khí ở đây có một cái gì thay đổi, tôi thấy ngồ ngộ và từ đó tôi thường ra ngồi trên hàng ghế trước nhà, nhưng không thấy Mai ra nữa.

Rồi một hôm tôi ngồi đó nhìn trời nhìn mây, bỗng nhiên tôi thấy Mai gánh gánh nước ngoài ngõ đi vào, bốn mắt nhìn nhau, không hiểu tại sao thùng nước của Mai đổ nhào xuống đất. Nàng lính quỳnh với đôi

thùng, mặt đỏ gay, Mai lấy đòn gánh đánh vào chiếc thùng kêu lừng keng:

- Người ta gánh nước kệ người ta, ngó cái gì, hứ!

Nàng đang hành hạ hai chiếc thùng vô tội kia, tôi bèn chạy ra nói:

- Ủa! hai cái thùng đó có lỗi gì mà Mai “huýnh” nó dữ dzậy.

- Kệ người ta, hết chỗ ngồi rồi hả. Nàng ngồi bệt xuống đất.

- Chuyện Mai gánh nước và chuyện tui ngồi chỗ kia có ăn nhậu gì đâu.

- Sao không, ai bảo anh nhìn tui gánh nước.

- À! gánh nước đâu có sao đâu, bộ Mai mắt cở hả, thôi, để tui ra gánh gánh khác về cho Mai nhé.

Thế rồi tôi lấy đòn gánh, thùng thiết của Mai ra gánh về cho nàng một gánh nước để đền cái tội tôi ngồi không đúng chỗ, không đúng lúc.

- Nước của Mai đó, lần sau tui không ngồi đây nữa đâu.

- Anh....

Từ đó tôi thường nói chuyện với Mai, và Mai thường nhờ tôi chỉ

Lượng Giác cho Mai.

Cũng gần một tháng từ ngày tôi “huýnh” lộn trước sân nhà Mai, tôi không tiện lui tới nhà anh tôi. Hôm nay tôi trở lại thăm và tìm Mai.

Một tháng trôi qua, không biết có ai chỉ Lượng Giác cho Mai không? Tôi bước chân lên cây cầu đó, nhìn vào nhà Mai thấy tối thui, cửa ngõ đóng kín. Sao lạ vậy, Mai đi đâu rồi? Tôi đang bàng hoàng suy nghĩ về Mai, không lẽ có gì xảy ra cho Mai sao? Tôi đang dán mắt vào khung cửa nhà Mai, thì, “Chú Mươi, chú Mươi, có cái này cho chú nè”. Đứa bé con anh tôi chìa tay đưa cho tôi một phong bì.

Anh Vân.

Em biết anh ngạc nhiên khi đọc lá thư này lắm. Hôm đó nhìn anh “huýnh” ông Tiểu em sợ lắm, nhiều lúc em nhắm mắt không dám nhìn vì sợ anh trúng đòn. Nhưng may quá, anh không sao hết. Nhưng khổ nè, anh học võ ở đâu mà “huýnh” hay quá dzậy. Anh nhớ không, mấy nhỏ xem anh “huýnh” nó reo hò ồm ồm, nào là ồ ... coi ổng song phi kià, ồ đá đẹp quá ... em cũng hồi hộp và hạnh diện lắm, anh hiểu em không? Mấy ngày sau em nghe tụi nó nói đừng đụng tới mấy đứa em ổng nữa, coi chừng quẹo giò đó ... Nhưng mà hôm đó thấy khổ thôi Ba em, em buồn lắm, nhưng ổng không sao đâu, ổng cũng không phải mà!

Em đợi anh mấy tuần nay nhưng không thấy bóng dáng anh đâu hết, bộ anh muốn tránh em hả. Khỉ à, đừng có nghĩ bậy nghen, em không

giận anh đâu. Nhưng không biết từ nay em có còn được anh dẫn đi ăn kem, và đưa em đi dạo phố trong những buổi chiều tắt nắng nữa không, và lấy ai chỉ cho em những bài toán kia đây. Anh đừng gánh nước cho ai nghe hông! Em ghét khỉ rồi! Anh biết hông, gánh nước đó, ngoài em ra, em không cho ai dùng hết. Nhưng thôi rồi, chắc mình không có duyên bền lâu, những ngày ngắn ngủi gần bên anh, em cũng vui lắm rồi.

Ở Sài thành bây giờ công ăn việc làm hiếm lắm, Ba Má em dọn về quê rồi, em phải theo về quê. Xa anh, em buồn lắm. Hôm anh “huýnh” lộn trước sân, anh rút hột nút áo, em nhặt được, em sẽ giữ nó bên em mãi để sau này những lần nhớ anh em sẽ nhìn nó.

Anh nhớ giữ gìn sức khỏe nhé.

Bé của anh – Mai.

Tôi sờ lên bầu áo, ai mang hột nút đi rồi!

Đồng Sa Bằng

Bản Chim

(Mén tặng Diễm, Hùng và linh hồn của một người anh.)

Một buổi trưa hè nóng cháy trên gò Rú, bốn đứa bé, đầu trần, mặt quần xà lỏn, chân không mang dép, lằng xằng chạy từ gốc cây gòn này đến gốc cây gòn khác trong vườn ông Trì. Trên tay bốn chiếc bóng cầm sẵn cái ná, và tám con mắt lúc nào nhìn lên ngọn cây gòn:

- À! Nó kia kìa.

- Đâu, đâu chỉ coi.

- Trên cành kia kìa. Một đứa vừa nói vừa chỉ tay lên cây gòn.

- Có thấy chỗ nào đâu. Ba cái đầu nhỏ, cỡ bảy tám tuổi, chụm lại nhìn theo ngón tay của đứa kia.

- Không phải trên đầu ngón tay tao đâu! Nó đứng trên cành cây kia, thấy chưa.

- À! thấy rồi, để yên, đừng la lớn tiếng.

Rồi bốn đứa bé rón rén như mèo rình chuột, cùng dương ná lên bắn ... một con cu ... đất ... mới vừa biết bay. Hụt. Con cu đất hoảng sợ liền chui qua cây gòn khác.

Gò Rú, một ngọn đồi thấp, nhỏ, chỉ có những bụi cây lòi còi và nhiều nhất là gai mắt mèo và sỏi đá. Gò Rú nằm dưới chân núi Vàng, cách

ngôi làng bằng một cánh đồng, con đường cái quan và cái mương Dân. Đó là phía trước gò Rú, còn phía sau gò Rú một bên tiếp xúc với đồng Sa Bông sâu thẳm và trên đồi gò Rú trải dài đến tận núi Đuôi Chuột. Càng vào sâu trong gò Rú là những lùm tre ngà um tùm. Chen kẻ những lùm tre ngà có nhiều hầm hố được đào lên thời chống Pháp. Những hầm hố này một thời dùng để trốn bom đạn và là công sự chiến đấu của dân làng chống lại thực dân Pháp. Càng đi sâu vô nữa sẽ đến con truông và đèo Mướp, đường dẫn vô Đồng Ngổ. Những buổi chiều khi mặt trời quá xế, con đường trong truông trở nên âm u cô tịch, không một bóng người lai vãng. Nơi đây chỉ còn lại tiếng kêu la của loài cầm thú, và một số người bí ẩn.

Ngày xưa người ta làm nhà và sinh sống trong gò Rú. Bây giờ những căn nhà vẫn còn đó nhưng người thì đã vắng bóng. Nó nhớ có ba khu vườn trong gò Rú, nhưng thường chỉ vào chơi trong vườn ông Trì, vì ông Trì có thằng con tên Một, bạn thân của nó. Ngày nay ông Trì và những người kia đều phải dọn nhà vào ở bên trong bờ rào ấp chiến lược, để đêm đêm khỏi bị người ta đến bắt đóng góp lúa gạo, ngũ cốc.

Vườn ông Trì rộng và trồng nhiều cây gòn. Những trái gòn to, dài, treo lủng lẳng trên cành cây như những trái cà tím, có điều là trái gòn có màu xanh và lớn hơn. Khi trái gòn khô thì nứt ra, để lộ những sợi bông gòn trắng phếu. Một cơn gió bay qua, vài sợi bông trắng rời khỏi trái gòn, bay phát phơ trong gió. Trong vườn ông Trì còn có nhiều cây xoài và những hàng tre cao vút. Hằng gầy ông Trì và một ít người vô đây trồng trọt và trông nom khu vườn. Nhưng hầu hết khu vườn ông Trì luôn vắng bóng người, nên chim chóc về đây làm tổ, sinh nở nhiều hơn.

Từ đường cái quan băng qua một khu ruộng lúa là đến gò Rú.

Những ngày đi học ở trường làng, nó thường rủ những đứa bạn băng qua cánh đồng vào gò Rú bắn chim và hái chùm chà, mần khiêng.

Hôm nay ngôi trường làng đóng cửa nghỉ hè. Bốn đứa bé lại rủ nhau đi vào vườn ông Trì.

- Dở thiệt! Gần xít mà cũng bắn hụt. Một đứa lảm bảm, hồi tiếc nhìn con chim cu bay qua cây gòn khác.

Rồi bốn đứa lại chạy theo con chim đến cây gòn bên cạnh. Nhìn con chim cu mới vừa ra ràng, ngây thơ, đang đập chũng tập bay vào đời, nên bay không xa. Bốn đứa bé bao vây chung quanh dưới gốc cây, rón rén rình bắn con chim cu.

Đôi cánh chim non mới đập chũng vào đời mà gặp ngay phải mấy đứa bé sát sinh làm con chim con run rẩy. Nó lay quay trên cành cây, mắt lúc lảo nhìn xuống mấy đứa bé mà tâm tư dường như đang lay động, mong ngóng đôi cánh che chở của mẹ hiền. Con chim đi qua, đi lại trên cành cây nhỏ bé, nó muốn bay thật xa cho khỏi tầm tay của những đứa bé tinh nghịch, nhưng đôi cánh, đôi cánh của nó yếu ớt quá!

Bốn đứa bé bắn hụt con chim, chim bay, nó liền chạy theo như hình với bóng. Nhìn thấy chim con đang đậu trên đầu, ngon quá, nó muốn lập một chiến công hiển hách để đem về khoe cùng đám bạn. Không muốn để hụt kỳ này nữa, nên một đứa trèo lên cây gòn cho gần con chim hơn. Miệng đứa bé ngậm cái ná, nó trèo lên khi cách con chim

chừng năm sáu thước, nó nằm dài trên nhánh cây, thò tay trong túi lấy ra một hòn đá bỏ vào bao ná. Con chim con nghe tiếng rọt rẹt, nó quay lại nhìn thằng bé, chân nhúc nhích và đầu gật lên gật xuống, như muốn năng nỉ điều gì. Thằng bé từ từ dương ná lên, và bao nhiêu con mắt dưới gốc cây đang hồi hộp nhìn lên. Đứa bé trên cây thăm nói:

- “Kỳ này cho mày chết.”

Nó nheo mắt lại, nhắm thật kỹ, thả ngón tay trên bao ná ra, rắc một cái, nó đưa mắt nhìn theo con chim. Hụt! Con chim cu lại bay đến cây gòn khác, và lần này nó bay hơi xa hơn lần trước. Thằng bé trên cây nhìn theo con chim mà lòng tức tối, nó lật đật tuột xuống đất. Ba đứa bé dưới gốc cây dõi mắt nhìn theo con cu và lật đật chạy về cây gòn con chim cu vừa bay đến.

Miệng xì xào chê đứa bé kia bắn dở quá. Rồi ba đứa nó đưa tay ra đánh hoành-tù-tì. Đứa thắng lại trèo lên cây gòn. Con chim cu đậu mút ngoài đầu cành cây gòn. Đứa bé rón rén trèo lên được một khúc, nó sợ con chim phát hiện rồi bay nữa nên nó nằm úp lên nhánh cây, và dương ná ra, bắn. Hòn đá bay ra đụng vào cành cây kêu cái bụp, con chim cu hoảng hồn liền bay đi. Hụt nữa! Và một lần nữa, con chim cu lại bay qua cây gòn khác.

Cứ thế, bốn đứa bé lại chạy theo chim con, leo lên cây gòn đuổi bắn nó. Và bốn đứa bé lại cứ bắn hụt! Mỗi lần thoát khỏi tử thần, chim con lại bay xa hơn lần trước. Và càng lúc nó bay càng giỏi hơn.

Cuối cùng chim con đã bay đậu tận ngọn tre. Bốn đứa bé chỉ còn biết đứng dưới gốc cây nhìn lên, rồi cũng dương ná lên bắn. Nhưng

những hòn đá rời khỏi những bàn tay yếu ớt bay vào không gian, lạc lõng.

Khi mặt trời đứng bóng, bốn đứa bé mặt mày nhể nhại mồ hôi, và bước chân đã mỏi. Nó quay gót rời khỏi vườn ông Trì, bước xuống nương Dân. Nó lội qua cánh đồng lúa ra về; Nhìn lên ngọn tre, con chim con vẫn còn đó. Và trong tiếng gió, có tiếng nói nho nhỏ: “Tức cái mình.”

Đồng Sa Băng

Bầy Chim

Tháng Chín (trời Quảng Ngãi) thường có những cơn mưa phùn, những hạt mưa li ti bay nghiêng nghiêng theo chiều gió, nhìn xa xa như những sợi tơ trời buông lững lơ trên khắp cánh đồng. Bầu trời dường như thấp lại, và mang theo những luồng mây màu xám tro bao trùm lên những chồi cây trên gò Đồn. Những cây lúa cao ngêu ngẩng trên cánh đồng đang run rẩy trước cơn gió Bắc, làm cho cánh đồng gợn thành sóng; Và năm ba con trâu đang cắm đầu gặm những ngọn cỏ, cùn và xơ xác trên gò Đồn.

Hai bóng người nhỏ bé cỡ chín, mười tuổi, mang trên vai hai chiếc áo to rộng lỏng lẻo, vừa đuổi đàn chim Chà Chiện từ gò Đồn dưới bay về; Ngồi núp bên cạnh gò mã, ngược đầu nhìn chăm chú vào

cái cần cong vòng của chiếc bẫy lồng vừa đặt trên miếng đất mới to bằng miệng cái nón lá. Mưa vẫn bay bay, và cơn gió Bắc thổi nhẹ vào hai chiếc áo tơ làm kêu thành tiếng lật bật. Hai chiếc áo tơ nằm rạp xuống mặt đất và bốn con mắt cắm chặt vào chiếc bẫy. Rắc một cái, cần bẫy bật ngược lại, giựt tung chiếc bẫy lên khỏi mặt đất. Hai bóng người lẹ như chớp, bật người dậy, cầm đầu chạy về chiếc bẫy:

- A! Dính một con!

- Con này của em nhe.

- Hứ, em cái gì. Để đó, lát nữa đem về nhà đã.

- Anh ăn hiếp em hoài, về mắc cha đó.

- Ăn hiếp hoài nào, không cho đi theo nữa bây giờ.

- Đó, ăn hiếp đó. Em đi hái hoa rừng chơi, không thèm đi theo anh nữa.

- Ủ, đi đi. Coi chừng con rắn mái gầm trong rẫy đó.

Nó nhớ có một lần đưa em gái này -Búm, kể lại: một hôm trời trăng sao, Búm chạy nhảy trên con đường trước nhà để lên ngôi trường làng chơi cùng đám bạn; Búm đang tung tăng dưới ánh trăng bát thình lình đụng phải con rắn roi đang bò qua đường, con rắn nhỏ tí bị chạm vào thân nó liền quắn lên cổ chân cô bé xong vuột ra chạy biến mất vào bờ rào. Cái lạnh rợn người từ thân loài bò sát áp vào chân Búm quá đột ngột làm cho nó hoảng sợ đến bán loạn. Cái cảm giác lạnh rợn tóc gáy đã nhanh chóng ấn sâu vào tâm não của đứa bé ngay khi con rắn vừa rút ra khỏi chân nó, và từ đó, dấu ấn sợ rắn đã nằm vĩnh viễn trong khối óc của Búm. Và cũng sau ngày ấy Búm sợ hết những loài bò sát, kể cả thằng lằn, rắn mối, mà nhất là rắn nó sợ còn hơn sợ cạp! Ngay nghe anh nó nhắc đến rắn nó ghét cay ghét đắng. Nó nói:

- Bang ngày làm gì có rắn ở đây!
- Hôm nọ anh thấy con rắn đen thui, to bằng cổ churen bò từ đầu rẫy này đến đầu rẫy kia đó.
- Á! Ghê quá, sao ác quá vậy. Đưa chim đây em cầm.
- Nè. Cầm cho cẩn thận nghe hong. Em đi kiếm bãi phân trâu khô đào con sùng đi.
- Còn anh?
- Anh phải lên khu kia làm đất mới để đặt lại chiếc bẫy.
- Nhỡ gặp rắn mái gằm rồi làm sao. Em không đi một mình đâu, em đi với anh.
- Phải làm lẹ lên chứ lát nữa trời hết mưa giông đâu còn chim đi ăn.
- Ai biểu nhát em chi.

Đứa anh không ngờ lời nhát vừa rồi lại hại chính nó. Nó nói lắm bầm những gì trong miệng và không muốn cho đứa em gái biết rằng: con rắn nó thấy hôm nọ là sự thật. Con rắn đã cắn con trâu đang rúc lá bên bờ rẫy đến nhảy nhồm!

Hai chiếc bóng cứ chạy lăng xăng trên gò Đồn trên, lật ngược những bãi phân trâu khô để tìm những con sùng con. Rồi mang chiếc bẫy lồng đến khu đất trống, dùng khúc cây khô bươi đất lên, lấy sạch cỏ bỏ qua một bên, khoải đất bằng phẳng, cắm hai churen chiếc bẫy lên miếng đất mới. Nó mở nắp bưng chiếc bẫy ra, cột con sùng vào cái chốt mỗi nhỏ, xong hoảng cần xuống móc sợi dây giựt cần vào chốt mỗi giữ cần cong lại. Hai sợi dây nhỏ còn lại trên đầu cần nó buột vào hai bên nắp bưng được mở ra nằm trên mặt đất. Hai chiếc bóng lấy tay khoải một lớp đất mỏng lên nắp bưng, thế là xong. Bây giờ nó phải đi tìm chim!

Bầy chim lúc nãy bị bẫy đập mất một con nó hoảng sợ bay đi đâu

mất rồi! Hai chiếc bóng lại chạy ra cánh đồng, chạy vòng bọc lên đầu trên gò Đồn chạy vô. Đàn chim Chà Chien khoảng trên mười con đang đi tìm thức ăn, chạy lảng tảng dưới hạt mưa. Hai chiếc bóng tách ra hình cánh cung và đi chậm chậm, đưa cái nón lá lên đuổi bầy chim cho bay về hướng chiếc bẫy. Những con chim khi bay trên cao nhìn xuống thấy khu đất nào mới nó sẽ hạ xuống kiếm ăn. Nhưng nhiều khi nó cũng làm lơ bay qua luôn. Và lần này cũng vậy, bầy chim không đáp xuống miếng đất nó bươi sẵn mà lượn một vòng rồi bay về gò Đồn dưới. Vậy là hai anh em nó lại chạy theo về gò Đồn dưới tìm chim đuổi cho bay về khu nó đặt bẫy.

Nó đuổi hoài mà chim không chịu đậu ăn bên bẫy mà cứ bay vòng về gò Đồn dưới, bực bội nó cùng đưa em mang bẫy về gò Đồn dưới, làm đất mới rồi đặt bẫy, thì bầy chim lại bay về gò Đồn trên! Hai anh em lại chạy về gò Đồn trên đuổi chim bay về gò Đồn dưới. Cứ như thế hai thân hình nhỏ bé trong hai chiếc áo tơi rộng thênh thoàng chạy theo bầy chim Chà Chien đuổi suốt buổi chiều. Dường như cái đam mê, sự thử thách và lòng bướng bỉnh của những con chim cứng đầu kia đã làm tăng sự chịu đựng của hai con người nhỏ bé dưới cơn mưa phùn.

Rồi buổi chiều cũng qua đi, hai chiếc bóng trải dài trên mặt đất. Đôi bàn chân đã mỏi mệt. Anh em nó ngồi xuống bên bìa gò Đồn:

- Đưa con chim anh xem thử.

Đưa em nhìn vào lồng chim.

- Ý cha! Nó chết rồi! Đưa em buồn thiu, đôi mắt gần như ướm lệ.

- Sao em làm nó chết vậy?

- Em có làm gì đâu, em xách nó trong lồng chạy theo anh thôi mà.

- Em lắc mạnh quá con chim chết rồi.

- Bi giờ làm sao? Hồi nãy anh không chịu cho em bi giờ nó chết rồi, em mắc đền anh đó. Rồi giọt nước mắt chạy dài trên gò má người con gái ngây thơ.

- Thôi nín đi. Ngày mai anh gài con khác đền cho.

-

- Mà em nhồi nó chết chứ có phải tại anh đâu mà khóc.

Búm lấy con chim trong lồng ra đặt trên bàn tay:

- ... Em muốn ...giữ nó nuôi ...mà ...nó chết rồi, bây giờ làm sao.

Miệng méo máo với tiếng thút thít, Búm đưa tay lên quẹt ngan con mắt. Anh nó thấy vậy cũng buồn, và nói:

- Mình đem chôn con chim này đi rồi hôm nào anh bắt con khác cho.

Hai anh em đào một cái lỗ nhỏ, đặt con chim xuống, lấy lá cây đắp lên rồi lấp đất lại. Và hạt mưa, vẫn còn mưa bay.

Đồng Sa Bông

Bèo Trôi

Chiếc phi cơ cất cánh rời phi trường quốc tế Du Lắc vào một sáng mùa Đông. Dính đầy tấm màn che cửa, dán mắt vào cửa kiến nhìn xuống khuôn viên phi trường, vì nơi ấy, Thụy Vy chắc vẫn còn lảng vảng đưa mắt nhìn theo. Chiếc phi cơ vẫn quay đầu bay đi. Trong nháy mắt, sân bay và Thụy Vy chỉ còn là một điểm nhỏ, rồi biến mất trong áng mây. Chiếc phi cơ khổng lồ đang lao mình đưa đoàn người

về miền Đông Nam Á, Dĩnh ngồi co ro bên song cửa đưa mắt nhìn vào chân không, xa tít nơi chân trời những cụm mây nhấp nhô như những ngọn núi bạc đầu trải dài ngoài tầm mắt của Dĩnh. Và trong những đám mây chập chùng kia, lặc lờ một cụm mây đang bay lững lờ trong giá buốt.

Thế là Dĩnh thực sự trở về.

Bốn năm nay Dĩnh sống hững hờ bên cuộc đời. Giữa một thành phố đông người nhưng Dĩnh thấy mình cô đơn đến lạ lùng. Những người bạn, những ồn ào náo nhiệt ngày xưa nay dường như vắng lặng. Dĩnh không còn điện thoại trò chuyện, và cũng không còn nhận điện thoại nào từ bạn bè. Mà đâu còn bạn bè nào nữa, Dĩnh mất mọi liên lạc từ lâu rồi! Nhiều khi thấy vậy mà bình an hơn. Bốn năm qua cuộc sống của Dĩnh chỉ biết vui đầu vào công việc hằng ngày, tối về chỉ có Thụy Vy là niềm vui duy nhất. Những phương trình, những bài toán, và những “luận án” ngoài đời Dĩnh giải quyết rất hay. Có đôi khi ngồi trong xe nhìn khuôn mặt buồn rầu của Thụy Vy, Dĩnh nói Dĩnh có thể giải quyết được mọi chuyện trong nhà từ máy móc và mọi thứ, nhưng chỉ có một việc mà Dĩnh không tài nào giải quyết được, Thụy Vy có biết chuyện gì không? Nhưng rồi, nhìn bốn con mắt ngơ ngác của Thụy Vy, Dĩnh lại cặm cuội lo lái xe.

Bốn năm trước, trong một chuyến đi chơi trở về, Thụy Vy rất buồn rồi bật khóc nức nở trong xe. Nhìn Thụy Vy, Dĩnh hiểu vì sao Thụy Vy buồn nên để yên Thụy Vy giải bày nỗi buồn qua tiếng khóc. Chỉ tội cho lòng ngực Thụy Vy nhỏ quá không thể chuyên chở nổi những uất

ức trong lòng.

Hôm nay Dĩnh rời xa Thụy Vy. Dĩnh muốn dành cho mình một vài tuần để trở về thăm quê hương. Thăm lại những nẻo đường mà ngày xưa Dĩnh đã một thời lê gót. Một thời mà tuổi thơ của Dĩnh gắn liền với những kỷ niệm chứa chan tình bạn, tình người.

Chiếc phi cơ đã rời Thụy Vy rất xa, đang lao mình rẽ những luồng mây vượt lên không gian. Bao nhiêu chông chênh rồi cũng qua, và chiếc phi cơ đang thênh thang trong vũ trụ bao la. Nằm ở độ cao trên mười ngàn bộ, hai đôi cánh vươn rộng và tiếng máy thật đều của động cơ đang đưa con chim sắt vượt trùng dương. Những nhọc nhằn và ưu phiền của Dĩnh cũng giảm dần theo tỷ lệ nghịch của chuyển bay. Dĩnh nhắm nghiền đôi mắt và thiếp đi trong giấc ngủ. Và ngoài trời những tia nắng xuyên qua áng mây như những sợi chỉ mong manh.

Mười ba tiếng đồng hồ trôi qua, chiếc phi cơ đã vượt Thái Bình Dương và đang đánh một vòng tròn đáp xuống phi trường Narita, Nhật Bản. Dĩnh theo đoàn người rời khỏi chiếc phi cơ đến một khách sạn nằm ở ven sân bay. Dĩnh sẽ nghỉ tạm qua đêm ở khách sạn do hãng máy bay sắp xếp, chờ sáng mai tiếp tục cuộc hành trình.

Đặt chiếc vali nhỏ xuống giường, Dĩnh vội vã rửa mặt rồi khoát chiếc áo gió đón taxi xuống phố Narita, cũng là lúc ánh Thái Dương vừa khuất dạng.

Trời đã vào cuối Đông nhưng Narita vẫn lạnh. Lần đầu tiên dừng chân ở xứ hoa Anh Đào, Dĩnh tranh thủ thời giờ xuống phố xem cho biết qua nhịp sống của những người con Thái Dương Thần Nữ. Thời giờ không rộng rãi nên Dĩnh chỉ lảng vảng nơi ga xe lửa, dạo chơi một đoạn đường ngắn và ghé vào một tiệm ăn nhỏ bên lề đường gọi một tô mì. Nhìn ngoài đường, những cô nữ sinh Nhật Bản đang vội vã ôm sách vở hướng về sân ga. Những cô nữ sinh mặc đồng phục, ríp ngắn xanh với áo sơ mi trắng, người nhỏ con, thấp nhưng da rất trắng. Nhìn đoàn nữ sinh với những mái tóc cắt ngắn, đen huyền, vô tư và hóm hờ trò chuyện huyên náo làm Dĩnh nhớ lại những buổi tan trường ngày xưa. Những tà áo trắng Gia Long hay áo tím Trưng Vương bay phát phới trong gió những buổi tan trường, mang theo nét quyến rũ và lãng mạng của tuổi học trò mà có lẽ chỉ tìm thấy dưới những mái trường Việt Nam.

Buổi chiều đã qua, Dĩnh rời khu phố Narita trở lại khách sạn. Đường phố nơi đây rất hẹp, nhà cửa chèn chịt bên nhau. Đất ở đây rất hiếm nên được trưng dụng một cách tối đa. Có những nơi đậu xe rất nhỏ và xe hơi đậu chồng chiếc này trên chiếc kia như giường đôi giường ba trong những khoang tàu Hải Quân. Chỉ khác nhau là những chiếc xe nằm trên được mang lên bằng hệ thống “thang xúc”. Và một điều là ở thành phố Nhật Bản người ta ít thấy xe quá cũ chạy ngoài đường. Dường như người dân Nhật Bản chỉ dùng xe trong một thời gian ngắn xong đổi lấy xe mới, và xe cũ sẽ được đem bán ở những nước khác.

Sáng hôm sau chiếc phi cơ rời phi trường Narita. Khoảng sáu giờ

bay, phi cơ đã vào không phận Việt Nam. Dĩnh lại bu vào khung cửa nhìn xuống mảnh đất thân yêu mà hơn ba mươi năm trước Dĩnh đã ra đi. Dĩnh rất hồi hộp và trong lòng dâng lên một cảm giác mang mác khó tả. Thứ cảm giác của một người đi xa nay trở lại. Trở lại để tìm những dấu chân ngày xưa, để tìm lại những kỷ niệm, tình người, và để ôm chặt những người thân sau bao nhiêu năm cách biệt. Chỉ bấy nhiêu đó đã làm cho Dĩnh tê tái đi mất. Khi chiếc phi cơ vào bầu trời Việt Nam, Dĩnh nhìn xuống, có lẽ đây là vùng trời Quảng Nam, Quảng Ngãi. Dĩnh cố nhìn kỹ vùng đất sinh ra mình. Nhưng chiếc máy bay bay lẹ quá, thoáng một chút những ngọn núi và những ngôi làng đã nằm lại sau lưng thật xa. Dĩnh lại dõi mắt nhìn trên mảnh đất quê hương, quê hương Việt Nam. Rồi cảm thấy thật hạnh diện, chỉ vì là người Việt Nam, vậy thôi! Những cảm nghĩ miên mang đang lâng lâng trong người Dĩnh thì chiếc máy bay tụt dần xuống, và phía trước Dĩnh là hình ảnh của một Sài Gòn. Vậy là ruột gan của Dĩnh thót lại, bao nhiêu chữ nghĩa cũng biến mất để chỉ còn một tiếng thật nhỏ thoát ra từ đáy lòng: “Ồ Sài Gòn kia kìa”.

Sài Gòn đó, hay là hòn ngọc viễn đông đó. Sài Gòn đẹp và kiêu sa của người dân nước Việt. Vì Sài Gòn có bến Chương Dương có dinh Độc Lập có đường Tự Do, có chợ Quán có Cầu kho, bến xe lục tỉnh con đò Thủ Thiêm,... Vậy mà nó bị mất tên. Bây giờ với cái tên mới làm sao cất tiếng hát với dinh Độc Lập với đường Tự Do đây!? Bao nhiêu ý nghĩ đẹp trong đầu Dĩnh về Sài Gòn tự nhiên biến mất chỉ vì người nữ chiêu đãi viên Việt Nam ngỗ lời chào đón đến thành Hồ.

oOo

Chiếc phi cơ nghiêng mình rẽ vào phi đạo, những ngôi nhà nho nhỏ càng lúc càng to ra và ùn ùn chập vào cặp mắt hồi hộp của Dĩnh. Tiếng bánh xe va chạm vào phi đạo làm thân phi cơ run lên từng hồi, rồi những hàng cây bên ngoài đua nhau chạy ngược lại phía sau thật mau. Dĩnh nhìn ra ngoài những thảm cỏ màu đen đang từ từ chạy chậm lại, và chiếc phi cơ đang taxi về cảng đáp. Dĩnh lúi tuối học trò xuống từ học hành lý, vắt lên vai và bước theo đoàn người rời chiếc phi cơ. Đến cửa, một chiếc cầu thang được đẩy lại và áp vào thân phi cơ cho hành khách bước xuống. Dĩnh đặt bước chân lên bậc cầu thang, đưa mắt xa xa về phía trước để nhìn thật rõ quê hương những ngày xa cách. Lòng Dĩnh rạo rực một niềm vui không thể diễn tả. Những bước chân chầm chậm bước xuống từng bậc thang, và khi đến bậc thang cuối cùng Dĩnh nhìn xuống mặt đất. Dường như một cái gì rất thiêng liêng. Tự dừng Dĩnh lại nhớ đến cảnh Anthony Quinn, trong một đoạn phim nào đó, đã cúi người xuống và hun lên mảnh đất thân yêu sau bao nhiêu năm dài dằng dẳng. Nhưng trong một cái chớp mắt, Dĩnh chợt nhớ Sài Gòn đã mất tên rồi. Không lẽ Dĩnh cúi đầu xuống hun lên thành phố mới này! Dĩnh xua đuổi ý nghĩ đó thật lẹ và bước chân giẫm lên mặt đất, theo đoàn người đi vào khu xét giấy thông hành và nhận hành lý.

Mấy năm trước mỗi lần trở về thăm nhà, người ta mách cho Dĩnh nếu muốn được êm xui thì khi vào khu xét giấy thông hành nên làm như vầy như vầy và như vầy. Vậy đó, bây giờ Dĩnh mới biết cái giấy thông hành mang hình con Ó nghe nói có thớ lắm, vậy mà cũng không ngon bằng tờ giấy năm đó! Nhưng mà đâu phải người nào

cũng làm như vậy đâu, chỉ có những người da vàng mũi tẹt trở về thăm quê hương của mình mới bị thôi! Còn mấy thằng Tây, có lẽ vì to con nên người ta sợ, đâu dám ăn hiếp.

Khi kiện hành lý cuối cùng được bỏ lên chiếc xe con, Dĩnh đẩy về cửa kiểm soát. Ở đây một nữ nhân viên hải quan hỏi Dĩnh:

- Anh có mang theo máy cầm tay không?

Dĩnh nhìn người con gái thật xinh, xong:

- Em ơi, tui xin phép công ty về Việt Nam để nghỉ phép mà mang theo cái thứ đó làm gì. Thời gian này là thời gian anh muốn quên đi hết mọi việc, chỉ muốn đi chơi thôi. Em có rảnh không?

Người con gái nhìn Dĩnh một chập rồi lấy trên tay Dĩnh những mẫu giấy đăng ký hành lý và địa chỉ nơi Dĩnh cư ngụ tạm tại thành phố Sài Gòn, rồi nói:

- Anh đợi đây một tí.

Dĩnh lấy điều thuốc ra đốt đứng nhìn chiếc vali. Phi trường Tân Sơn Nhất về đêm mà đông người quá! Nhìn đâu đâu cũng thấy người người đi lại. Một khoảng cách không xa nơi kiểm tra hành lý là một bờ rào bằng thanh sắt, nơi đây người nhà tù tập và chen người thò đầu qua song cửa để tìm người thân bên trong. Những tiếng chào đón, vui mừng và những tiếng gọi tên người nổi lên như một khu chợ

đêm. Dĩnh cũng đưa mắt nhìn ra xem có gương mặt nào quen không, nhưng trong một rừng người Dĩnh không tìm thấy một người thân. Vì trước khi lên đường vài ngày Dĩnh chỉ báo cho mỗi một người chị biết về lịch trình chuyến bay. Dĩnh đang lúc lảo nhò ra khung cửa sắt thì người con gái quay trở lại, trên tay nàng cầm những giấy tờ của Dĩnh và nói:

- Giấy tờ của anh đầy đủ và xong rồi. Khi về Gò Vấp anh nhớ đăng ký với địa phương nghe hong. Thôi, anh đi được rồi.

Người con gái chìa tay trao những mảnh giấy cho Dĩnh.

- Mà em chưa trả lời câu hỏi hồi nãy của anh. Dĩnh nhìn người con gái với con mắt tinh nghịch.

- Dzô dziên dzura thôi, anh đi về đi. À mà anh có người nhà đến đón không?

- Anh thuộc diện con bà phước, làm gì có người nhà mà đưa với đón. Dĩnh buông lời đùa giỡn với người con gái, xong nhéc mấy tờ giấy đăng ký vào túi áo vest, quay mặt đẩy xe hành lý ra cổng.

Vừa ra khỏi khu kiểm soát hành lý Dĩnh ngơ ngác đẩy chiếc xe con đi giữa hai hàng người. Tiếng người la ròi những bàn tay đưa lên vẫy gọi, một người lại tìm được một người và hai vòng tay lại ôm trọn vào nhau. Nổi vui mừng hòa lẫn trong nước mắt! Dĩnh đang bùi ngùi nhìn cảnh người người sum họp, lòng lại nhớ về một phương trời

xa xôi, nơi đó có người đã giết chết niềm vui. Đang chìm đắm trong cảm giác vui buồn lẫn lộn, chợt nghe tiếng gọi tên mình, Dĩnh quay đầu lại. Tiếng gọi của Chinh, đưa cháu con người chị.

Dĩnh theo chân đưa cháu đẩy xe ra sân. Trời đã khuya, sân ga bắt đầu thưa người. Dĩnh bỏ chiếc vali vào cốp xe taxi, mở cửa bước vào thì, dưới gốc cột đèn phía trước, bóng người con gái kiểm soát hành lý lúc này đưa tay lên vẫy chào. Dĩnh vừa đưa tay lên thì, chiếc xe cũng bắt đầu lăn bánh.

oOo

Ra khỏi cổng sân bay chiếc xe taxi đưa Dĩnh và đưa cháu về Gò Vấp. Nhìn cảnh vật bên đường Dĩnh thấy Sài Gòn qua bao nhiêu năm thăng trầm và nay đã thay đổi. Cái thay đổi nhiều nhất là mật độ dân cư, con người. Người dân Sài Gòn giờ đông gấp bội cho nên nhà cửa cũng mọc lên như nấm khắp nơi. Chiếc taxi chạy vào hẻm nhỏ, Dĩnh xuống xe theo Chinh vào nhà thì đồng hồ cũng vừa điểm 12 giờ đêm. Vợ chồng người chị và vài đứa cháu vẫn còn thức để đón Dĩnh.

- Cậu Dĩnh đến kìa. Cậu đi đường chắc mệt lắm, xuống đây rửa mặt cho khỏe đi. Người chị vốn vẫy chào đón Dĩnh.

- Chị để đó cho em, anh chị và mấy cháu vẫn khỏe?

- Ừ, gia đình chị vẫn khỏe. Bên đó mẹ và mọi người vẫn khỏe cả

cậu. Lâu lắm rồi cậu mới trở lại.

- Dạ, lâu lắm rồi. Mọi người vẫn khỏe. Nhưng em thì lúc này mệt lắm.

- Bà nó để cậu đi nghỉ cho khỏe, rồi mai hãy trò chuyện. Tiếng nói của người anh rề.

- Không, em không mệt lắm đâu. Lâu ngày mới gặp, anh ngồi đây nói chuyện một chút.

- À, anh chỉ sợ cậu đi đường xa mệt, cần nghỉ cho khỏe.

- Cậu về chơi được bao lâu? Đứa cháu hỏi.

- Ba tuần, cậu nghỉ phép được ba tuần rồi phải trở lại bên đó. Cậu muốn chuyến này đi Quảng Ngãi thăm chơi, không biết mấy cháu có thì giờ đi cùng cậu không?

- À! Có cháu đây. Mấy tháng nay thất nghiệp nằm nhà “chạy máy gạo” hoài ba má cháu cũng rầu lắm, cháu sẽ đi chơi cùng cậu nhe, thích quá.

- Được, vậy thì Nga lo sắp xếp đi. Tuần tới mình lên đường.

- Chỉ mang tấm thân bồ tượng của cháu đi thôi, đâu có gì để sắp xếp đâu cậu. Vậy tuần này cậu làm gì?

- Cậu muốn đi lang thang vỉa hè Sài Gòn chơi cho biết.

Dĩnh say sưa ngồi trò chuyện cùng gia đình người chị, khi thấy buồn ngủ thì đồng hồ đã chỉ 3 giờ sáng.

Những ngày kế tiếp Dĩnh đi thăm bà con họ hàng, và những người bạn cũ. Có những người mà hơn ba mươi năm qua Dĩnh mới gặp lại. Những ân tình, những kỷ niệm và những ký ức lại hiện về trong tâm trí của Dĩnh mỗi lần đi lại con đường xưa hay gặp lại người cũ.

Những nụ cười chân tình và những cái siết tay làm cho Dĩnh thấy ấm lại tình người, mà ở nơi phương trời xa kia dường như đã mất! Có những lúc Dĩnh tự hỏi bao nhiêu năm rồi ra đi đã tìm được những gì? Hay cuộc đời chỉ là một vòng tròn lẫn lẩn mà con người tự buột mình trên cái vòng tròn vô hình đó!

Một tuần lễ lững lờ trôi qua nhanh chóng. Những con đường, những mái trường và những nơi ngày xưa Dĩnh thường lui tới Dĩnh lần lược trở lại viếng thăm. Nhưng hầu hết những nơi đó bây giờ đã thay đổi! Có những nơi Dĩnh dõi mắt tìm lại dấu vết của từng cổng trường hay những chiếc xe bán chè cho lũ học trò ngày xưa cũng không còn đây nữa. Tất cả đã thay đổi, thay đổi thật lạ như tấm lòng của kẻ phụ tình!

Rồi một buổi chiều một mình đang dạo phố, Dĩnh chợt nhớ là chưa khai báo nơi tạm trú. Dĩnh thọt tay vào túi quần móc ra những mảnh giấy đăng ký hải quan ở phi trường, kiểm soát lại để lo đăng ký chỗ ở tạm. Dĩnh lật qua lật lại từng mảnh giấy và đọc lướt qua. Bất chợt

Dĩnh dừng lại ở phía sau một tờ giấy có đề hàng chữ rất nhỏ: “Anh gọi cho em” kể đó là số điện thoại và cái tên Diễm! Dĩnh trầm ngâm một hồi rồi cũng đoán ra được Diễm là ai. Thế là Dĩnh lôi điện thoại ra gọi:

- A lô, ai đây?

- Dĩnh.

- Dĩnh nào.

- Dĩnh hôm nọ ở phi trường đó, có phải Diễm đây hong?

- À! Em nhớ ra rồi. Anh ở đâu vậy?

- Dưới phố.

- Phố nào?

- Chợ Bến Thành đó. Diễm có rảnh hong?

- Hôm nay Chủ Nhật, ngày nghỉ của em.

- Cho anh địa chỉ đi.

- Chi vậy?

- Thì đến mời Diễm đi chơi chứ chi.
- Sao anh biết em đi mà mời.
- Anh biết Diễm sẽ đi mà.
- Để coi thử, nhưng đây là địa chỉ em nè. Nàng đọc thật lẹ địa chỉ nhà cho Dĩnh.
- Diễm đợi anh một chút nha.

Rồi Dĩnh tắt máy.

Dĩnh loay hoay bỏ những tờ giấy vào túi áo, móc ra bảy ngàn đồng trả cho cô hàng nước trái dừa tươi đang uống lờ chừng. Chụp cái nón an toàn lên đầu, Dĩnh rời khu ăn uống chợ Bến Thành để ra chỗ gọi xe. Chiều Chủ Nhật nắng Sài Gòn vẫn còn vương trên bờ vai, Dĩnh rờ máy xe chạy về đường Phạm Văn Chiêu, Gò Vấp.

Đường sá Sài Gòn giờ như màng nhện, mấy ngày nay Dĩnh chạy hoài mà vẫn còn lu mờ. Những con hẻm, những con đường mới thi đua nhau nổi lên khắp nơi vậy mà bài toán giao thông ở Sài Gòn có lẽ sẽ không có giải đáp! Dĩnh chỉ biết những con đường chính ngày xưa Dĩnh thường đi, ngoài ra mỗi khi đi đâu Dĩnh thường nhắm hướng mà đi! Có đôi lúc Dĩnh như người xa lạ, đứng bên lề đường nhìn qua rồi nhìn lại, không biết mình đang đi đâu.

Từ chợ Bến Thành Dĩnh cứ nhắm hướng Đông Bắc mà đi. Một hồi Dĩnh gặp đường Hai Bà Trưng, từ đó Dĩnh chạy thẳng về ngã tư Phú Nhuận, rồi vào Nguyễn Kiệm, lên Quang Trung. Cuối cùng Dĩnh cũng lần mò đến đường Phạm Văn Chiêu. Dĩnh chạy lên rồi chạy xuống, rồi cùng cũng tìm ra hẻm 51. Dĩnh ngừng xe lại, lật bàn tay ra nhìn địa chỉ nhà của Diễm. Đây rồi, số nhà 51/10K25 đường Phạm Văn Chiêu, phường 12, quận Gò Vấp như nét mực ghi vội vàng trong lòng bàn tay của Dĩnh. Dĩnh dựng xe trước cổng, rung chuông. Một lần, rồi hai, ba lần. Vẫn không thấy ai ra mở cửa! Dĩnh lại lật bàn tay ra xem lại, nhưng những vết mực đã loan dần dưới làn mồ hôi làm Dĩnh không còn thấy rõ địa chỉ nữa. Đã hơn nửa tiếng đồng hồ trôi qua, Dĩnh đi đi lại lại trên con hẻm này, và nhìn vào những căn nhà bên cạnh chẳng thấy bóng dáng người con gái kiểm soát hành lý ở phi trường Tân Sơn Nhất! Dĩnh bèn móc điện thoại ra gọi lại:

- A lô.

- Diễm hả, anh đây nè. Anh tới nhà rồi mà sao không thấy Diễm đâu hết vậy?

- Anh gỡ nón bảo hiểm ra coi.

- Ủa, gỡ ra chi, bộ Diễm thấy anh sao?

- Thì gỡ ra đi.

- Gỡ thì gỡ, xong rồi đó.

- Xạo nghe hong, gỡ ra đi.

- Hùm, chơi cái trò gì đây cà! Rồi, gỡ ra rồi.

- Anh quay lại, đi đến căn nhà thứ năm rồi nhìn lên trời thử coi.

Dĩnh quay lại vừa dắc xe đi vừa ngược lên nhìn thì thấy bóng người con gái đứng vẫy tay, miệng cười tinh nghịch. Dĩnh vừa đến bên cổng nhà thì Diễm cũng vừa bước ra.

- Sao cho anh địa chỉ ma vậy!

- Đâu phải địa chỉ ma đâu, có thật chứ bộ.

- Nhưng đâu phải địa chỉ nhà Diễm đâu. Sao con gái mấy em rắc rối quá vậy.

- Em thích vậy đó, được hong!

-

- Mà sao em thấy kỳ quá hà, chưa biết anh mà cho tới nhà thấy kỳ quá.

- Gặp ngoài phi trường rồi sao nói chưa biết. Cho anh leo cây từ nãy giờ rồi tính sao đây?

- Mà sao anh lì quá vậy! Em ngỡ tìm nhà không ra thì đi về đi chứ.
- Thì ra nãy giờ em ngồi trên này nhìn anh đi qua đi lại trong nắng mà làm thành hủ! Tàn nhẫn há.
- Anh nhiều chuyện thiệt nhen. Bây giờ tính mời em đi đâu đây?
- Mệt rồi, trèo lên xe anh chở đi uống nước nhe.
- Nhưng sao kỳ quá, hay là anh đi về đi.
- Thôi mà, anh có cần em đâu mà sợ dữ vậy, chỉ như là một người bạn mời một người bạn đi uống nước thôi, có gì đâu mà suy nghĩ. Nếu không đi thì làm sao em quen người nào!
- À.... Như một người bạn thôi! Nhớ đừng cần em nha.

Thế rồi Diễm leo lên xe. Và hai người lại đèo nhau ra phố. Chiếc xe Honda len lỏi vào giữa giòng người. Những tiếng máy nổ, khói và bụi đường hòa lẫn trong mùi nồng sặc của xăng nhớt làm cho người đi đường muốn nghẹt thở. Vậy mà mỗi lần trở lại Sài Gòn Dĩnh lại thấy thích thú muốn hòa lẫn vào đám đông người trên chiếc xe Honda, có lẽ Dĩnh muốn thực sự sống thật bình thường như những người thân hàng ngày vẫn làm và sống trong thành phố đông người này. Qua khỏi chợ Phú Nhuận là đến cầu Kiệu, Dĩnh chạy thẳng qua đường Hai Bà Trưng để về bến Bạch Đằng. Khúc gần cuối đường Hai Bà

Trung xe có vẻ thừa dằn. Dĩnh đang chạy lẹ bỗng dừng thẳng gấp xe lại làm cả người Diễm chạm sát vào người Dĩnh.

- Anh lái xe cao bồi quá hén. Diễm đâm lên lưng Dĩnh thành thịch.

- Như vậy em mới ôm sát vào người anh chứ.

- Dê xôm.

Dĩnh quay lại phía sau nhăn răng cười nhìn Diễm, rồi lại tiếp tục chạy về bến Bạch Đằng.

- Đến chỗ rồi, mình vào vườn cây kiểng bên bờ sông Sài Gòn ăn kem nhe.

Một chiếc bàn nhỏ và hai chiếc ghế kê sát nhau bên cạnh dòng sông. Diễm ngồi xoa tóc nhìn những đám lục bình trôi lững lờ trên sông:

- Sao anh không đi chơi với bồ anh, Diễm hỏi.

- Nếu có anh đâu phải bị em hành hạ dưới cơn nắng cháy.

- Người như anh không lẽ không tìm cho mình một người bạn gái?

- Không phải không tìm được, nhưng có lẽ anh tìm chưa ra. Còn em.

- Người ấy đã xa em rồi.

- Sao vậy?

- Hiếm gì lý do, anh cần biết lý do không.

- Ừ, anh hiểu rồi. Kể phụ tình thì thiếu gì lý do, phải không. Nhưng lý do nào cũng đáng đem chôn hết đi.

- Sao lại đem chôn đi?

- Vì họ còn sống cũng như đã chết rồi, không phải sao.

- ...

- Thôi, bây giờ anh chở em đi vào chợ Bến Thành chơi nhe.

- Chơi gì trong đó.

- Anh muốn mua cho anh và em ít đồ.

Ra khỏi cửa Tây, Diễm mang một túi đồ quần áo. Rồi Dĩnh chạy một mạch đến đường Trương Định, quận 1. Dưới những hàng cây me bên lề đường Dĩnh ngừng xe lại.

- Anh ngừng đây chi vậy?

- Em muốn sửa quần ở đây không?

- Có thấy tiệm nào đâu.

- Kia kia, trên lề đường đó.

- Trời! chỗ đó đó hả. Trống lổng làm sao anh thử. Thôi, em không sửa đâu.

- Kệ nó, mấy đứa nhỏ nghèo khổ mình giúp nó đi.

Thế là Dĩnh dắt xe tới dựng bên cạnh chiếc máy may trên lề đường.

- Người sửa quần đâu cháu? Dĩnh hỏi một đứa bé gái cỡ chừng bảy tám tuổi đang bán nước bên cạnh.

Đứa bé nghe hỏi liền chạy qua bên kia đường và trở về cùng một đứa con trai khoảng chừng mười bốn tuổi.

- Kia kia, chú đó muốn sửa quần kia kia. Đứa bé gái chỉ tay về Dĩnh và nói với đứa con trai.

- Lên lai quần bao nhiêu một cái cháu. Dĩnh hỏi.

- Dạ bảy ngàn chú. Đứa con trai đáp.

- Được, lên lai cho chú năm cái quần này nhe. Cháu lấy ni theo quần chú đang mặc đây nè. Một lát chú trở lại lấy quần nhe.

Rồi Dĩnh bỏ quần ở đó, chờ Diễm đi uống nước. Mới vừa lên xe thì Dĩnh nghe:

- “Trời! Sao mà ngu quá vậy hổng biết. Viêt kiêu đó!” Tiếng nói của đứa bé gái lúc nầy.

Dĩnh miểm cười và nói nhỏ với Diễm:

- Em thấy con bé đó lanh nghê hong. Rồi rồ xe chạy đi.

- Cả hai đứa đó giờ này đáng lẽ đang ngồi trong trường, nhưng anh thấy hong. Còn biết bao nhiêu đứa bé khác trong xã hội này! Diễm châu mày nhìn xuống đất.

Uống xong ngụm nước cuối cùng, Dĩnh chờ Diễm trở lại lấy năm cái quần.

- Chú thử xem có vừa không.

- Ở đây làm sao chú thử?

- Nhờ chú đứng phía sau bức tường kia kìa.

- Thôi, được rồi, chú nghĩ không cần đâu. Đây một trăm ngàn đây.

- Chú đợi một chút, cháu đi lấy tiền thôi.

- Thôi, khỏi cần phải thôi, chú cho luôn đó. À, nhớ cho đứa bé gái kia một ít nhe.

Nói rồi Dĩnh lên xe cùng Diễm quay đi. Đến đường Lý Chính Thắng Dĩnh quay đầu nhìn lại, thì thấy hai đứa bé nhìn theo.

oOo

- Sao anh không mua sắm bên đó mà về đây mua. Diễm hỏi.

- Anh thích về đây mua sắm vui hơn. Thứ nhất là rẻ, kể đó mình có lý do chạy rong ngoài đường chơi như hôm nay nè. Vả lại anh ít khi đi mua sắm cho anh lắm, cứ mỗi vài năm anh mua một lần năm ba bộ đồ, vậy thôi.

- Nhưng ở đây anh coi chừng người ta nói giá trên trời dưới đất không đó, không khéo là bị lỗ đến gấp đôi gấp ba lận.

- Anh biết chứ, nên mới dẫn thổ địa đi theo anh đây nè. Anh thấy có con ma nào qua mặt được em đâu!

- Anh nịnh đầm giỏi lắm, vậy trả công cho em đi.

- Em muốn anh trả cái gì.

- Một châu phở.

- Dễ thôi, trời cũng sắp tối rồi anh chở em đi ăn tối luôn nhé. Em biết chỗ nào ăn ngon hong?

- Em không rành đâu. Em thấy mấy người như anh về đây vậy mà rành chỗ ăn ngon hơn tụi em đó.

- Vậy thì ngồi lên xe đi, anh biết chỗ này ngon và gần nhà em lắm.

Dĩnh chạy thẳng trên đường Lý Chính Thắng, con đường một chiều nên ít kẹt xe. Chỉ trong nháy mắt Dĩnh đã đến ngã ba Hai Bà Trưng (con đường chuẩn mà Dĩnh dùng để nhắm hướng!) Dĩnh quẹo trái qua cầu Kiệu và đi lại con đường lúc ban chiều đến nhà Diễm.

Nhưng khi đến Gò Vấp thay vì quẹo mặt vào Phạm Văn Chiêu, Dĩnh đi thẳng qua bên kia chợ Cầu rồi chạy vòng ra đại lộ Trường Chinh.

Đại lộ Trường Chinh rất rộng, chia làm hai chiều. Mỗi chiều có lối riêng cho xe hơi xe tải hàng, và lối riêng cho xe hai bánh ba bánh.

Đại lộ Trường Chinh khởi đầu từ Sài Gòn và chạy xuyên qua xứ Miên nên được gọi là con đường xuyên Á. Chạy trên đại lộ Trường Chinh Dĩnh cảm thấy như mình đang chạy trên những đại lộ xuyên bang ở xứ Mỹ. Chỉ có khác một điều là bụi đường, bụi đường vẫn bay mù mịt nơi đây! Nằm trong địa phận quận Gò Vấp, hai bên mặt đường Trường Chinh là nhà cao tầng và những cửa hàng buôn bán rất khang trang. Dĩnh ngừng xe cùng Diễm bước vào một quán ăn đồ biển bên mặt đường.

- Quán gì vậy anh? Diễm hỏi.

- Không Ngon Không Trả.

- Em hỏi tên quán ăn này kìa.

- Ừ, thì Không Ngon Không Trả. Tên quán này đó.

- Diễm ngược mặt nhìn lên tấm biển đề tên tiệm ăn. Trời! Sao lỏi quá vậy.

- Không phải lỏi đâu. Chủ tiệm này chơi kiểu lắt léo mà em không thấy đó.

- Lắt léo gì đâu, em thấy ông chủ tiệm này lỏi dám nói là ăn không ngon thì không trả tiền chứ gì.

- Nhưng em nghĩ đi, biết đâu ông chủ này cũng muốn nói là ăn không ngon thì cũng rán mà ăn, không được trả lại đó!

- Hừ, anh suy nghĩ rắc rối quá. Thôi, vào ăn thì biết chứ gì.

Dĩnh miễm cười nhìn Diễm rồi bước vào phòng ăn bên trong.

Những món ăn hải sản như ốc Hương Tứ Xuyên, cua rang muối, sò huyết, sò lông, vân vân và vân vân, lần lượt được mang ra trên chiếc bàn nhỏ. Dĩnh ngồi bên cạnh Diễm, cùng nhìn ra mặt đường với bao nhiêu cảnh người nhộn nhịp. Những lời trò chuyện và tiếng cười

khúc khích từ đôi môi duyên dáng của Diễm trông như đôi bạn đã từng quen nhau từ lâu. Rồi trong giây lát men bia đã thấm vào mạch máu, nhìn vào Dĩnh, Diễm nói:

- Sao anh về đây chỉ có một mình?

- Vì anh chỉ có một mình thôi.

- Anh kỳ quá, em hỏi thật mà.

- Ừ, thì anh cũng nói thật mà. Chuyện đời hợp rồi tan như những cánh bèo trong ao nước kia. Em thấy không những cánh bèo xanh tươi bám nhau thành một mảnh trông thật là khấn khít. Vậy mà chỉ một cơn gió khuấy động những cánh bèo kia cũng rời ra nhanh chóng vậy thôi.

- Nhưng những cánh bèo trong ao nước đó rồi cũng có lúc gió lặng lại tìm nhau để kết hợp thành một mảnh khác, anh không thấy sao.

- Ừ đúng vậy, nhưng cơn gió vô tình đã làm cho cánh bèo run rẩy mỗi lần muốn bám lại vào nhau.

- Không lẽ cánh bèo kia suốt đời lẩn quẩn một mình trong cái ao nhỏ này sao?

- Biết đâu một ngày nào đó mưa to gió lớn làm tràn ngập bờ ao và sẽ mang cánh bèo trôi đi. Và lúc đó nó sẽ không còn cô đơn.

Diễm ngồi lặng thinh nhìn vào cảnh người tấp nập bên ngoài, và nói nhỏ: “À, biết đâu.”

- Trời cũng tối rồi, thôi để anh đưa em về nhe.

Nói xong Dĩnh nuốt trọn những giọt bia còn lại và đặt cái ly xuống bàn. Chân lạng quạng điều Diễm bước ra khỏi quán ăn.

- Dường như anh mệt lắm rồi, để em chở anh về cho nhe.

- Không sao đâu, chỉ có mấy lon bia nhỏ đó mà làm gì được anh. Em ngồi lên xe đi nhe.

Chiếc xe nổ máy, chạy ngoằn ngoèo như tên say rượu rồi biến mất trong con hẻm nhỏ.

Đến nhà Diễm, Dĩnh dựng chiếc xe trước cửa, khóa cổ xe rồi bước vào nhà cầu để trút bớt đi gánh nặng từ những lon bia. Dĩnh quay trở lại và nói:

- Có lẽ hôm nay là ngày anh vui nhất trong chuyến bay này. Không ngờ lại gặp được em và cảm ơn em đã không ngần ngại đi chơi với người mà em chưa từng biết.

- À, không ngờ, không ngờ anh đã mang lại những giây phút thật tự nhiên, mà em ngỡ như đã quen từ lâu rồi! Nhưng mà anh coi chừng mấy lon bia nhỏ kia nó hại anh đó! Diễm nhìn tướng của Dĩnh mà

miễn cười.

- Thôi, anh đi về nhé.

Nói xong Dĩnh cất bước đi thì nghe cái bịch, Dĩnh đã nằm ngay dưới sàn nhà.

- Vậy mà nói giỏi lắm.

Diễm lăm bằm một mình rồi hì hạch lôi Dĩnh bỏ trên giường.

oOo

Diễm gỡ cặp mắt kiến trên khuôn mặt mệt mỏi của Dĩnh rồi lấy chiếc khăn tay lau những vết bụi đường. Nàng kéo chân Dĩnh thẳng ra rồi ngồi bên cạnh nhìn Dĩnh say sưa trong giấc ngủ. Những cảm giác xa lạ đối với Dĩnh bây giờ không còn trong Diễm. Ngày xưa Diễm cũng đã một lần yêu, nhưng tình yêu kia đến với Diễm một cách miễn cưỡng và cuối cùng nó cũng bay xa. Hôm nay Dĩnh đến, đến quá đột ngột. Nhiều lúc Dĩnh quá tự nhiên đã mang lại cho nàng một sự tự tin và thân mật. Một ngày bên người thanh niên xa lạ này Diễm thấy mình thật sự tự do, Diễm có thể cười, nói, mà không cần phải suy tính. Bây giờ nhìn Dĩnh đang ngủ say trong men rượu, nàng ước gì Dĩnh sẽ ngủ mãi mãi đừng bao giờ thức giấc.

Rồi một tiếng động, Dĩnh trở người và trong cơn mê Dĩnh ấp ớ gọi tên:

- “Thụy Vy, Thụy Vy,...Bờ...”

Từng tiếng kêu Thụy Vy là từng mũi kim châm vào lồng ngực của Diễm! Nàng trở mắt nhìn về Dĩnh, từ thắc mắc đến băng khoảng. Diễm nín thở và đang đợi chờ, đợi chờ cơn mê kế tiếp của Dĩnh, hay đang chờ từ cửa miệng kia để nghe rõ tiếng nói bắt đầu bằng chữ B là gì. Diễm trông đợi, trông đợi đến nóng ruột:

- “Anh nói đi, nói cái gì cũng được nhưng đừng nói chữ Baby nghe hong. Anh đừng gạt em nghe hong. Sao lạ vậy, sao nguyên ngày nay anh không nói cho em biết đi, anh...anh...anh nhiều chuyện anh vô duyên quá nghe hong.”

Diễm buông người ngồi bịch xuống sàn nhà, nàng co hai đầu gối lên, úp mặt nhìn xuống nền nhà, đen thui. Nàng bực mình rồi tự giận hờn:

- “À, mà kệ người ta, người ta đâu là gì của mình đâu mà tức giận chi cho mệt xác chứ. Đã nói rồi mà không nghe, đàn ông mà, ông nào cũng vậy thôi, xạo chết mẹ! Thôi, đi kiếm gì ăn cho khỏe.”

Diễm bật người đứng dậy như chiếc lò xo, xong bỏ đi xuống bếp một mạch. Nàng đang lục lọi lấy cái xoong thì nghe tiếng cục cựa của Dĩnh trên giường, Diễm liền cầm cái xoong chạy lại:

- “Thụy Vy, Thụy Vy, Ba nhớ con lắm...” Tiếng ú ớ của Dĩnh.

- “Trời! Tưởng anh nhớ đến con nhỏ nào, ai ngờ anh nhớ con.”

Trong tiếng nói Diễm thả cái xoong rớt xuống nền nhà rồi nhảy đến ôm chặt lấy người Dĩnh.

- Em sao vậy? Dĩnh nói trong cơn mệt mỏi.

Diễm lấy tay bịt miệng Dĩnh và ra ni đừng nói. Nàng ôm chặt vào người Dĩnh, rồi kéo chiếc mền trùm lại. Những hơi thở dồn dập hòa lẫn trong những tiếng rên đứt quãng trong căn phòng ấm cúng. Rồi những tiếng cười khúc khít bao trùm trong chiếc mền đang cuộn tròn hai tâm hồn:

- “Bây giờ anh kêu Baby em có giận không!”

- “Vậy hồi nãy anh nghe em nói hết rồi phải không?”

- “Ừ.”

- “Đồ mất dịch, anh đi chết đi. Nè coi nè.”

- “Thôi, đừng ngắt véo anh chứ.”

- Ngày mai anh đi Quảng Ngãi em muốn đi chơi với anh không?

- Không, em phải đi làm, anh cứ đi đi.

oOo

Chuyến xe đò trở vô từ Quảng Ngãi đông nghẹt với những người trẻ tuổi. Họ là những người con xứ Quảng, mỗi lần Xuân về họ trở về quê ăn Tết. Hôm nay là mười một tháng Giêng, những người trẻ tuổi này rời xa quê hương trở vào Sài Gòn kiếm kế sinh nhai. Những làng quê nơi xứ Quảng bây giờ vắng đi những người trẻ tuổi, họ ra đi để mang về những đồng tiền xây dựng lại nhà cửa. Nhưng cũng buồn thay, có những đám tang nay không còn những người trai trẻ để khiêng vác!

Hai giờ sáng chiếc xe đò đã cập bến xe Miền Đông. Dĩnh xuống xe, lấy hành lý và chờ tìm xe trở về nhà người chị. Sài Gòn vào buổi sáng tinh sương rất vắng vẻ. Những ồn ào, hoa lệ của cả thành phố đã yên giấc nơi đâu, và bây giờ chỉ còn tiếng vắng lặng, vắng lặng đến cô đơn.

Dĩnh ngồi đốt điếu thuốc nhìn bên kia đường, một đôi bạn trẻ, hay có lẽ là một cặp vợ chồng trẻ, đang cuộn chiếc chiếu, tấm mền và tấm tân che sương được bày ra làm nơi an nghỉ qua đêm trên vỉa hè. Khi những tấm mền, chiếu được mang dấu phía sau một góc tường, đôi vợ chồng trẻ nói những lời từ biệt rồi mỗi người một nẻo bước lên đường đi tìm cuộc sống, thì đồng hồ cũng vừa chỉ đúng bốn giờ sáng. Và cuộc sống hoa lệ của thành phố cũng bắt đầu một ngày mới.

Ba tuần lễ đã trôi qua, Dĩnh giã từ gia đình người chị, gọi taxi chạy về phi trường Tân Sơn Nhất. Sau thủ tục cân hành lý, còn một tiếng nữa

mới đến 23:00 giờ, giờ lên máy bay. Dĩnh cùng Diễm ra ngồi ngoài hành lang sân bay nhìn về thành phố muôn màu của Sài Gòn về đêm. Dưới muôn ngàn ánh đèn màu đỏ, có biết bao nhiêu mảnh đời trơ trọi!

Rồi giờ bay cũng sắp đến, Dĩnh hun lên đôi môi đỏ thắm của Diễm và ước thầm: “Những cánh bèo trôi, mong có ngày tụ lại.” Diễm vẫy tay chào tạm biệt và chiếc máy bay sắp cất cánh trở lại phi trường Đu Lắc.

Đồng Sa Băng

Bờ Xe Nước Quảng Ngãi

*"Đã bao lâu rồi không về miền Trung thăm người em,
Nắng mưa đêm ngày cách trở giờ xa xôi đôi đường,
Người ơi có về miền quê hương Thùy Dương..."*

Tiếng hát ấm áp của Quang Lê trong đêm Hè nóng bức đã làm lòng người tha hương càng thêm ray rức nỗi nhớ. Dù ở tận trời Tây, miền Đồng Tháp, trên cao nguyên Lâm Viên hay giữa đô thành nắng ấm Sài Gòn, những người con của miền Trung nói chung, và Quảng Ngãi nói riêng, khi nghe những lời hát trên chắc sẽ nhớ về quê

hương. Nỗi nhớ bao la rồi sẽ cô đọng lại trên mảnh đất nhỏ bé thân yêu nơi họ chào đời. Vì nơi ấy có biết bao nhiêu kỷ niệm, và cuộc sống đã hòa quyện vào ký ức. Rồi ký ức sẽ lần mò về những ngày xa xưa, và trong giây phút nào đó những ký ức nhạt nhoài cũng tự hỏi:

“Ờ, quê hương Quảng Ngãi ngày xưa có gì hùng vĩ nhỉ?”

Câu trả lời chắc chắn sẽ là: "bờ...xe...nước".

Đúng vậy, những bờ xe nước khổng lồ trên đất Quảng đã đi vào lòng biết bao nhiêu người con xứ “Nẫu”.

Bờ xe nước đã gắn bó mật thiết với những người nông dân trên con đường dẫn thủy nhập điền, để ngày đêm đã tưới biết bao nhiêu cánh đồng lúa trên quê hương Quảng Ngãi. Ngoài công việc quay tròn bên bờ sông, mang nước đưa về những cánh đồng nằm cheo leo khắp nơi, bờ xe nước Quảng Ngãi còn là một thắng cảnh hùng vĩ, có một không hai trên quê hương Việt Nam. Và bờ xe nước cũng là niềm tự hào của những người con xứ Quảng.

Những du khách, kể cả những người Tây phương, nếu có lần đi ngang qua hoặc dừng chân bên bờ sông Trà Khúc hoặc sông Vệ trong những ngày mùa, chắc sẽ được thấy bờ xe nước ngạo nghễ và cao lớn đang quay đều bên bờ sông, mà lòng khâm phục những người tạo dựng lên nó. Rồi con người nhỏ bé, đứng nhìn những hạt nước nhỏ li ti như sương mù bao quanh những bánh xe khổng lồ, có lẽ cũng thắc mắc: không biết ai là người sáng chế ra bờ xe nước?

Đi ngược thời gian để tìm câu trả lời cho câu hỏi trên, một nhà hành chánh của sở Văn Hoá Pháp, P. Guillenminet, trong tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH) trong bài “Một kỹ nghệ của người Annam: Những bờ xe nước ở Quảng Ngãi”, ấn bản năm 1926, Volumn 2, chương VI, đã khảo cứu và ghi nhận như sau:

“Bộ giáo khoa tổng hợp của Trung Hoa, Châu Chí Tổng Khảo, diễn tả rằng bờ xe nước làm bằng tre, được đẩy bởi dòng nước, tồn tại tại Trung Hoa và đặc biệt là ở phía Nam. Một số nhân viên phái đoàn phòng thương mại của thành phố Lyon, Pháp, cho rằng đã thấy bờ xe nước hiện hữu tại làng Thất Xuyên, Trung Hoa. Và phái đoàn quân sự lại nói rằng bên kia ranh giới Việt-Hoa có bờ xe nước tương tự như bờ xe nước ở địa phương của họ. Ở đồng bằng Bắc phần lại cho rằng bờ xe nước phát xuất từ Trung Hoa và người sáng chế ra là vua Thần Nông. Nhưng những bàn luận về nguồn gốc tác giả nêu trên không đủ căn bản để thuyết phục rằng Trung Hoa là nơi phát minh ra bờ xe nước”.

Chú thích hình: Bờ xe nước Bãi Thượng, Thanh-Hóa



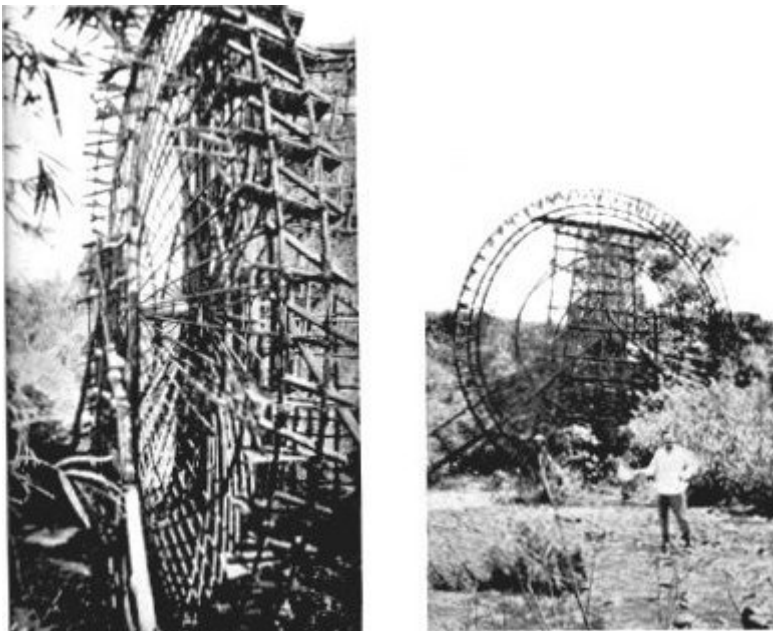
P. Guillenminet tin rằng người Việt và người Trung Hoa có lẽ đã học được kỹ thuật căn bản thành lập bờ xe nước từ phương Tây và đã cải biến cho phù hợp với địa phương.

Có nguồn lại cho rằng viên chủ sự hành chánh Pháp, LaBorte, ở

Quảng Ngãi nói rằng “Lão Thêm” ở làng Bồ Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, đã sáng chế ra bờ xe nước.

Cũng theo tạp chí BAVH, thì bờ xe nước xuất hiện ở đồng bằng Bắc phần, Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hóa, Bình Định vào giữa thế kỷ 18 và Quảng Nam đầu thế kỷ 19. Nhưng những bờ xe nước ở những địa phương trên rất đơn sơ, chỉ có một bánh và không qui mô như những bờ xe nước tại Quảng Ngãi.

Hình bên: Bờ xe nước đồng bằng Bắc phần.



Khi đề cập đến những bờ xe nước tại Quảng Ngãi, nhà hành chánh P. Guillenminet đã ghi nhận rằng: Vợ chồng Lão Diệm, nhất là người đàn bà gọi là “Mụ Diệm” đã có công mang bờ xe nước từ Bình Định đến làng Bồ Đề, Quảng Ngãi, năm 1754. Bờ xe nước đầu tiên được thiết lập trên bờ sông Vệ, làng Bồ Đề, và Trùm Sanh với chức vụ Cai Yến Bồi quản lý bờ xe nước này. Đến năm 1825 bờ xe nước được thành lập trên sông Trà Khúc và đến năm 1900 thì bờ xe nước trên sông Trà Bồng cũng được thiết lập. (*)

Dường như mãi đến ngày nay, vấn đề xuất xứ và tác giả của bờ xe nước vẫn còn là một ẩn số của một phương trình bậc n, mà nghiệm số có thể chỉ có một, hai, hoặc nhiều hơn, và cũng có thể thực hay ảo. Tùy người suy nghiệm.

Duy chỉ có điều cần ghi nhớ là người Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, lúa gạo là thức ăn chính trong mỗi bữa ăn, không như người Tây phương dùng bánh mì đệm trong những bữa ăn. Và điều khác biệt là những cánh đồng lúa mì không cần nhiều nước trong quá trình trồng tỉa như lúa gạo, ngoại trừ lúa gieo. Thậm chí những cánh đồng lúa mì tại miền bắc Mỹ ngày nay, từ ngày gieo hạt đến ngày thu hoạch, đồng lúa mì lúc nào cũng khô ráo.

Thế nhưng công trình xây dựng những bờ xe nước tại Quảng Ngãi rất tốn kém, và mỗi năm bờ xe nước phải phá đi và tái tạo vào năm tới vì vấn đề lụt lội hằng năm. Không như những cánh đồng ở miền Nam Việt Nam, đất thấp và có nhiều hệ thống sông, kinh rạch chằng chịt cung cấp cho ruộng lúa. Phần nhiều, ruộng lúa ở miền Trung nằm dọc theo rặng Trường Sơn, nếu thiếu vắng bờ xe nước thì những cánh đồng khô nứt nẻ sẽ không đủ năng suất tạo ra lúa gạo nuôi dân.

Vậy bờ xe nước là sự cần thiết trong mạch sống của người dân xứ Quảng.

Những nơi khác, như Trung Hoa, nếu đã xử dụng bờ xe nước qui mô như tại Quảng Ngãi cho công trình dẫn thủy nhập điền, thì chắc hẳn sẽ được lưu lại trong lòng người dân những hình ảnh và văn hóa của địa phương ấy cho hậu thế.

Những bờ xe nước tại Quảng Ngãi đã đóng một vai trò rất quan trọng trong nền nông nghiệp địa phương trên hơn ba trăm năm kể từ năm 1754. Mãi đến khoảng đầu thập niên 1980, khi hệ thống kênh Thạch Nham được thành lập cho công trình dẫn thủy nhập điền, thì những bờ xe nước được thay thế bằng những trạm bơm. Và kể từ đó những bờ xe nước Quảng Ngãi chỉ còn là một dấu vết lịch sử của một thời mang nước cho dân.

Người viết, cũng một thời đã sống bên cạnh và thường đu lên bờ xe nước những buổi trưa hè nóng cháy, với ký ức lu mờ còn sót lại, chỉ muốn làm một gạch nối giữa công trình của cha ông ngày xưa, và lớp người sinh ra khi bờ xe nước đã thuộc về dĩ vãng.

Bờ xe nước hầu hết được thiết lập bằng tre, và được xây dựng bên cạnh bờ sông, dùng sức đẩy của nước để quay tròn những bánh xe. Trên những bánh xe có gắn nhiều ống nước, bánh xe quay mức nước vào ống, và đổ vào hệ thống máng nước, máng nước được nối tiếp vào mương nước để đem đổ vào đồng lúa.

Nói đến bờ xe nước tức phải nói đến những con sông cuu mang nó. Những con sông có lưu lượng nước lớn, chảy một chiều, nghĩa là nơi có bờ xe nước thì không có nước thủy triều chảy ngược về nguồn. Vì bờ xe nước chỉ quay một chiều. Quảng Ngãi có ba con sông lớn: sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Bồng. Ba con sông này phát nguồn từ rừng Trường Sơn, chảy len lỏi qua làng mạc và cuối cùng đổ vào biển Đông. Ba con sông này trải dài trên chiều dọc Nam Bắc của địa bàn Quảng Ngãi. Hai bên ven sông là những ngôi làng với những cánh đồng lúa. Và cũng trên ba con sông này người nông dân Quảng Ngãi đã từng thiết lập những bờ xe nước để đem nước vào ruộng đồng.

Sông, có khúc bồi có khúc xiết nên có những đoạn bờ sông có bãi cát và có đoạn không có bãi cát. Cũng vì vậy mà công trình thiết lập bờ xe trên mỗi khúc sông đều khác nhau. Những khúc sông có bãi cát thì phần căn bản của bánh xe (như cãm và niền bánh xe) được thiết lập trên bãi cát, xong mang treo vào trục quay dưới nước và tiếp tục xây dựng phần còn lại. Ngược lại, những khúc sông không có bãi cát và nước chảy xiết thì những bánh xe được thiết lập ngay trên trục quay dưới nước.

Tùy theo cường độ và lưu lượng của dòng sông mạnh hay nhẹ và nhu cầu nước cung cấp cho cánh đồng, có những bờ xe nước có đến mười bánh như những bờ xe nước trên sông Trà Khúc.

Chú thích hình: Bờ xe nước trên sông Trà Khúc.



Những bờ xe nước trên sông Vệ chỉ có bốn bánh, và hầu hết mỗi thôn đều có bờ xe nước cho ruộng đồng của thôn đó.

Những bờ xe nước ở Quảng Ngãi đều có cách thiết lập tương tự nhau, nên bài viết này chỉ nói đến chi tiết cách thành lập và điều hành của bờ xe nước Ba Bình, xã Nghĩa Thành (nay là xã Hành Thịnh,

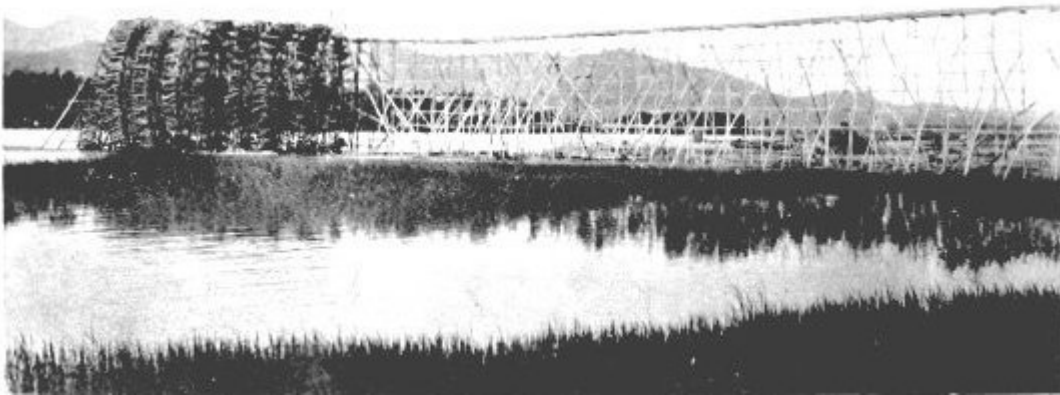
huyện Nghĩa Hành) trên sông Vệ vào những năm 1963 và 1964.

Xã Nghĩa Thành, khúc sông tính từ chân đèo Quán Thơm đến đập Bến Thóc, thôn An Ba, có năm bờ xe nước, một bờ cho mỗi thôn: bờ xe Thuận Hoà cho thôn Thuận Hòa, bờ xe Chán Thủy cho thôn An Chỉ, bờ xe Xuân Đình cho thôn Xuân Đình, bờ xe Ba Bình cho thôn Ba Bình và bờ xe Mỹ Hưng cho thôn Mỹ Hưng. Trên năm bờ xe trên riêng chỉ có bờ xe Chán Thủy đổ về thôn An Chỉ của xã Nghĩa Phước (nay là Hành Phước).

Ngoài ra, thôn Đồng Xuân (nằm giữa Ba Bình và Mỹ Hưng) không có bờ xe nước thì lại được thay thế bằng nhà máy nước, nhà máy nước ông Trần Công Sơn. Năm bờ xe này, trừ bờ xe Chán Thủy ra thì tất cả còn lại đều có bãi cát rộng lớn bên cạnh.

Ban điều hành của một bờ xe gồm có Trương Cử, một Trùm xe, và 4, 5 người thợ xe. Trương Cử có thể có nhiều người, mỗi người làm chủ một phần của bánh xe, gọi là tên. Có nửa tên xe tức là làm chủ nửa bánh xe. Những Trương Cử là những người bỏ vốn và công để xây dựng bờ xe. Đến ngày gặt lúa thì tùy theo ruộng sâu hay ruộng cạn, ruộng trên gò hay dưới trũng, ruộng nằm xa nước xe hay ruộng nằm gần nước xe mà chủ ruộng sẽ đóng lúa cho Trương Cử nhiều hay ít. Những lúa này sẽ được chia trả phần vốn cho mỗi Trương Cử trước, xong trả công cho Trùm xe và thợ xe, cuối cùng lúa còn lại đem chia phần lời cho các Trương Cử.

Chú thích: Bờ xe nước Phước Lộc, Quảng Ngãi.



Ngày xưa, những năm 1975 (?) trở về trước, ruộng lúa miền Trung mỗi năm chỉ cấy một mùa, và vụ lúa bắt đầu vào cuối tháng Ba âm lịch đến tháng Tám, tháng Chín âm lịch là lúa được gặt về. Lúa chỉ cấy trong mùa khô vì sau tháng Chín tháng Mười là đến mùa mưa, nước lụt sẽ làm hư thối lúa. Cho nên những bờ xe nước chỉ được thiết lập và hoạt động vào giai đoạn đầu của vụ lúa, đến khoảng tháng Chín âm lịch thì lúa đang chín, không cần nước nữa và mùa lũ lụt cũng sắp đến, bờ xe nước sẽ được gỡ ra trước khi nước lũ đổ về. Mỗi năm vào tháng Hai âm lịch Trùm Xe đến nhà Trương Cử thu tiền để mua tre và vật liệu xây dựng bờ xe, tùy theo số tên xe Trương Cử làm chủ, mà thu nhiều hay ít. Trùm Xe lấy tiền đi mua tre. Mấy thợ xe là người đốn tre và mang tre ra bờ sông. Việc đầu tiên là trùm xe và thợ xe sẽ đóng một cái bè bằng tre, rộng lớn dùng để di chuyển trên sông, kể đến họ xây một cái nhà nhỏ trên cát bên cạnh bờ xe gọi là chòi xe. Chòi làm bằng tre, vách và mái lợp bằng rơm. Chòi xe rất kín

gió và có luôn cả bếp núc để thợ xe nấu ăn hằng ngày. Sau khi có chỗ ăn ở đàng hoàng, trùm xe và thợ xe sẽ bắt tay vào việc.

Trùm xe và thợ xe lên rừng chặt một loại dây to cỡ cổ tay và rất dẻo đem bỏ ra bè chở về để làm bánh xe. Những dây này dùng quấn chung quanh niền bánh xe cho cứng. Nếu không có loại dây này thì thợ xe phải chẻ lạt tre ra đánh thành một dây lớn, dai, thay thế. Trùm xe và thợ xe còn thu của Trương Cử những thứ như: lá mía khô, lá chuối khô dùng để làm bờ độn giữ nước.

Trong công đoạn xây dựng bờ xe có rất nhiều việc và những việc này có thể làm song song với nhau để tranh thủ thời giờ. Vì cuối tháng ba âm lịch là những thửa ruộng khô nứt nẻ đã được cuốc ải xong cần nước để bừa. Cho nên chu kỳ bờ xe nước, những thửa ruộng lúa và thời tiết trong một mùa lúa đều ăn khớp vào nhau.

Trùm và thợ xe mang bốn trục xe của năm cũ ra dựng trên bãi cát. Kế đến là những thân tre già, lớn sẽ được trảy nhánh sạch sẽ, cắm vào trục xe làm căm. Trục xe có chiều dài chừng ba thước. Hai đầu trục xe tròn và được niền bằng sắt. Ngoài đầu hai trục được đục nhiều lỗ chen kẻ dùng để cắm căm, hai lớp căm từ hai đầu trục bắt chéo qua nhau. Bề ngang viền bánh xe rộng cỡ một thước và được đánh chung quanh bằng sợi dây dẻo dai mang từ trên rừng về.

Trong khi căm và niền xe đã được lắp vào trục trên bãi cát thì thợ xe dùng những thanh tre, lớn cỡ ba ngón tay khép, đan thành những tấm phen. Và những người thợ khác lại lặn xuống đáy sông xúc sỏi đổ thành một lớp mỏng nơi những bánh xe sẽ được dựng lên.

Những tấm phen tre sẽ được đóng lên trên lớp sỏi làm thành một cái sàn để giữ cát khỏi bị xói mòn. Và cũng trong lúc này, thợ xe sẽ chôn những cột trụ trên lớp phen để từ đó bánh xe được gác lên.

Bốn bánh xe thì có ít nhất tám cột trụ lớn và những cột trụ nhỏ chôn bên cạnh để chống đỡ cho khỏi bị xiên, ngã.

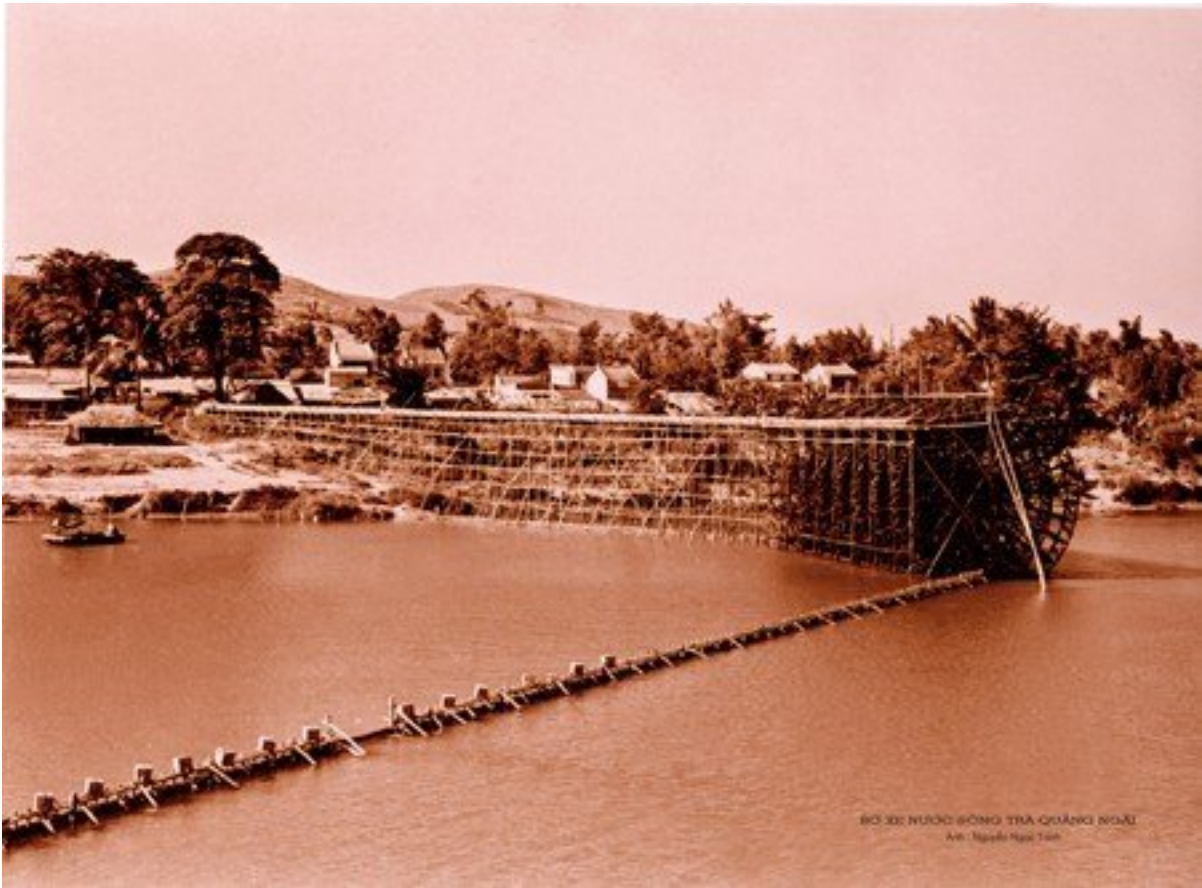
Khi cột trụ xe được chôn chặt dưới cát là cũng đến lúc những bánh xe trên bãi cát được dời xuống nước đặt lên trụ. Giai đoạn này cần có nhiều người dân trong làng giúp để mang bánh xe ráp vào trụ. Một đoàn người như đàn kiến bu bên bánh xe, họ dùng phương pháp đòn bẩy và những dây dứa buộc vào bánh xe kéo dựng dậy và cho lặn từ từ xuống nước, rồi ráp vào trụ xe. Mỗi bánh xe có đường kính cỡ hai mươi lăm thước, to và nặng, vậy mà những con người nhỏ bé đã chinh phục và đặt vào trụ chống đỡ rất ăn khớp.

Khi những bánh xe đã được ráp vào trụ chống đỡ và những cây chống chèo được cài lên giữ vững bờ xe, thì thợ xe gắn những tấm phen hai đầu bờ xe, lấy cát tấp lại để chống lại con nước xoái có ảnh hưởng đến bờ xe.

Trong khi tràm và thợ xe ráp bánh xe thì một số người khác lại mang những khúc tre già ra đóng thành một hàng trụ ngang qua con sông. Cách chừng vài thước là cắm một cây trụ xuống cát, một bên chống bằng những khúc tre khác để giữ vững. Hàng trụ này dùng để giữ bờ độn. Bờ độn là một bờ cát như một con đê nằm chắn ngang con sông giữ nước lại. Dọc theo những cây trụ người thợ xe gắn vào những tấm phen bằng tre và độn một lớp lá mía khô, lá chuối khô làm thành một bức tường. Sau đó Trương Cử mang trâu bò xuống dòng sông kéo cát tấp vào bờ độn. Công việc kéo cát gồm có một cái trang bằng gỗ hoặc tre được buộc vào cổ hai con trâu hoặc bò. Trâu và bò kéo cát dưới lòng sông đem tấp lên bờ độn thành một dãy cát cao hơn mặt nước. Bờ độn chặn nước lại, làm tăng sức đẩy để quay tròn bốn bánh xe.

Có những bờ xe nước ở khúc sông sâu và nước chảy mạnh, như bờ xe Chán Thủy hay một vài bờ xe trên sông Trà Khúc, thì bờ độn bằng cát không làm được. Những bờ xe này có bờ độn nổi, nghĩa là bờ độn chỉ làm bằng những tấm phen tre chằng ngang sông và không ăn sâu đến đáy sông.

Hình bên: Bờ độn và dàn máng, bờ xe nước sông Trà Khúc.



Trên bờ độn được trổ hai lỗ cổng gọi là lỗ cổng gió. Lỗ cổng gió dùng để ghe thuyền chạy qua và những khi con nước lớn quá thì lỗ cổng gió được mở ra để điều hoà sức nước khỏi làm vỡ bờ xe. Trên mặt bờ độn thợ xe trồng mía để giữ cát khỏi chùi xuống nước. Những dây mía này lớn rất lẹ nhưng khi lớn có thể ăn được thì cũng đến lúc bờ

xe nước phải gỡ ra đem cất vì mùa xe cũng đã qua.

Song song với những người Trương Cử kéo cát bờ đôn là những thợ xe lo đóng dàn máng và mang những máng nước từ năm trước đem đặt lên. Máng nước được làm bằng tôn hay đan bằng tre và trét dầu rái lên cho giữ nước và bền. Những máng nước được cất giữ bởi trùm xe và mỗi năm máng tre phải sơn lại một lớp dầu rái. Dàn chống để đặt máng làm bằng tre, trên mặt dàn chống được lót một lớp vĩ tre trước khi đặt máng nước lên.

Hình bên: Dàn chống và máng nước của bờ xe nước Phước Lộc, Quảng Ngãi.



Máng nước được bắt mặt trước bờ xe, chạy dài trên bãi cát, khi vào gần làng hay khu đất cao máng nước sẽ bắt vào mương nước. Và mương nước chạy xuyên qua làng thẳng đến cánh đồng.

Trong khi hệ thống máng nước, bờ đôn được thiết lập, thì thợ xe sẽ gắn những tấm phen vào bánh xe. Tấm phen đan bằng tre, hình vuông hoặc hình chữ nhật rộng bằng chiều ngang bánh xe. Trên vòng tròn bánh xe, cách khoảng chừng một, hai thước sẽ gắn một tấm phen xe. Dòng nước chảy tống vào phen xe và đẩy bánh xe quay tròn. Kế đến, thợ xe sẽ gắn ống nước vào bánh xe. Ống nước cũng làm bằng tre, dài chừng vài ba lóng tre, những mắt tre được đục thủng xuyên qua, và một đầu ống được giữ kín để chứa nước. Máng nước được gắn vào bánh xe với độ nghiêng chừng 15 độ. Khi bánh xe quay xuống nước, ống nước sẽ bị nhận chìm trong nước và nước sẽ chun đầy vào ống, rồi bánh xe quay mang ống nước lên đến đỉnh và bắt đầu quay ngược xuống là nước trong ống đổ ra cái máng nhỏ nằm giữa hai bánh xe. Máng nhỏ này được bắt vào hệ thống máng lớn để đưa vào dàn mương nước. Trong khi gắn phen xe và ống nước vào bánh xe, thợ xe dùng cây gậy thọt ngang qua bánh xe để bánh xe không quay tròn được. Thì ra người ta nói thọt gậy bánh xe là thế!

Đến đây, bờ xe coi như hoàn thành và có thể đưa vào hoạt động. Trùm xe, thợ xe và những Trưởng Cử cùng những người lớn tuổi trong làng làm một buổi lễ nhỏ bên bờ xe gọi là lễ khánh thành và cúng bái Thần sông cùng Ma da phù hộ bờ xe. Sau đó những cây gậy chắn ngang bánh xe sẽ được rút ra, và những bánh xe bắt đầu quay tròn trên dòng sông. Những ống nước trên thành xe thay phiên nhau hụp lên hụp xuống trong dòng nước và thi nhau đổ lên máng

nước. Những dòng nước trắng xóa đuổi nhau chạy trên máng nước, va chạm vào thành máng kêu róc rách. Đến đầu làng máng nước đổ vào mương và những đũa bé trần truồng nằm sẵn dưới mương, đợi chờ. Rồi oài lên những tiếng reo hò của bầy con nít:

“Ô kìa! Con nước đã về!!”

Từ đây những thửa ruộng khô nứt nẻ sẽ được uống những dòng nước trong lành từ dòng sông sau làng. Màu vàng cháy của cánh đồng cũng bắt đầu chuyển thành màu xanh tươi, màu xanh của nhựa sống. Những con chim Chà Chiện con trên luống đất ải cũng đã mọc cánh, đang bay đi.

Và thoảng trong tiếng gió, giọng ca của ai:

“Dẫu xa muôn trùng tôi vẫn còn thương sao là thương!”

Đồng Sa Bằng.

(*) Tạp chí BAVH, ấn bản 1926, Volumn 2, chương VI, trang 159).

Đồng Sa Bằng

Chòi Mía

Người dân miền Trung nói chung và Quảng Ngãi nói riêng, ngoài công việc cày cấy và trồng ngũ cốc, dựng bờ xe nước để đưa nước

từ sông ngòi vào ruộng đồng, người ta còn trồng mía và làm đường mía. Cuộc sống bên cạnh bờ xe nước, và chòi mía đã đi vào văn hóa đặc thù của người dân Quảng Ngãi trong một thời gian dài.

Mãi đến sau năm 1975 thì hai "sinh hoạt đặc thù" này bắt đầu mai một, và đến khoảng năm 1985 thì bờ xe nước trên những con sông lớn của Quảng Ngãi (như sông Vệ và Trà Khúc) và những chòi mía đã biến mất. Những hoài niệm chỉ còn lại ở những người lớn tuổi. Buồn thay cho những công trình thủ công bị mai một do những kỹ thuật của nền văn minh ngày nay!!!

Ngày trước, mỗi năm, sau tháng Giêng là người dân Quảng Ngãi lại bận rộn lo lập chòi mía để nấu đường. Mùa làm đường mía ở miền Trung thường kéo dài từ cuối tháng Giêng đến tháng Ba âm lịch. Chòi mía thường được cất trên một miếng đất gần những đám mía. Chòi thường được làm bằng tre, lợp bằng lá mía khô hay rơm (cây lúa sau khi giũ sạch hạt và phơi khô).

Chòi mía được chia làm hai phần:

Phần ngoài, khá rộng, trống trải, có bộ che gồm ba ông che, một che trống và hai che mái, nằm ở giữa chòi mía. Ông che trống được gắn vào một cái đòn quay và cuối đòn quay là cái nài dùng để buộc vào cổ trâu hay bò để đẩy che. Hai ông che mái gồm ông che mía và ông che bã. Phần này của chòi mía không có vách, chỉ có những trụ bằng tre chống đỡ. Chưng ba ông che được đặt trên một cái bồn hình chữ nhật, gọi là bồn dưới, có ba lỗ, mỗi lỗ cho một trục che. Trục che được bao bọc bằng một miếng da trâu, xoa nhót cho trơn. Và cổ ba ông che được gá vào một cái bồn (gọi là bồn trên hay khẩu). Khẩu và bồn che kèm ba ông che lại bằng hai trụ gỗ gắn liền bồn và khẩu che.

Phần đầu của che trống và hai che mái được chạm thành những khớp răng gọi là bông tai che. Bông tai che hình vuông, bầu bầu ở ngoài cùng, là hệ thống răng dùng để xoay tròn ba ông che. Hai khúc gỗ dài gắn vào trục đầu che trống tạo thành hình chữ V gọi là đòn quay, khi trâu hay bò đẩy đòn quay để xoay tròn che trống, những bông tai trên che trống ăn khớp vào bông tai của hai che mái và xoay hai che mái chạy theo. Ông che trống quay ngược chiều kim đồng hồ, hai ông che mái đều quay theo chiều kim đồng hồ.

Phần giữa của bồn che cao và lồi lồi dần ra bìa. Chung quanh bìa bồn dưới là một cái rãnh dùng để tích tụ nước mía. Một đầu bồn có đào một lỗ dưới đất và đặt cái thùng chứa nước mía. Rãnh bồn che dưới có bắt một máng nhỏ để nước mía trong rãnh chảy vào thùng chứa.

Phần trong, chòi mía được ngăn cách phần ngoài bằng một tấm vách lá đơn sơ dùng để chắn gió, có một cửa nhỏ thông ra phòng che.

Phần này có bốn chảo nấu đường, mỗi chảo có đường kính cỡ 1m, làm bằng gang. Trước khi đặt chảo, người thợ nấu đường đào một cái lò lớn hình bầu dục, trên mặt lò được phân chia ra làm bốn lỗ cho bốn chảo.

Một đầu lò có cửa nhỏ để thông khói gọi là cửa lù, và đầu kia là cửa lò hình chữ nhật, dài và dốc lồi lồi lên mặt đất, dùng để đưa chà hay bã mía khô vào đốt lò. Giữa cửa lò và bốn chảo đường là một cái cầu bằng đất, rộng cỡ một thước, bắt vòng trên cửa lò. Cầu này dùng cho thợ nấu đường đi qua đi lại múc nước đường chuyển qua những chảo trên lò.

Bốn lỗ trên lò được ngăn chia bằng những trục tre bao bọc bởi đất sét trộn với rơm. Những trục được uốn theo hình cong cong để ăn

khớp với hình tròn của chảo, và trên mặt trục được bao bọc bởi một lớp lá Gáo để cho nước đường không thấm vào trục. Công việc đặt trục tre, đắp đất sét trộn rơm chung quanh trục, và bao lớp lá Gáo trên mặt trục gọi là bó giang. Khi giang khô cứng thì bốn chảo nấu đường được đặt lên và khằng lại bằng đất sét cho hơi trong lò không thoát qua được.

Sự sắp xếp vị trí các chảo trên lò không nhất thiết phải theo một thứ tự nhất định nào. Thông thường thì tính theo ngược chiều kim đồng hồ, chảo đầu tiên (chảo số 1) dùng để đun sôi nước mía nằm gần cửa lò. Kế đến là chảo nước chè hai (chảo số 2), chảo cửa lò hay chảo mật (chảo số 3), và cuối cùng là chảo thắng mật (chảo số 4). Bên cạnh chảo nước chè hai là thùng chè hai dùng để đựng nước chè hai sau khi đun sôi từ chảo một. Và bên cạnh chảo thắng mật (chảo số 4) là thùng chứa mật được đưa từ chảo mật (chảo số 3) qua. Bên cạnh thùng chè hai được đặt một thùng nhỏ chứa vôi, và bên cạnh thùng mật là một vài cái ui dùng để đựng bột đường múc từ chảo ra. Trên đầu những chảo đường người thợ đường treo những gáo lớn nhỏ dùng để múc nước đường và bột.

Hình bên: Cái gáo múc đường



Để chuẩn bị cho mùa làm đường, người chủ đường cần phải lo sẵn sàng những điều tất yếu gồm: che, chảo, và muổng đường. Trước khi dựng chòi người chủ phải lo tìm thợ rà che. Thợ rà che là một

người thợ mộc, nhưng không phải người thợ mộc nào cũng biết rà che.

Người thợ rà che ngoài việc cần có những mũi dao đặt biệt, còn phải biết xem xét và sửa chữa ba ông che, bông tai che, và bồn che cho đều để công việc ép nước mía đạt được kết quả cao. Mỗi năm che cần phải rà lại vì qua một mùa làm đường ba ông che sẽ bị mòn không đều, tạo nên lồi lõm trên mặt che.

Khi che được rà lại thì bông tai che và bồn che cũng phải được điều chỉnh cho ăn khớp nguyên bộ. Trước khi rà người thợ rà che đào một cái lỗ sâu hơn nữa đường kính ông che và dài bằng ông che. Một hệ thống trục bắt vào cổ che và chụm che để che có thể quay tự do trong lỗ, và một dàn vịn song song với lỗ đào.

Một người đứng trên ông che dùng chân đạp cho che xoay tròn, người thợ rà dùng lưỡi dao rà che để kiểm soát độ tròn của ông che và rà thân hình che cho đều. Sau khi che đã rà xong, thợ rà che kiểm soát lại các nêm của bồn trên và bồn dưới để khi đặt che vào bồn độ hở giữa ba ông che không khít quá và cũng không hở nhiều quá. Che khít quá làm cho trâu bò kéo không nổi và có thể làm hư che; Che hở quá sẽ ép không sạch nước mía. Ngoài việc rà che thợ nấu đường phải lo kiểm soát lại các chảo nấu đường, và muống đổ đường phải ngâm rửa sạch trước khi dùng.

Nhiên liệu đốt lò là những bó chà và những bó bả mía khô từ mùa làm đường năm trước. Khi mía cao cỡ nào người thì chủ mía bắt đầu nghĩ đến chuyện hạ chà. Chà là những tạp cây nhỏ, bụi trên rẫy, rừng, được chặt phơi khô và buộc thành những bó tròn cỡ một ôm tay, mang về chất chung quanh chòi mía để đốt lò.

Thợ nùi (người thợ chuyên lo chụm lò) thả bó chà hay bả mía khô

trước mặt cửa lò, xong dùng một cây sào dài đẩy vào lò. Thỉnh thoảng thợ nùi dùng một cái trang dài để tản tro lửa trong lò cho đều, và khi tro trong lò đầy thì thợ nùi dùng trang cào ra đem đổ bên ngoài.

Mía ngoài đám được hạ xuống bằng một cái rựa, to và nặng, dài cỡ hai gan tay. Mía hạ xuống sẽ được dứt (chặt) ngọn, phần đầu cây mía được dứt ra để dành làm giống cho năm sau. Lá mía tươi dùng cho trâu bò ăn, và thân mía được róc sạch lá khô, lá mía khô được mang về để đốt lò mía. Mía được bó lại thành bó và ngựa về chòi, hoặc bỏ lên xe đạp thồ về chòi.

Gọi là ngựa vì người ta đóng một con ngựa (một khúc gỗ có bốn chưng, hai đầu được coi bốn cây dài thêm ra) và bỏ mía trên đó để vác về chát thành vòng bên cạnh chòi mía. Thường thì có bốn người chụm mía cho che. Mỗi bên hai người, một người chụm mía và một người rút bỏ mía. Người lớn thì mỗi bên chỉ cần một người. Người chụm mía đưa mía vào giữa hai ông che (che trống và che mía), che xoay ép mía lấy nước chảy vào máng, và đẩy mía qua bên kia sẽ được người chụm mía bên kia đưa lại vào hai ông che đối diện (che trống và che bã) bằng bàn lừa. Bàn lừa là một miếng gỗ được cưa ra thành nhiều khe và đẽo gọt sao cho ăn khớp vào khe giữa che trống và che bã. Mía được chụm qua một lần sẽ dẹp lại và người chụm mía đưa vào bàn lừa để tiếp tục ép lấy nước. Khi mía đã được ép sạch nước thì người kéo bỏ bỏ ra ngoài. Bỏ mía sẽ được đem đi phơi khô dùng để nấu lò năm tới hay nấu bếp.

Trong chòi mía, phía trước cửa lò, thường được coi thêm ra và đặt một cái bàn ăn cho thợ nấu đường và người làm trong chòi dùng cơm. Một nơi cho người chủ chòi ngủ qua đêm canh chừng chòi mía.

Phía bên ngoài gần lò nấu đường được đặt sẵn những muống đường trống, nhét nùi sẵn thành một hàng, khi cần, thợ đường sẽ mang vào. Muống đường làm bằng đất sét, hình nón, cao gần một thước.

Phía đầu miệng muống lớn cỡ miệng nón lá, phía đuôi muống túm nhỏ lại cỡ cán dao. Trước khi đổ đường vào muống, muống được nhét một cục rơm khô (gọi là cùi) bịt lỗ nhỏ của muống lại để đường không chảy ra. Bên trong phần thẳng đường, thợ nấu đường đào lỗ dưới đất cao chừng một phần ba muống đường và đặt một hàng những muống trống.

Chòi mía thường có hai cái chuồng cho trâu bò đạp mía ở. Chuồng trâu/ bò thường không có mái, chỉ có hàng rào chung quanh để giữ trâu/ bò ở tạm trong thời gian đạp mía. Trâu bò đạp mía thường thì đạp đôi, nhưng đôi khi trâu đực khỏe mạnh thì có thể đạp chiếc.

Trâu/ bò được buộc vào đòn kéo che và đi trên một vòng tròn chung quanh ba ông che. Phải có một người đi sau trâu/ bò đánh nó đi cho đều. Thường thì những con trâu không cần người đi sau đánh, khi mắc vào nài là trâu nó đi một mình vì nó đã "quen" với nhiệm vụ.

Nước mía che ép ra chảy vào thùng chứa. Khi nước mía đã đầy thùng ở ngoài vòng che thì người thợ nấu đường sẽ múc đổ vào chảo 1 ở cửa lò để đun sôi, trong khi ba chảo còn lại sẽ được chứa nước lạnh để chảo khỏi bị nóng. Giai đoạn này thợ nấu đường bỏ vôi bột vào nước mía. Vôi có công dụng làm sạch nước mía và làm cho nước đường dễ kết tinh thành đường ở chảo thẳng. Lượng vôi dùng tùy thuộc vào mía của mỗi vùng, đây là bí quyết của từng người thợ có kinh nghiệm.

Khi nước mía ở chảo số 1 chín sôi, vớt bọt đổ vào ui bên cạnh chảo,

xong sẽ được múc đổ vào thùng chè hai, nước này được gọi là nước chè hai. Nước chè hai uống có vị ngọt thanh, ngon, là một trong những đặc sản nơi chòi mía được ưa chuộng bởi nhiều người. Một buổi trưa nắng nóng, uống một bát nước chè hai sẽ nhớ mãi hương vị của chòi mía!

Khi thùng nước mía tươi thứ hai ngoài vòng che đã đầy, người thợ xả nước chè hai từ thùng xuống chảo chè hai (chảo số 2) để có chỗ trống cho lượng chè hai kế tiếp (đây là tiến trình bắt đầu nấu mật). Khi thùng nước mía tươi thứ ba đã đầy, thợ mới sang nước từ chảo chè hai sang chảo lù (chảo số 3) để có chảo trống xả nước chè hai từ thùng xuống và lấy thùng chứa chè hai lượt thứ ba. Khi thùng nước mía thứ tư đầy người thợ lại dồn nước từ chảo ở cửa lù (chảo số 3) sang chảo mật (chảo số 4) và nước từ chảo chè hai sang chảo lù. Và tiếp tục cho chảo nước mía tươi thứ năm. Khi thùng nước mía tươi thứ năm sắp đầy cũng là lúc chảo mật (chảo số 4) hoàn tất và được cất vào thùng mật. Cứ thế tiếp tục cho đến hết buổi.

Khi ngoài vòng che ngưng hoạt động và nghỉ trưa là lúc thợ bắt đầu đổ nước mật từ thùng mật ngược ra bốn chảo để thắng thành đường. Lúc đường sắp thắng xong thì vòng che hoạt động trở lại và cứ thế tiếp tục cho đến hết buổi chiều. Khi chiều về, chòi mía ngưng đập và thợ nấu đường lại đổ nước mật từ thùng mật ngược ra chảo để thắng cho hết trước khi đóng cửa chòi về nghỉ.

Khi nước mật thắng thành đường sẽ được đổ vào muống. Muống đường được đổ làm hai đợt, đợt thứ nhất đổ lượng hơn nửa muống. Sau đợt một, đợi đường trong muống nguội lại thì thợ đường dùng một cái dao dài cào chung quanh thành muống và trộn đều đường trong muống. Xong để nguội đến chiều hoặc qua ngày hôm sau. Lúc

này đường trên mặt muống sẽ rút lại ở giữa muống và có nhiều đường nứt. Thợ đường sẽ cào lớp đường trên mặt bỏ vào chảo mật thắng cho kỳ sau. Và khi nước đường kỳ sau đã tới, thợ đường sẽ đổ lên phần trứng của muống lúc trước. Đến đây thì muống đường được đầy đặn và chờ cho nguội chở về nhà.

Ở chảo thắng mật (chảo số 4) lửa được cân nhắc cẩn thận, thợ chính thử độ keo của đường bằng cách dùng gáo múc lên rồi đổ xuống để xem khi nào mật thành đường. Khi nước mật trong gáo đổ ra gần hết tạo thành những sợi tơ nhỏ nhỏ là lúc mật thành đường. Nấu được đường tốt hay xấu (tức là đường không non hoặc có mùi khét) là do người thợ chính giỏi hay dở. Người thợ giỏi, kinh nghiệm phải biết nghe mùi nước đường để chuyển từ chảo này qua chảo khác, và biết nhìn độ keo khi đường đến.

Thợ nấu đường rất hiếm, mỗi làng có được vài thợ, nên nhiều khi chủ chòi mía phải đi làng khác mượn thợ, hoặc hai ba chủ mía hùn nhau lập một chòi mía. Đồ nghề của thợ nấu đường gồm nhiều cái gáo lớn nhỏ làm bằng trái bầu, mấy cây sào dài để đưa nui vào lò. Những kinh nghiệm quý báu của thợ nấu đường ngày xưa có lẽ bây giờ khó mà tìm!

Những muống đường sau khi đổ đầy, để nguội, sẽ được gánh về nhà. Muống đường được rút cùi ra, đặt lên một cái ui, và tráng một lớp đất bùn trên mặt muống. Lớp bùn trên mặt làm giảm áp suất trong muống và làm cho mật rút xuống ui chậm lại. Và làm cho tinh thể đường bám chặt nhau hơn, kết quả đường sẽ cứng và rắn chắc hơn. Mật trong muống đường sẽ rút xuống ui một thời gian dài tám, chín tháng. Mật rút từ trên xuống đáy nên khi lấy đường ra, phần trên đường trắng hơn và càng xuống phía đáy đường càng có màu đen

đậm của mật.

Khi mật rút gần hết, muống đường được đem ra, lật úp lại, lay qua lay lại cho đường sút ra khỏi muống. Phía trên, đường kết tinh lại cứng hơn phía dưới, được chặt ra thành từng tảng đem đi phơi.

Trong khi thắng đường, bột được vớt ra bỏ trong ui. Và bột này được thắng lại thành một loại đường vụn gọi là đường đinh. Đường càng phơi nhiều nắng càng trắng và lúc bán giá càng cao. Trước khi bán, đường được chặt thành cục lớn hơn cổ tay một chút. Vì vậy mới có tên là đường cục. Mật thì bán cho con buôn hoặc trộn vào rơm sù cho trâu bò.

Việc nấu đường cần phải được thuần nhuyễn và liên tục, nghĩa là nước đường trên các chảo lúc nào cũng được châm đầy và liên tục. Một ngày nấu đường thường bắt đầu từ sáng sớm (trâu bò còn khỏe) đến trưa, trâu bò nghỉ ngơi, xong buổi chiều đập tiếp đến bốn năm giờ lại nghỉ.

Chiều về, khi mặt trời còn vài cây sào là chòi mía ngưng đập. Những tiếng kêu kéo kệt của ba ông che và tiếng hò hét trâu bò cũng lắng đọng, người ta nhìn vào chòi chỉ thấy khói lam chiều bay phản phát với hơi thơm ngọt dịu của mùi nước mía.

Và mùa đập mía cũng là mùa gió biển trở lại, những cơn gió làm lay động lòng đáy biển để cho cá biển được mùa. Những con cá mòi dầu thơm ngát, và những con cá chim mập béo được mang ra tận chòi mía bay mùi thơm ngào ngạt làm tăng vẻ quyến rũ của không khí chòi mía. Nhưng không ngừng nơi đây, những cuộc vui bên chòi mía còn kéo dài với biết bao nhiêu điều thú vị.

Người ta sẽ không bao giờ bỏ qua những món ăn đặc biệt chỉ có ở chòi mía, như đường tồ, kẹo kéo, khoai lang, bánh tráng... nhúng

đường, và những buổi chiều rủ nhau đi hù chim cút trong mía. Đường tô (tộ) là khi đường tới nước thay vì đổ vào muống, người thợ đổ vào tô, chén để dùng trong thời gian gần. Đường tô, chén đã nguội nhưng vẫn còn dẻo, ăn bằng cách dùng chiếc đũa con dích lên, xoay tròn vài lượt, đường sẽ dính trên đầu đũa thành một cục. Những chảo đường đầu tiên chắc chắn sẽ được đổ vào tô, chén mang về cho những người con trong gia đình thưởng thức đầu tiên! Và cũng từ những tô đường này người ta có thể làm thành kẹo kéo. Lấy đường trong tô ra móc vào một mắt cây, xong dùng tay kéo ra, chập vào mắt cây, rồi lại kéo ra, chập vào, làm thật lẹ và liên tục một hồi như thế đường sẽ trở thành dây kẹo kéo, trắng, giòn. Lấy ngón tay lấy cái cốc, kẹo kéo gãy ra. Một lối ăn khác nữa là đổ đường thẳng vào máng chuối. Thân cây chuối còn tươi, tốt, bóc ra chặt giữ một khúc cứng cáp thành một cái máng. Đường từ chảo đổ vào máng chuối sẽ chảy dài thành một lớp mỏng, không dính vào thành chuối. Dùng đũa con dích ra ăn.

Món ăn không thể thiếu ở chòi mía là khoai lang nhúng chảo đường. Khoai lang tươi mang về, rửa sạch, xé mỏng thành miếng xong đem xỏ xâu bỏ vào chảo đường (chảo cuối cùng.) Một hồi sau nước đường sôi sùng sục, có vị thanh của vôi ngấm đều vào khoai lang, đem ra để nguội.

Những ai đã từng sinh hoạt bên chòi mía, có lẽ khoai lang nhúng chảo đường là kỷ niệm không thể quên trong đời! Những miếng khoai lang vừa dẻo vừa ngọt, cái ngọt từ đường mía mà không phải cái ngọt của đường làm người ta cứ háms hút đi đào khoai lang mỗi buổi chiều khi chòi mía ngưng đập.

Chiều xuống, khi trâu bò được tắm rửa sạch sẽ và nằm ngoi những

ngọn mía tươi trong chuồng, là lúc những người trong chòi mía rủ nhau đi hù chim cú. Họ mang theo một chiếc ràng lớn và mấy tấm vĩ vào đám mía. Đặt ràng một đầu đám mía, đặt vĩ từ hai bên miệng ràng và giăng ra thành hình nón. Lấy lá mía khô rải trên tấm vĩ cho chim cú khỏi sợ. Rồi một đám người, lớn bé đều có, bắt đầu rải rác từ đầu kia đám mía đi ngược về ràng, vừa đi vừa khua lon lêng keng và miệng kêu nho nhỏ: hù hu hù. Những con cú nghe động sẽ chạy, khi gần đến ràng nó men theo những tấm vĩ mà đi, đi miết...vào ràng! Có những buổi hên, người ta có thể hù được năm bảy con cú cụt đuôi.

Và khi trở về chòi, bên lò lửa nóng ấm, những con cú được xỏ râu nướng bay mùi thơm ngát. Họ trải chiếu chiếu bên cửa lò, nằm nhìn trăng sao giăng khắp bầu trời, miệng nở nụ cười đắc chí, hỏi rằng: Con cú cụt đuôi, ai nuôi mày lớn?!

Ngày nay, công nghệ hóa đã đưa những nhà máy đường về xây dựng khắp nơi. Công xuất và biến chế đường từ mía sẽ hiệu quả hơn. Nhưng người của năm xưa, mỗi lần đi qua đám mía ở Gò Lăng, hương vị của miếng khoai lang nhúng đường, mùi thơm con cá mèi dầu, tiếng lon hù cú khua lêng keng hình như vẫn còn đâu đây. Và tiếng kêu kéo kệt của ông che trong buổi chiều nắng ấm lại vọng về. Rồi tự hỏi: Tại sao kêu bằng Ông Che, có lẽ ông đã già rồi!

Đồng Sa Băng.



Đồng Sa Băng

Chuyến Tàu



(Hình: Thung lũng tình yêu)

Một buổi sáng mùa Thu năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, chiếc tàu suốt rời Trại Mát, Đà Lạt, trở về Quảng Ngãi của miền

Trung sỏi đá. Búm dụi đôi mắt, nhìn những sợi sương mù bay nghiêng nghiêng giữa rừng thông mà lòng hối tiếc cho chuỗi ngày ngắn ngủi trôi qua. Tiếng còi tàu rít lên hồi dài báo hiệu giờ khởi hành đã đến. Những cụm khói trắng thổi vào không gian trầm lặng của thành phố cao nguyên, rồi con tàu từ từ chuyển mình hướng về khu rừng rậm, bỏ lại sau lưng ánh mắt của một người, và tia nắng mùa Thu vương trên màu vàng nhạt của lá rừng.

Búm sinh ra trong một ngôi làng dưới chân núi Vàng. Khi vừa lớn lên, biết nét đẹp của quê hương cũng là lúc Búm rời xa quê hương. Quê của Búm có cánh đồng chạy dài dưới chân núi, rồi đến ngôi làng chạy dọc theo cánh đồng, và tựa lưng trên giòng Vệ giang xanh biếc.

Hôm nay, ngày đầu mùa Thu, Búm nhớ lại những mùa Thu trên quê nhà, những mùa Thu không bao giờ rõ rệt. Chỉ có cơn gió, cơn gió lành lạnh của tháng Chín là dấu hiệu mùa Thu trở lại trên quê hương. Quê hương Búm rất hùng vĩ, và lúc nào nàng cũng thấy quê hương mình đẹp nhất, vì nơi đó nàng đã sinh ra và lớn lên, chỉ đơn giản vậy thôi. Mà không hùng vĩ sao được! quê hương Búm có thiếu gì đâu! Núi cao, rừng sâu, có cánh đồng bao la với giòng sông chảy êm ả sau làng. Quê Búm có lũy tre xanh bên bờ sông. Những buổi chiều gió thổi rì rào đẩy đưa những cành tre cọ vào nhau tạo nên tiếng kêu xào xạc bên giòng nước. Có những buổi chiều nắng vàng trải nhẹ trên bờ sông, Búm cùng những đứa em ngây thơ nô đùa trên bãi cát bên cạnh những con trâu đang trằm mình dưới nước. Và tiếng reo của bờ xe nước vẫn chuyên chở con nước thanh bình trên quê hương cho ruộng đồng.

Nhưng thời thanh bình ấy chỉ đến với quê hương Búm trong một buổi bình minh nắng ấm, rồi vội vàng ra đi khi tia nắng hoàng hôn vẫn còn vương trên lũy tre làng.

Ngày ấy, những năm đầu thập niên sáu mươi, đất nước vẫn còn chút thanh bình, chính quyền lập nên chương trình di dân lập nghiệp để giúp những người dân nghèo có cơ hội tạo dựng cuộc sống mới và cũng để phát triển đất nước. Một số những người dân nghèo nơi xứ Quảng hưởng ứng chương trình di dân dinh điền, và hầu hết họ được đưa về lập nghiệp ở Trại Mát. Cha mẹ Búm là những người có ruộng đất, nên không muốn tình nguyện đi di dân. Trong số những người đi di dân có cả những người trẻ tuổi, mới lập gia đình. Có những người muốn tìm nguồn sống mới và muốn tách rời cuộc sống với miền đất cày lên sỏi đá này. Họ là những người tình nguyện vào chương trình di dân dinh điền.

Những đợt di dân dinh điền được tổ chức ra đi từng lớp. Ngày đó, ngôi làng Búm có năm, mười gia đình hơn hở bỗng bế con cái, giả từ nơi chôn nhau cắt rún để xuôi Nam. Nhà cửa bán cho người ở lại hoặc bỏ trống, còn những gì mang theo được thì họ mang theo. Những buổi sáng di dân người ta thấy linh kinh nào là gà, vịt, heo, chó, mèo, v.v. những thứ gia cầm, ra xếp hàng trên con đường làng để được đưa vào Trại Mát. Có những người đã sống trên quê hương làng mạc này hơn nửa đời người, nay phải ra đi nên trong ánh mắt họ đượm một nét buồn. Nhưng những đứa trẻ thì rất vui và hồn nhiên, có lẽ ngày mai chúng sẽ được nhìn thấy chân trời mới, với

một chút gì khác lạ hơn mảnh đất cằn cỗi này.

Sau những giây phút giã từ bà con lối xóm, những người di dân gạt nước mắt chia ly để lo đưa gia đình lên đường.

Con đường làng mỗi ngày im lìm nằm phơi mình dưới hàng tre phủ rợp, hôm nay con đường làng trở nên nhộn nhịp. Xóm nhà ông Ngoạt thợ xe, trước nhà anh Năm Túy, xóm ghe nhà cô Cân người người lớn bé hớn hờ như ngày hội. Người ta mang ra đủ thứ giỏ, nùng, quẩy, gánh, chứa đầy những vật dụng và gà vịt kêu riu rít. Rồi từng nhóm họ xếp hàng trên con đường làng. Kẻ ra đi trong lòng hớn hờ, người ở lại cũng một chút gì luyến tiếc. Giờ chia tay cũng đến, những người ra đi vai gánh, gồng, bồng bế con thơ kéo nhau về sân ga. Trong giây phút những tiếng reo hò riu rít cũng tan biến. Đoàn người đã ra đi. Và con đường làng lại im lìm nằm co mình bên lũy tre làng lặng gió.

Một năm sau ngày đi di dân, người cô Búm trở về thăm xóm làng. Với khuôn mặt hớn hờ và niềm vui trên đường lập nghiệp, người cô xin cha mẹ Búm cho nàng vào Trại Mát để làm việc và ăn học. Búm vui mừng được cha mẹ cho theo người cô vào sống trên vùng cao nguyên sương mù.

Mấy năm xa vắng, hôm nay Búm đã là một thiếu nữ cập kê tuổi lấy chồng. Vì lo cho tương lai của con, trong một ngày đầu Thu, cha Búm rời quê nhà để vào Trại Mát.

- Con nay đã lớn và cũng gần đến tuổi lập gia đình, nên cha mẹ muốn con trở về quê.
- Ở đây lập gia đình cũng được mà cha.
- Không được đâu con, mình về quê mình có làng có xóm nương tựa nhau. Ở đây cha có biết ai đâu mà làm suôi.
- Nhưng con đang làm việc ở đây, con chưa muốn về đâu.
- Chuyện lập gia đình là chuyện trăm năm, con hãy thu xếp hành lý đi, đừng cãi cha nữa.
- Cha mẹ ép con mai này con không hạnh phúc cha mẹ tính sao.
- Ừ, thì để sau này cha tính cho, bây giờ thì phải đi về.

Một nỗi buồn không tên hiện lên nét mặt Búm, nàng vội vàng nhồi nhét những hành lý vào chiếc va-ly nhỏ rồi ra cánh đồng rau quả tìm Dĩnh. Con đường ngắn ngủi mà sao nàng đi hoài không đến! Cũng trên thung lũng này hằng ngày Búm vẫn lội bộ ra cánh đồng rau quả lấy rau về bán trong tiệm người cô. Có những buổi sáng, sương mai bay là đà trên khắp cánh đồng tạo nên những lớp sương mù cuộn tròn, vờn vờ trên những luống rau xanh, như đôi tình nhân đang âu yếm. Đất Trại Mát thường chạy dài trên những cánh đồi nghiêng dốc, người canh tác phải bang đất ra bằng phẳng, giục bờ giữa miếng đất cao và thấp nên nhìn vào cánh đồng rau quả như những bậc thang

tam cấp. Và những nấc thang là bờ đất sét đỏ, len lỏi giữa những đám rau xanh biếc, tô đậm cánh đồng như một bức tranh sơn dầu thiên nhiên, sống động.

Hôm nay Búm lê những bước chân lạch lũng, giữa cánh đồng rau quả xanh tươi đầy nhựa sống.

- Búm đi đâu ở đây giờ này?

- Đi tìm Dĩnh chứ đi đâu.

- Có gì mà đi tìm Dĩnh?

- Ngày mai Búm đi rồi.

- Đừng giởn nhột nha, đi đâu mà đi.

- Búm nói thiệt đó, sợ ngày mai không còn gặp nữa nên Búm ra đây gặp Dĩnh.

- Búm không đùa hả. Mà Búm đi đâu chứ, sao tự nhiên lại bỏ đi?

- Lên đây Búm nói cho nghe.

Những buổi trưa chiều nắng cháy, hằng người bên những luống rau đã biến nước da của Dĩnh thành màu đen sạm. Mái tóc húi ngắn nhựa, cái đầu trần làm rõ vầng trán cao, và cái mũi queo một bên của Dĩnh với những vết bunn đen sì, nhìn thấy mà bắt cười. Dĩnh vội bỏ

ngang công việc trên cánh đồng, bước chân theo Búm lên bờ đề.

- Nói lẹ nghe đi, Búm đi đâu?

- Dính chở em đến thung lũng Tình Yêu đi.

- Trời ơi! Bụng Dính đang đánh bài cào đây nè, Búm nói ở đây đi.

- Thì Dính ở đó đánh bài cào đi, Búm đi về cho coi.

- Đi thì đi. Hình như trời sinh Búm ra để hành hạ người ta thì phải.

- Con trai gì mà lẻo đẻo như đàn bà con gái vậy, trù ẻo gì Búm đó.

- Ngồi lên.

Đường Đà Lạt lên dốc xuống dốc như những con phố ở San Francisco, những cánh đồi xanh tươi đang hiện ra trước mắt bỗng nhiên hụt hẫng biến mất để xuất hiện nền trời xanh lơ. Và những gì đang nhìn thấy, chỉ qua một con dốc đã đổi thành những hình bóng khác.

Trên chiếc xe đạp cọc cạch Dính đèo Búm phía sau và len lỏi qua từng cánh đồi đến Thung Lũng Tình Yêu. Những cánh đồi nghiêng nghiêng chạy xuyên qua những rừng dương liễu, và tiếng gió cao nguyên thổi rì rào qua những cành dương tạo thành một thứ âm thanh vi vu. Mùa Thu Đà Lạt mang về hơi lạnh và khoát lên vùng cao

nguyên một lớp áo sương mù chập chờn của thành phố mộng mơ.

- Đến Thung Lũng Tình Yêu rồi đó, Búm nói đi.

- Thung lũng gì mà nằm giữa núi đồi trụi lủi như vậy mà gọi là yêu với thương.

- Thì cái tên gọi thôi mà. Bộ chưa đến đây lần nào sao nói vậy?

- Nếu đến rồi thì nhờ anh chở đến đây làm chi. Lấy tay ra.

- ...

- Tại sao tự nhiên lại bỏ đi?

- Tự nhiên hồi nào. Thấy hai con vịt lội dưới ao kia hong?

- Giống hai đứa quá hén.

- Nhờ con vịt mái đi rồi con kia làm sao đây.

- Kêu cặp cặp đi tìm con mái đá.

- Lấy tay ra. Còn lại một mình sao kêu cặp cặp.

- Nhưng ngày mai Búm đi đâu?

- Về quê.

- Sao phải về?

- Cha biểu về.

- Xin cha ở lại đây được hong?

- Ông già bỏ công việc cày cấy ngoài đó vô đây đem về mà nói xin là xin cái nổi gì, trời.

- Vậy không còn gặp nữa sao?

- Ai biết, thì bây giờ coi như xa nhau đi, mai này hãy tính. Thôi chờ em về đi.

Dĩnh đưa mắt nhìn bên bờ thung lũng Tình Yêu, những cặp tình nhân ngồi quán quít bên nhau, những tiếng cười rúc rích rồi hai mái đầu lại chụm vào nhau. Dĩnh vội chạy vào bụi rậm bên đồi, quay lại gọi:

- Búm vào đây.

- Chi vậy?

- Vào đây đi.

Búm vạch những lùm cây chun vào.

- Rồi, Dĩnh làm gì trong này.

Dĩnh vội gắt cành hoa sim lên mái tóc Búm, và nói:

- Cho hun miếng.

- Dĩnh kỳ quá hà, Búm nói khi nào Búm 18 tuổi mới làm chuyện đó mà!

Dĩnh đứng tần ngần nhìn Búm một hồi rồi nắm chặt bàn tay lại:

- Mười sáu, mười bảy, mười tám. Vừa nói Dĩnh vừa đưa ra từng ngón tay. Được, nhất định như vậy nghen. Ba năm nữa Búm cho Dĩnh hun miếng nghen.

Chiếc tàu suốt chạy chậm chậm vào cánh rừng rậm, mang theo hình bóng của Búm, thỉnh thoảng hú lên từng hồi còi dài ảo não, như vẫn con lưu luyến một chút gì ở Trại Mát.

Đồng Sa Băng. Trích trong “Chuyện Tình Thời Chính Chiến”

Đồng Sa Bắg

Chuyện Tình Con A Móc

Buổi tối, trời Sài Gòn lạnh lạnh, Loan dọn dẹp đồ ăn, lau chùi năm ba cái bàn xong đóng cửa tiệm ra về. Trời về khuya, khu phố 5 đường Tô Hiến Thành, Quận 10 trở nên vắng vẻ. Người phu xe xích lô vừa đi xong cuộc cuối. Cặp chiếc xe dưới tàn cây me, lão hất đít xe về vỉa hè rồi leo lên cái ghế dành cho khách ngồi phì phà điều thuốc lẻ. Và ngoài đường, tiếng xe gắn máy thưa dần.

Hôm nay chị em Loan Phượng trở về căn nhà trọ sớm hơn mọi ngày. Loan-Phượng là một cặp, sống chung nhau từ ngày cha mẹ mất. Căn nhà nhỏ, nằm chi chít trong khu phố 5, là tổ ấm của hai chị em và hai đứa cháu gái nhỏ. Sau ngày cha mẹ qua đời, người chị cả của Loan-Phượng mua căn nhà nhỏ này cho hai chị em ở. Căn nhà hiu quạnh nên Loan-Phượng mang hai đứa cháu gái về ở cho vui, và cũng để giúp người chị lớn một tay.

Mười năm trước, trong một cơn bạo bệnh cha của Loan qua đời. Và năm sau kéo theo mẹ của Loan cũng ra đi, khi Loan vừa tròn 17. Sau cái tang của mẹ là việc học của Loan cũng chấm dứt ở lớp 11, và cũng từ đó Loan bắt đầu lặn lội vào đời.

Sài Gòn vừa trải qua cơn sốt đổi mới. Từ những con đường, những

căn hộ, đến cả cái tên của thành phố này cũng thay tên, đổi chủ. Thường thì những cái gì đổi mới là để thể hiện cái tốt, đẹp, nhưng chưa hẳn lúc nào cũng như thế. Không tin thì hỏi người phu xích lô sẽ biết. Có những cái đổi mới làm cho lão già đạp xích lô thêm bực bội. Nhất là tên những con đường, mỗi lần khách bảo lão chạy về đường Đồng Khởi, thì lão lại gãi đầu: “À đó là Tự Do.” Nhưng nếu lão hỏi lại: “Về đường Tự Do hả cưng” thì người khách lại nói: “Bây giờ làm gì có đường Tự Do, ông lại mơ về ngày xưa nữa rồi!” Có những hôm, lão ngồi cãi lộn với người bạn lối về Xưởng Đẽ Từ Dũ. Mấy chục năm rồi, lão nhớ nằm lòng con đường về Bảo Sinh Viện Từ Dũ. Bây giờ, mọi thứ tự nhiên xáo trộn, ngay cả cuộc đời của lão cũng đang xáo trộn.

Cái ngày Sài Gòn mang tên mới, Loan vừa tròn ba tuổi. Nhà có bốn chị em gái, Loan Phụng nhỏ nhất, và Loan là chị của Phụng, nhưng Loan lại e ọt nhỏ con hơn. Cũng vì thế mà ba Loan thương Loan nhiều nhất.

Sài Gòn ở thời buổi “bao cấp”, ba má của Loan cũng như bao nhiêu người dân khác, phải làm việc vất vả mà mấy đứa con vẫn bữa no bữa đói. Ngày nào cũng ăn cơm độn với bo bo, riết rồi chị em Loan Phụng cũng ngán tới cổ họng.

Nghĩ cũng lạ, miền Nam là vừa lúa mà người dân miền Nam lại không đủ gạo ăn!

Nhiều người đâu có nghề gì để làm ăn. Nhưng mà có tay nghề cũng chưa chắc tìm ra được xưởng sở để làm. Nên dân Sài Gòn đua nhau mở phong trào mới bằng nghề buôn bán. Nơi nào, xó hẻm nào, và con đường nào người ta cũng mở tiệm buôn. Chắc

nghèo quá nên bị mấy chữ “Vô thương bất phú” nó làm cho người Sài Gòn mê mệt! Người ta nói trăm người bán, vạn người mua, vậy mà đi đâu cũng thấy vạn người bán, mà chỉ có trăm người mua! Từ con đường Tô Hiến Thành đổ ra Cách Mạng Tháng Tám đâu đâu cũng mở tiệm buôn. Mà nhất là con đường Cách Mạng Tháng Tám. Có lẽ người dân sống trên con đường này bị cái tên con đường quyến rũ nên muốn làm một cuộc cách mạng buôn bán để may ra đổi đời! Thế là Ba Má Loan Phượng cũng nhảy ra mở cái tiệm ăn bỏ túi trong hẻm đường Tô Hiến Thành. Nói là bỏ túi vì nó nhỏ, không còn nhỏ hơn tiệm ăn nào khác!

“Vô đây, vô đây ăn đi anh.”

“Ăn cái gì trong đó?”

“Cơm sườn. Cơm sườn của em ngon nổi tiếng, mời anh ăn cho biết.”

“Thiệt sườn của em hong, cưng?” Người khách thập Phượng cười nhe răng rồi phóng xe vọt chạy.

Trước cửa tiệm ăn nào cũng có một vài người đứng ngoài đường đưa tay ra chặn xe mời khách đi đường vào tiệm ăn. Lúc còn nhỏ Loan cũng thường đứng ngoài đường đón khách cho tiệm ăn của ba má. Sau này, lớn lên một chút, Loan bắt đầu học nấu ăn và đi chợ cho tiệm ăn. Sau ngày ba mẹ qua đời Loan tiếp tục thay thế và theo nghề nấu ăn mãi cho đến bây giờ. Người ta nói mở tiệm ăn có lời nhiều nhưng cực lắm. Sáng nào Loan cũng thức dậy thật sớm, ra chợ Hòa Hưng mua rau quả, thịt cá đem về rửa sạch, cắt ra đâu đấy để sửa soạn nấu ăn trong ngày. Loan phải đứng bếp suốt buổi sáng. Đến mười hai giờ trưa cửa tiệm đóng cửa, Loan về nhà nhắm mắt một chút để lấy sức cho buổi chiều.

Cuộc sống cứ thế trôi theo dòng đời. Đến nay Loan đã 28 mà vẫn đường về một bóng.

- Gần ba mươi rồi, sao chị không lấy chồng đi còn chờ đến bao giờ nữa? Phượng hỏi.

- Lấy ai giờ đây, bộ em nói muốn lấy chồng là lấy hả!

- Thì anh Khổng đó.

- Thôi đi, hết người sao đi lấy ông đó. Em thấy hong, suốt ngày nhậu nhẹt, say sưa như hủ hèm mà bảo chị lấy làm chồng sao cưng! Mà nữa, chị tên là Loan mà đi lấy tên Khổng thành ra Khổng Loan, thì uổng công ba má đặt cái tên cho chị rồi! Thà nằm không chơi chứ chị không rảnh lấy người say tên Khổng đâu cưng.

- Nhưng em thấy ảnh thương chị và ngày nào cũng đến tiệm chị ăn cơm hoài.

- Mặc kệ ổng chứ. À, mà sổ thiếu nợ của ổng hết chỗ ghi rồi đó. Cái thân không đi làm lấy gì ra tiền mà trả tiền ăn.

- Kia kia, ảnh lại đến nữa kia.

- Cho anh đĩa cơm sườn đi em. Tiếng của Khổng.

- Cơm em bán chứ không cho.

- Ủa! Sao lạ dzậy, thì anh ăn xong rồi anh trả tiền cho em sau chứ.

- Ngày nào anh cũng nói trả tiền sau hoài, có khi nào anh nói trả tiền trước không? Anh thấy đó, bức tường bên cạnh anh còn chỗ nào trống để ghi nợ anh nữa đâu. Trời ơi, anh tưởng quán em là quán chùa hả.

- Thì khi nào anh tìm ra được việc làm anh trả cho em, có mất đồng nào đâu.

- Thôi nha, mấy năm nay rồi anh biết hong, có ngày buồn tình anh mang ra mấy ngàn trả cho tui, rồi anh lấy có anh tán anh dê tui. Còn

lại mấy tháng nợ đó, thôi, tui mệt quá rồi. Nè, cơm của anh nè.

- Lấy anh đi, anh sẽ trả cho em suốt cuộc đời của anh.
- Thôi nha, bộ khủng sao lấy anh để rồi nuôi anh suốt đời thì có, xí.
- Sao hôm nay mắc chứng gì mà em chơi anh hoài dzì?
- Không dám chơi anh đâu. Anh ăn cơm đi, rồi hôm nào mang tiền ra trả cho tui.

Chiều lại về trên khu phố 5, cánh cửa tiệm ăn khép kín. Loan đưa mắt nhìn ra đường Tô Hiến Thành, hạt mưa đang rơi, và lão già đạp xe xích lô vẫn ngồi co ro dưới tàn cây me.

Mưa Sài Gòn rất tình và lãng mạn. Có những cơn mưa làm cho người ta quen nhau rồi yêu nhau. Có những cơn mưa chỉ đủ làm ướt áo, như muốn trêu cợt người đi đường rồi vội vàng tan đi. Và có những cơn mưa như hờn giận ai, mưa như đổ lên đầu, làm lòng người chùn lại. Chiều nay cũng vậy, có lẽ trời đang giận hờn ai nên trời đổ mưa xuống khu phố 5 này. Con hẻm khu phố 5 bây giờ nước mưa lai láng. Tiếng mưa lộp độp trên mái tole tiệm ăn Loan, nghe dường như cơn mưa sẽ không bao giờ chấm dứt. Nhìn bên hè, những hạt mưa rơi chạm đất tạo thành những bong bóng trôi theo dòng nước. Những bong bóng vội vàng trôi đi thật xa rồi vỡ tan. Và những bong bóng khác lại nổi lên. Chiều nay chắc trời mưa dai lắm, người ta nói mưa có bong bóng thì mưa sẽ rất dai.

Loan nhìn về xa xa, những hạt mưa tan vỡ giữa lưng trời, rồi gió thổi bay đi như những sợi sương mù.

Thật ra Khổng rất thương Loan, nhưng hạnh phúc gia đình đâu phải chỉ có ngồi đó nói thương yêu không là đủ! Mấy năm rồi Loan tự nuôi lấy bản thân, bây giờ đã thấy mệt mỏi. Loan chỉ muốn có một tấm chồng biết lo làm ăn để Loan nương tựa, chỉ vậy thôi.

Cơn gió oài về hét những hạt mưa vào bên trong tấm cửa sắt, Loan thấy hôm nay không còn mua bán được nữa. Loan - Phượng lại đóng cửa về sớm. Cánh cửa vừa khép lại thì từ đâu xuất hiện một người thiếu nữ, trên tay ôm cặp da, vẻ mặt vui tươi, hớn hỡ:

- Em phải Loan hôn? Nhìn em là chị biết em tên Loan liền hà.
- Chị là ai? Đã biết tên rồi còn hỏi chị nữa.
- Vô đi, mở cửa ra cho chị vô bên trong rồi mình nói chuyện.
- Mời chị vô.
- Ướt hết rồi, em có cái gì cho chị lau sơ một chút đi cưng.
- Miếng vải đây, chị lau đỡ đi.
- Trời ơi! mưa chi mà mưa như đổ vậy hông biết. Rồi, chị nói thiệt với em nha. Em muốn lấy chồng nước ngoài hôn?
- Trời, em tưởng chị muốn ăn thì em nấu cho chị ăn chứ chị nói cái gì lạ vậy! Chồng nước ngoài là nước nào, là ai. Mèn đéc, em đang rầu gần chết đây, chị đừng có đùa ghen.
- Chị nói thiệt mà, lấy chồng Việt kiều đó cưng, mấy ông Việt kiều biết lo làm ăn và ga-lăng lắm. Cưng chỉ cần cho chị một tấm hình xinh nhất của cưng là mọi chuyện chị làm giúp cho cưng, không tốn kém một xu nào hết.
- Ý, chỉ có một tấm hình là lấy được chồng Việt kiều hả?
- Ủa, chỉ có một tấm hình thôi.
- Rồi em phải trả cho chị bao nhiêu tiền còm?
- Chị đã nói là cưng không tốn một xu nào mà.
- Thiệt hong?
- Thiệt.
- Thôi được, hôm nào chị trở lại đây đi, em sẽ cho chị một tấm hình. Người thiếu nữ tươi cười đứng dậy ra đi. Loan-Phượng không quên

nhìn theo và cười thăm trong bụng.

- Mấy bà này nói chuyện trên trời dưới đất không hà, hứ, Phượng cầu nhàu, lấy chồng Việt kiều, tưởng ngon lắm hả.

- Thì kệ người ta, mắc mớ gì mà em cau cú vậy.

- Em nói chị lập gia đình lo làm ăn đi, ở đó mà mơ ước viễn vông.

- Ủa, con nhỏ này hay à ta, chị có mơ ước gì đâu.

- Chị thấy hong, anh Dương và em đó, cũng hạnh phúc vui vẻ như ai vậy.

- Thì đó là chuyện của em, còn người ta muốn làm sao thì mặc người ta, sao em nhiều chuyện quá vậy.

Hạt mưa vẫn rơi nhưng không còn nặng hột như chiều nay. Loan Phượng khóa cửa tiệm ra về. Đi ngang qua lão già đạp xích lô Loan nói:

- Bác Năm, bốn giờ sáng mai chờ con chỗ này nhe.

- Thì sáng nào tao không chờ bây ở chỗ này mà hôm nay lại dặn với dò.

Bác Năm, người phu xe xích lô, không rõ lai lịch bác từ đâu đến. Chỉ biết mấy năm sau ngày giải phóng bác đến khu này ở. Không nhà, không cửa, không vợ, không con, bác thuê căn phòng nhỏ trong hẻm. Nhưng người ta thấy hầu như bác sống trên chiếc xe xích lô nhiều nhất. Đôi chân già nua, bác không còn sức để chạy khách nhiều như những người còn trẻ, nên bác nhận mỗi mỗi buổi sáng đưa Loan ra chợ Hòa Hưng rồi về chở vài mỗi học trò đi học. Những giờ còn lại bác ngồi dưới bóng cây me, có ai kêu đi đâu thì bác đưa đi, chỉ vậy thôi.

Chợ Hòa Hưng bây giờ được xây lại bằng tường gạch và nền xi măng, không như ngày xưa chỉ có cái sườn, mái tole, và các sạp

buôn bán bày ra ngổn ngang. Mỗi lần đến quầy hàng thịt cá thì đất cát dơ ơì là dơ. Hôm nay, từ sáng sớm Loan đã ra đến chợ. Mua sắm những thứ cần dùng trong ngày xong Loan kêu bác Năm đưa xe chở về tiệm. Xe nằm cửa bên hông chợ phía đường Tô Hiến Thành, bác Năm đẩy xe chạy dọc theo con đường một khúc là đến ngang nhà thờ rồi xéo qua bên kia đường là con hẻm vào khu phố 5. Ngày xưa ba má Loan mượn căn phòng nhỏ xíu bên mặt hẻm để mở tiệm ăn. Sau này buôn bán có chút khách ra vô thì người chủ quán cứ đòi lấy tiệm lại, mỗi lần như vậy là Loan phải tăng tiền thuê lên. Có những hôm Loan không biết mình còn đứng bán đây được bao lâu.

- Loan, chị đây nè. Em có tám hình cho chị chưa?

- Ủa! Chị đó hả. Hình, à em không có ở đây.

- Em về lấy ra cho chị được không?

- Mà em có chụp đâu, chỉ có tám hình cũ thôi, chị lấy được không?

- Em đưa chị coi thử.

- Đây nè, trong bóp của em nè.

- Cũng được, em đưa chị tám này nha.

- Chị lấy đi. Mà làm sao em quen với “người ta” được?

- Như vậy nè, em cho chị cái địa chỉ, số điện thoại của em. Rồi chị đem hình em chị đăng trên mục tìm bạn bốn Phương trên mạng.

“Người ta” thấy hình em và i-meo của em thì người ta sẽ liên lạc với em.

- Sao rườm rà quá vậy, mạng là cái gì mà i-meo là cái gì em có biết đâu.

- Trời ơì, thời đại con a móc rồi mà sao em quê quá vậy. Để chị tạo cho em một cái địa chỉ i-meo nha. Đại khái như tên của em rồi a móc dá-hù chấm com gì đó.

- A móc, dá-hù, chấm cơm chấm cháo là gì? Chị nói em không hiểu, thôi, em thấy không được đâu.

- Em không thích mấy cái đó thì em cho chị cái số điện thoại được rồi.

- Em có điện thoại đâu mà cho chị.

- Thì điện thoại nhà nào bên cạnh nhà em cũng được có sao đâu.

- Ủa, vậy hạ, đây số điện thoại đây nè.

- Ô kê, vậy là đủ rồi, khi nào có tin vui cho chị biết nghen. Nói xong người thiếu nữ ra đi một hơi.

Loan chưa kịp hỏi tên và số điện thoại thì người thiếu nữ đã khuất bóng đâu rồi.

- Chị đưa hình cho bà chi vậy? Phượng hỏi.

- Thì kệ nó, mình mát mát gì mà em lo dữ vậy.

- Chi đưa cho bà tám hình nào?

- Tám hình áo hai dây mà chị bôi môi son đỏ lòm đó.

- À, để rồi chị coi.

Một tháng, rồi hai tháng trôi qua Loan cũng không nhớ rằng có người đăng hình Loan trên mạng và đăng những gì trên đó. Và cuộc sống mọi ngày như mọi ngày, rồi một hôm:

- Loan, có người gọi điện thoại cho cưng nè cưng.

- Ai vậy Sáu, nói đợi em một chút, em đang bận nấu ăn.

- Người ta nói ở nước ngoài gọi vào đó.

- Ủa! Vậy hả, lát nữa em sẽ đến ngay.

- Dạ, Loan đây.

- Loan hả, anh là Linh, Loan có rảnh không?

- Anh Linh từ đâu gọi về vậy?

- Anh gọi từ Mỹ.

- À, Anh Linh nói đi Loan nghe đây.
- Anh biết Loan trên mạng và muốn làm bạn với Loan được không?
- Chỉ muốn làm bạn không thôi sao?
- À ... thì làm bạn nhau trước rồi sau đó thì sẽ đi xa hơn nữa.
- Giờ này bên anh mấy giờ vậy?
- Hai giờ khuya.

Từ đó Loan ôm điện thoại nói đến hơn nửa giờ mới xong.

Rồi cứ thế dường như mỗi ngày vào khoảng một giờ trưa Loan nhận điện thoại của Linh, và những cú điện thoại cũng chỉ kéo dài khoảng nửa tiếng là xong. Một tuần sau Loan nhận lá thư tay đầu tiên từ Linh. Nhìn con tem và phong bì Loan cũng thấy xa lạ. Cái phong bì màu trắng tinh, không màu mè, gạch xanh, gạch đỏ như những lá thư Loan nhận từ bạn bè, nó đơn giản như tấm lòng của người gửi thư. Nhưng bên trong lại là những lời thì thầm thật đầm ấm mà có lẽ Loan chưa bao giờ có được trước đây. Những lời thì thầm quá chân tình của Linh đã làm Loan suy nghĩ rất nhiều, và rồi những cánh thư hồi âm của Loan cũng đều đặn bay về Phượng trời xa lạ. Có ai tin được những mối tình ngàn dặm, những mối tình chưa bao giờ gặp nhau, những mối tình internet, vậy mà nó vẫn có.

- Anh đó tên gì mà gọi chị hoài vậy? Phượng hỏi.
- Linh.
- Ảnh nói gì với chị?
- Thì những chuyện trên trời dưới đất mà. Ảnh nói cuộc đời là cái chén bể, rồi ảnh nhìn thấy hình chị tự nhiên ảnh thương, và ảnh nghĩ chị những nhẽo nhiều lắm. Ảnh nói chỉ muốn tìm một người vợ rất bình thường, những nhẽo và làm nũng cho vui cuộc đời, vậy thôi.

- Vậy là ảnh dựng hàng rồi đó. Mà hai người xa nhau ngàn dặm làm sao thương yêu nhau được mà nói.

- Ủ, ảnh nói những người sống gần nhau, gặp nhau hằng tuần, và yêu nhau tha thiết rồi cuối cùng cũng chẳng đến đâu. Ảnh nói: “Bây giờ có lẽ chưa yêu nhau nhưng sau này rồi sẽ yêu nhau, và biết đâu trong tình yêu đó anh đã giúp một cuộc sống ra khỏi một xã hội quá nhọc nhằn cực khổ chỉ vì nợ áo cơm. Tình yêu nào cũng tự mình gầy dựng lên mà, và biết đâu anh sẽ tìm được tình yêu trong em mà còn là một tình yêu đầy ý nghĩa.” Còn chuyện của em và Dương, ngày đám cưới cũng sắp đến rồi, em lo công chuyện đi.

- Anh ấy có nói khi nào về thăm chị không?

- Anh ấy muốn về thăm chị vào dịp Tết nhưng chị nói lúc đó tiệm tũn của mình còn nhiều chuyện lôi thôi lắm, đợi sau Tết hãy về.

Mới đó mà Loan đã quen biết Linh hơn bốn tháng rồi. Thời gian trôi qua thật nhanh. Nhìn lại chồng thư tay Linh gửi cho Loan bây giờ đã cao thật cao. Cái hạnh phúc dường như vô bờ bến mỗi lần Loan thấy người đưa thơ mang thơ Linh đến tiệm ăn trao cho Loan. Loan mở ra đọc ngay rồi tối về Loan lại chong đèn trong giường đọc lại. Rồi Loan lấy giấy bút ra viết thư cho Linh: “Anh thương, em đang nằm trên giường viết thư cho anh đây nè, ...” Những vằn chữ cứ múa máy trên tờ giấy trắng để rồi ngày mai nó bay về người thương, trong đó có cả niềm vui của Loan.

Sài Gòn sắp vào ngày xuân.

Những con đường, phố xá qua bao tháng ngày phong sương, nay cũng được mặc lớp áo mới. Những tấm băng quảng cáo màu vàng rực được dán lên trước những cửa tiệm. Những bức tường mang

màu nâu sần của năm tháng bụi đời nay cũng được phết vôi trắng phếu để khoe sắc cho ba ngày xuân. Sài Gòn bây giờ người ta nhôn nháo với cảm giác sửa soạn để đón xuân. Những khuôn mặt trẻ thơ hớn hở sẽ được khoe áo mới. Và những khuôn mặt sần bi nay cũng ráng nở nụ cười để tiễn đưa những buồn phiền năm cũ cho vào dĩ vãng. Nhưng xuân Sài Gòn bây giờ không còn như xuân Sài Gòn ngày xưa. Người ta sẽ thấy thiếu một cái gì đó khi đi ngang qua chợ Bến Thành trong những ngày cuối năm mà không thấy hình ảnh của những anh bầy Chà Và của kem Hynose. Sài Gòn bây giờ cũng không còn những nàng tiên mỹ miều trong chiếc áo dài duyên dáng, tay cầm miếng khô Nai khô Cá Thiều rao bán trong ba ngày Xuân quanh chợ Bến Thành. Và Sài Gòn bây giờ đã vắng đi con đường chợ hoa Nguyễn Huệ của ngày xưa. Con đường đã từng tô thắm và làm tăng vẻ đẹp độc đáo của Sài Gòn trong ba ngày xuân với những cành mai, những chậu bông muôn màu rực rỡ. Loan đã có những ngày thơ ấu lớn lên bên góc phố này của ngày xưa, nhưng ngày xưa đã qua rồi.

Ba ngày xuân đến và đi rất mau. Và xuân năm nay Loan có niềm vui mới. Loan cũng xuống phố đón xuân, cũng đến bạn bè chúc Tết, nhưng có lẽ niềm vui lớn nhất của Loan là những cánh thư tay của Linh. Những lá thư nón nén từ tay người mình thương sao nó đẹp và mang nhiều ý nghĩa, không như những lá thư từ con a móm như bạn bè của Loan. Loan rất quý mến và trân trọng những lá thư tình này kỳ lạ, và Loan đem bỏ chúng dưới đầu giường, để ru Loan ngủ trong những đêm cô đơn.

Tết đã qua rồi nhưng mùa xuân vẫn còn đâu đây. Tuần tới là ngày Phượng lên xe hoa về nhà chồng. Mấy năm nay hai chị em sống

chung trong căn nhà nhỏ bé này, bây giờ Phượng đi lấy chồng, Loan cũng không biết cuộc sống của mình rồi đây sẽ ra sao. Nhưng có điều là tuần tới, một ngày trước ngày Phượng đi lấy chồng, Linh sẽ về thăm Loan. Nghĩ đến ngày đó Loan cảm thấy vui, nhưng không biết nỗi vui của mình ra sao, cái ngày đầu tiên gặp Linh không biết nó sẽ ra làm sao. Vui, chắc là vui lắm, nhưng sao Loan vẫn thấy lo lo làm sao. Loan chỉ biết Linh qua những lời nói trên thư và tấm hình nhỏ bé kia thôi. Còn ngày mai, ngày mai Loan sẽ đối diện với người bằng xương bằng thịt, Loan vẫn băn khoăn.

- Sao chị không ngủ đi, ngày mai ảnh mới về mà. Phượng nói.

- Ừ, chị biết rồi nhưng sao vẫn thấy làm sao ấy.

Hôm nay căn nhà nhỏ của chị em Loan Phượng rộn ràng đủ thứ.

Chiều nay là ngày nhóm họ, vài ba người thân từ Phượng xa về mừng cho ngày vui của Phượng. Loan sắp xếp cho chuyến bay của Linh đáp vào chiều nay, để ngày mai Linh cũng có mặt trong ngày vui của Phượng. Một ngày bận rộn rã rời, rồi chuông điện thoại reng lên.

Bên kia đầu máy Loan nghe tiếng nói của Linh:

- Chuyến bay của anh bị đình đến chín giờ tối mới đáp cánh được.

- Thì chín giờ tối em sẽ ra đón anh.

Chín giờ tối Loan ra sân bay Tân Sơn Nhất, nhưng rồi chuyến bay lại đình trệ đến mười hai giờ khuya mới đáp cánh. Trên đôi tay Loan cầm bó hoa hồng và đôi mắt cứ nhìn vào đám đông từ máy bay xuống. Thoáng nhìn, Loan thấy một người đàn ông da ngăm, tay đẩy xe hành lý, chân bước đi mà cặp mắt đắm chiều nhìn vào đám đông trước mặt như đang tìm một hình bóng quen thuộc nào. Loan chen chân qua đoàn người đến trước mặt, và gọi:

“Anh.”

Loan bẽn lẽn trao chùm hoa hồng cho Linh rồi vội nhìn xuống mặt đường.

Trong cái then thùng có cái đẹp riêng của người con gái. Mái tóc cắt ngang bờ vai và đôi môi son đã làm rõ thêm khuôn mặt Loan dưới ánh đèn mập mờ ngoài sân bay. Và cuộc hội ngộ mang theo một chút gì ngỡ ngàng. Linh ôm trọn những cảnh hoa trong tay mà lòng băng khuâng với niềm vui mong đợi. Cái giây phút ngỡ ngàng trong chốc lát đã tan đi, khi những tiếng nói, giọng cười của Loan trong chiếc điện thoại của những ngày qua từ từ nhẩy múa trong đầu óc của Linh. Và rồi Linh lại thấy như hai người đã gặp nhau từ lâu.

- Em ... chờ anh lâu không?

- Không ...sao đâu, anh đi đường có mệt không?

- Bây giờ mình đi về đâu đây em? Chắc em mệt lắm, hay là mình đi đâu uống nước và kiếm cái gì ăn, anh đói bụng quá.

- Cái thân bồ tượng của anh đó, ăn mấy chục năm rồi mà còn đòi ăn hoài. Để em kêu taxi nhé. Khuya rồi, đêm nay anh về ngủ ở Phú Nhuận đi. Mình không có thì giờ nhiều đâu, ngày mai là đám cưới của Phụng.

Hành trang của Linh chỉ là một chiếc vali nhỏ. Loan đi bên cạnh Linh lên xe taxi rời khỏi sân bay. Trời Sài Gòn về khuya bóng người thưa thớt, chiếc taxi vẫn chạy boong boong dưới ánh sáng mập mờ của thành phố về đêm. Linh nhìn ra ngoài đường, thấy hoàn toàn xa lạ. Chiếc xe taxi chạy một hồi dừng lại trước một khách sạn nhỏ bé bên đường. Linh cũng không biết mình đang ở đâu, chỉ biết đi theo Loan

như như một tên tù binh. Vậy là đêm nay Loan an bày cho Linh ngủ ở đây.

Đã quá nửa đêm, Sài Gòn đang chìm trong giấc ngủ. Ngoài đường thỉnh thoảng chiếc xe gắn máy chạy vụt trong màn đêm để lại tiếng máy nổ rời rạc trong không gian trầm lặng. Căn phòng nhỏ, Linh thả bừa những đồ đạc và vất chiếc vali trên nền thảm xanh. Ánh đèn trong căn phòng từ từ mờ dần rồi như muốn tắt hẳn. Chiếc áo hai dây của Loan từ từ buông xuống và mùi thơm da thịt của nàng lan rộng trong không gian ẩm cúng. Trong bóng tối mập mờ của màn đêm, những đường cong tuyệt đẹp của bàn tay tạo hóa đã thu hút tâm hồn nhũn nhụa của Linh. Rồi trong bóng tối diệu huyền đó hai tâm hồn cuộn tròn trong nhau để uống từng hơi thở dồn dập. Ngoài kia sương rất lạnh, những côn trùng cũng đang nín thở. Rồi trong màn đêm thanh vắng, khe khẽ những tiếng kêu rên xiết: "Chắc em chết quá anh ơi!" Rồi tiếng khóc vỡ oai trong màn đêm! Tiếng khóc hạnh phúc của tình yêu!

Năm ba chiếc xe quang họ rời khỏi hẻm Khu Phố 5 đường Tô Hiến Thành để đưa cô dâu về đường Cô Giang. Loan ngồi trên xe cô dâu với Phượng mà lòng ngổn ngang với những niềm vui. Sau đám cưới Loan đóng cửa tiệm ba tuần để người chủ nhà lo sửa chữa cửa tiệm, và Loan dùng thời gian đó cho Linh.

- Ngày mai anh đưa em vào Chợ Lớn chơi nhe. Linh nói.
- Không, em muốn đến tòa nhà cao nhất thành phố ở quận Nhất kia, nghe nói tầng lầu 29 có bán thức ăn ngoại quốc, anh đưa em đến đó đi nha.
- Ủ, anh sẽ đưa em lên đó. Nhưng hôm nay em đi với anh lên sân bay một chút nhé. Để anh chạy xe Honda chở em đi.

- Anh chạy ra đường Cách Mạng Tháng Tám xong quẹo trái mới lên sân bay được.

- Em ngồi sau chỉ đường anh đi nhé. Anh muốn ngừng ở tiệm rửa hình kia một chút.

- Chi vậy.

- Rửa hình chứ chi.

- Thôi, em không muốn rửa hình tiệm này đâu.

Vừa nói xong Loan nhảy xuống xe. Linh phải cạp xe theo lề đường năng nỉ.

- Trời ơi, làm ơn trèo lên xe dùm anh đi. Em không thích thì thôi. Kỳ quá à, không ưng là nhảy xuống đại vậy hả, nhỏ té thì sao.

Loan leo lại lên xe và bảo:

- Anh chạy đi.

- Anh sợ em rồi đó nha.

- Mặc mới gì sợ em.

- Sợ tính gàn của em đó.

- Ai bảo anh chọc em chi. Rồi Loan đánh thúi thụi sau lưng Linh.

Xong chút việc ở sân bay Linh đưa Loan trở về. Những ngày tháng mong manh bên Loan và những ngày tháng trở lại thăm quê hương Linh thấy thật vui. Lâu lắm rồi Linh không có dịp chạy xe Honda, vậy mà mấy ngày nay Linh đèo Loan trên chiếc xe Honda chở đi chơi khắp nơi trong phố. Loan muốn đi đâu là Linh lại đèo trên xe chạy đi, mà nhiều khi Loan không muốn đi, Linh cũng bắt ngồi trên xe chở đi chơi. Dường như những ngày tháng hôm nay đã làm sống lại tuổi thơ của Linh ngày xưa. Cái thú lớn nhất của Linh có lẽ là xách xe Honda chạy rong ngoài phố, chỉ chạy ngoài phố thôi, không cần phải có mục đích. Cũng như ở xứ văn minh con người hay tìm về những

gì mộc mạc, đơn sơ của ngày xưa.

- Em đói bụng rồi, anh ngừng lại tiệm nào để ăn nha.
- Em muốn ăn đồ gì, Tây, Tàu, hay Việt?
- Em muốn ăn cơm.
- Tiệm này được không?
- Tiệm nào cũng được mà.

Linh đưa Loan vào tiệm ăn bên đường. Loan gọi vài món ăn bình thường và món rau muống xào chao. Chỉ đơn giản vậy mà bữa ăn thật ngon. Nơi Linh ở để gì có rau muống để ăn hằng ngày, nên Linh thấy món rau muống hấp dẫn đã đành, vậy mà Loan cũng mê món rau muống xào chao này.

Ba tuần lễ trôi qua thật mau, Linh đã đưa Loan đi chơi, mua sắm mọi nơi trong thành phố Sài Gòn. Sài Gòn những ngày cuối tháng Ba là thời gian giao mùa, trời rất nóng. Vào tháng Tư là bắt đầu mùa mưa. Có những hôm nóng nực, Linh chở Loan dạo mát ngoài Thanh Đa. Những quán ăn nằm dọc theo bờ sông Sài Gòn, rất đơn sơ, chỉ có những ghế ngồi, những chiếc võng treo dưới tàn cây nhìn thẳng ra dòng sông. Và những cặp tình nhân thường đến đây vào những buổi chiều tắt nắng.

Quen biết nhau hơn một năm, bây giờ gặp nhau ba tuần. Ba tuần ngắn ngủi quá, nhưng ba tuần qua Loan thật sự tìm được tình yêu. Ngày mai này Linh ra đi. Loan biết rõ sẽ có ngày này, nhưng Loan vẫn buồn, vì cuộc vui sao sớm vội tàn!

Giờ bay sắp đến, Linh hôn nhẹ lên vầng trán của Loan, siết tay thật cứng như muốn giữ mãi không muốn lìa nhau. Nhưng cuộc hội ngộ nào rồi cũng chia tay. Loan trở ra sân bay, nhìn lên bầu trời, bóng người thấp thoáng đi vào chân mây.

oOo

Ba năm rồi Loan vẫn trong tin của Linh. Rồi một hôm Loan gặp một người xưa.

- Chào em, anh là Hạnh. Ngày xưa Linh có nhờ anh trao cho em mấy món quà đó, em còn nhớ không?

- Chào anh Hạnh, em nhớ chứ. Mà sao lâu rồi ... Linh có khỏe không anh?

- Hôm nay Linh lại nhờ anh trao lá thư này cho em. Thôi, chúc em vui nhiều nhé, anh phải đi rồi.

Loan bàng hoàng mở phong bì:

“Loan em,

Đã mấy tháng rồi anh không còn nghe được tiếng nói của em, không biết giờ này em đang làm gì và có còn nhớ đến anh không? Xưa mình gặp nhau một lần rồi xa nhau mãi mãi, không ngờ cuộc tình lại mong manh đến thế! Đã bao lần anh nhớ về em và biết bao nhiêu lần anh viết thư cho em rồi lại xé đi. Hôm nay anh viết cho em lá thư này có lẽ là lá thư cuối cùng, và ngày mai, khi em đọc những dòng chữ này thì anh đã xa rồi. Em biết không, hơn hai năm nay không một ngày nào anh không nghĩ về em. Những buổi chiều trên đường trở về, nhìn giòng người chạy như con trốn anh lại nhớ về em, hình ảnh người em bé nhỏ vẫn ray rức trong suy tư.....

.....

.....

Nhưng em ơi, em còn trẻ quá, cả tuổi đời, tâm hồn và lối suy nghĩ

.....

.....

.....

“

Loan ngưng đọc những dòng chữ vô tình, nhắm nghiền đôi mắt, để cho tâm tư lắng đọng trong một tâm hồn rời rạc. Thì ra cái mà người đời gọi là tình yêu lại đến và đi như con diều no gió, rồi đứt giây giữa trời. Mới hôm qua em gặp anh, bây giờ anh là người tình phụ! Vậy mà em vẫn nghĩ tình yêu là cứu cánh, là tinh hoa cuộc đời, là điểm tựa để em trở về.

Hôm nay trời không mưa nhưng trong lòng Loan vừa gội sạch. Loan đóng cửa tiệm ra về sớm hơn mọi ngày. Đi ngang qua tàn cây me, Loan lại nói:

- Bác Năm, sáng mai chờ con đây nhe.

- Thôi con ời, bác biết con buồn, nhưng hãy quên đi con. Lại đây ngồi nghe bác kể chuyện đời xưa:

“Ngày xưa bác cũng có vợ hiền con ngoan, nhưng rồi cuộc giải phóng cũng giải phóng luôn tấm lòng chung thủy của vợ bác. Ngày bác ra tù, tìm lại mái ấm ngày xưa thì đã trở thành đồng tro tàn. Họ đã ra đi vui cùng duyên mới, cả đứa con của bác cũng không nhìn ra cha! Tình yêu của kẻ bạc tình, có nghĩa gì đâu con, chỉ là một buổi chiều gió thổi nhẹ qua bờ vai. Con nay cũng lớn rồi, thằng Khổng đó, coi long bong vậy mà là một đứa tốt. Tìm đâu chi cho xa con. Thôi về đi, trời đã tối rồi.”

Một ngày nọ Khổng cập chiếc xe xích lô bên tàn cây me cùng bác Năm, lôi chai rượu trong túi ra, nốc một hơi xong đưa cho bác Năm rồi miệng oang oang: “Khổng say, khổng say phải không bác Năm?” Loan trèo lên chiếc xe xích lô của Khổng, và bảo: “Chở em đến bệnh viện Từ Dũ, mau lên.”

ĐSB. 21 tháng 9, 2006.

Đồng Sa Băng

Chuyến Xe Ra

Tết đã qua hơn hai tuần rồi, bến xe Miền Đông không còn rộn rã nữa. Vậy mà người vẫn đông!

Tôi đi với anh lên bến xe đi về Quảng Ngãi. Anh nói phải tranh thủ đi sớm để khỏi kẹt xe và đỡ mệt, nên, năm giờ sáng tôi đã thức dậy, lấy xe ôm chạy từ Gò Vấp về Tân Thuận gặp anh, rồi đi chung. Tôi nghĩ năm giờ sáng chắc ngoài đường vắng như ma. Nhưng không, Sài Gòn năm giờ sáng những người lao động chân tay như hốt rác, quét đường, và những người giao hàng đã chạy đầy đường. Nhưng dù sao cái không khí ban mai vẫn còn được chút trong lành. Và có

một điều tôi lấy làm thắc mắc, là, còn sớm như vậy mà thỉnh thoảng tại một vài ngã tư đường tôi lại thấy một số những người trẻ, trẻ lắm, cỡ chừng 16, 17 tuổi, đã tụ tập bên những ly cà phê rồi! Và dường như họ đã đến đó từ lâu. Đôi khi tôi cũng bắt gặp một vài người phụ nữ với quang gánh nặng trĩu trên vai đi giữa thành phố vắng tanh!

Tôi và anh đến bến xe Miền Đông còn sớm lắm, sáu giờ rưỡi sáng. Sớm, là vì có một vài quầy bán vé vẫn chưa mở cửa. Hay có lẽ qua Tết rồi ai đi đâu mà vội vàng! Anh nói muốn đi xe “chất lượng cao” cho khỏe. Nhưng muốn đi xe chất lượng cao phải đợi đến hai giờ chiều xe mới khởi hành. Tôi nói đợi đến hai giờ chiều thì phí thời giờ nhiều quá, gần tám tiếng đồng hồ đợi, bằng chi lấy xe nào đó đi đại có lẽ cũng đến Quảng Ngãi sớm hơn hoặc bằng giờ. Anh chịu ý nên đến hãng xe đò Phi Long mua vé đi liền. Anh nói để cho thoải mái anh mua ba ghế liên tục cho hai người, và trả luôn tiền ba ga cho chiếc xe Honda bằng tiền vé một người. Xong, anh dẫn tôi ra xe. Quầy bán vé nói đi liền nhưng lên xe rồi cũng phải chờ vài giờ xe mới rời bến.

Trước giờ xe khởi hành lơ xe bắt đầu xét vé. Anh đưa ba vé cho lơ xem và nói:

- “Chúng tôi mua ba vé cho ba ghế liên tục.”

Nhưng lơ xe nhét hai chúng tôi vào dãy chỉ có hai ghế liên tục. Anh nói:

- “Như vậy tao mua ba ghế liên tục chi đây.”

Anh bỏ chỗ ngồi hai ghế qua bên dãy ba ghế ngồi, và tôi cũng đi theo. Lơ xe đòi anh trả tiền ba ga xe và ra giá gấp đôi giá của phòng vé. Anh nói:

- “Phòng vé nói 150.000 đồng mà sao mày đòi 300.000 đồng là sao. Tao đã mua ba vé cho hai người trong xe trống rỗng là quá lắm rồi.”

- “Ông không trả thì xuống xe đi.”

- “Mày nói thiệt hông? trả tiền lại đây tao xuống ngay bây giờ. Tụi bây lật lọng vừa thôi, bộ không còn xe nào đi ra sao!”

Anh dùng dùng đòi trả tiền lại và lấy lại xe Honda để đi xe khác. Thấy ăn không được, tài xế và lơ làm thỉnh nhận 150.000 đồng tiền ba ga. Tôi nói anh:

- “Bây giờ anh vào phòng bán vé chưa chán họ trả lại tiền cho anh đâu, thôi mình đã lỡ rồi, ráng chịu một trận đi.”

Xe rời bến nhưng trong xe thì trống trơn! Số hành khách chưa được nửa xe. Vậy là anh và tôi đã hổ khi mua ba vé cho hai người để ngồi cho thoải mái. Thì ra sau Tết có ai về quê nữa đâu mà xe đông! Từ đó xe chạy cà rịch cà tang và mỗi lần thấy có người đứng bên lề đường với vài cái vali hay mất lúc liên có vẻ đón xe thì lơ xe thò đầu ra đường la hét:

- “Đi Quảng Ngãi, đi Quảng Ngãi, đi Đà Nẵng không? Xe đi Đà Nẵng đây.”

Vậy mà cũng không mấy người chịu lên xe đò Phi Long.

Ngày xưa khách ra vô miền Trung thường bị đưa vào cảnh “quán cơm rào.” Bây giờ quán cơm không còn rào nữa, nhưng mỗi lần tài xế ngừng lại cho khách ăn cơm thì chỉ có một quán bên đường duy nhất, và thức ăn thì thường không nói lên cái tên gọi món ăn. Tôi thèm phở lắm, nên thấy trong quán ăn có món phở, bèn gọi “phở tái”. Nhưng khi mang ra thì chỉ là tô nước sôi với mì ăn liền và một miếng thịt heo cắt lết chiên gọi là “tái”. Không ngò gai, không giá sống (đừng nói chi giá trứng), không rau quế. Nghĩa là “phở” mà không có “đồ phụ tùng” bên cạnh nên nó lạc lõng như “nước đáí thợ xe!” Nhưng đói cũng phải ăn.

Gần đến Phan Thiết xe đang chạy tự dừng ngừng lại một căn nhà bên mặt đường, rồi tài xế bỏ xe, bỏ hành khách trong xe đi vào căn nhà nọ đến hơn nửa tiếng mới trở lại tiếp tục đi. Tôi thấy làm tài xế ở xứ mình, ít nhất là tài xế hãng Phi Long, thật sượng. Ai nói “khách hàng là thượng đế” đâu, giữa buổi chiều nóng nực, tài xế bỏ mặt “khách” đi vào nhà “vợ nhỏ” bên đường giải lao cho khỏe, hay ai biết làm gì trong đó?, vậy mới biết ai là “thượng đế” ở xứ này.

Rồi xe cũng phải chạy. Trong cái nóng nực ít ra tài xế cũng mở nhạc cho khách ngồi nghe. Và giữa đường xe ngừng lại bốc một người hành khách nữ cỡ chừng 40 mươi. Người hành khách đi thẳng vào

cuối xe ngồi. Chiếc xe vẫn chạy im lìm và những người trong xe đang thả hồn theo những khúc nhạc du dương, cho đến khi lơ xe đến lấy tiền người hành khách mới. Tự dưng tiếng la ó nổi lên phía sau xe, và người hành khách mới lên liền đứng dậy chạy về phía trước xe:

“Tổ cha mi, mi ngừng xe cho tao xuống đi.”

Giọng nói của người Quảng Trị. Người khách nhìn thẳng vào lơ xe và nói xằng xằng.

“Sao lúc nãy trước khi lên xe mi nói chỉ có 80 nghìn mà sao bây giờ đòi 120 là sao? Mi thả tao xuống đi, chỗ nào cũng được, cái đồ ăn nói ngang ngược.”

“Ai cũng trả như nhau thôi.” Người tài xế xe nói.

“Tao không cần biết, chỉ biết mi chịu 80 nghìn tao mới lên xe, giờ đòi 120 lấy tiền đâu tao trả. Bây giờ mi thả tao xuống đi. Đồ chết dịch, tụi bây tưởng bắt nạt dân lành sao cũng được sao? Làm ăn cần chút lương thiện để đức cho con mi với chứ.”

“Thôi bà ơi, bà xuống kia ngồi đi, 80 chục thì 80 chục.” Người tài xế nói.

Người phụ nữ bực mình, đi một mạch xuống phía sau xe. Tiếng nhạc trong xe cũng im phẫn phắc. Và những người hành khách trong xe chỉ biết thờ dài. Từ đó tôi cố nhắm mắt như người đang ngủ mãi cho

đến khi xe đến Quảng Ngãi.

Đến ngã ba Quán Lát anh bảo xe ngừng lại. Tôi bước về phía trước xe để đi xuống. Tay vịn thanh sắt tôi nhìn thấy bức tượng Phật Bà được đặt trước phòng lái. Hình Phật Bà rất trang nghiêm và hiền lành, bên cạnh là những hoa quả và cây nhang đang cháy tỏa mùi hương thơm ngát. Tôi bước chân xuống xe mà lòng tự nhủ “Không biết họ có niềm tin gì ở tượng Phật Bà trước mặt chẳng. Hay là, chỉ một bình phong để lòa mắt người đi đường!”

Đồng Sa Bằng. 20/11/08.

Đồng Sa Bằng

Con Đế Mùa Lụt

Tháng Mười trời Quảng Ngãi bắt đầu đổ mưa. Những cơn mưa nhiệt đới kéo dài lê thê từ ngày này qua ngày nọ. Hạt mưa to, đậm, gió thổi tạt vào chân nghe đến rát da, và trên chiếc nón lá tiếng mưa rít từng hồi nghe kêu lộp độp. Có những buổi chiều, nhìn trên cánh đồng thấy bóng người cuộn tròn trong chiếc áo tơi như những con kên kên, và hơi gió bắt đầu mang theo cái lạnh, vậy là mùa mưa đang đến.

Mưa miền Trung rất dai và kéo dài qua nhiều ngày. Mưa đổ trên những triền núi, trên những con suối và chảy vào sông, ruộng đồng. Mà núi miền Trung thì trùng trùng điệp điệp, còn ruộng đồng và sông thì nhỏ hẹp. Cho nên vào mùa mưa miền Trung thường bị ngập lụt. Nhiều làng mạc nằm giữa sông và cánh đồng, mà trời thì thường bầy cơn lụt mỗi năm, nên dường như năm nào người dân cũng điêu đứng vì cơn mưa. Và năm đó, năm 1964, mùa mưa đã đưa làng mạc ở Quảng Ngãi nằm trong biển nước.

Vào đầu tháng Mười Một năm 1964, những cơn mưa dường như không ngớt. Ngày lại ngày, mưa gió bão bùng, nước trên ngưỡng tuông đổ vào sông Vệ, và những cánh đồng hai bên bờ sông ngập đầy nước từ những con suối đổ vào. Làm mực nước dâng cao và tràn vào làng mạc. Thế là nước sông và nước đồng hoà lẫn nhau gây nên lụt lội.

Sông Vệ hằng ngày nhỏ hẹp nhưng năm đó nước lụt tràn ngập hai bên bờ cát làm cho con sông trông rộng mênh mông. Bầu trời u ám, gió mạnh, và mưa to làm cho nước trên sông dâng cao, chảy ào ạt mang theo đủ thứ như gà, vịt, heo, chó, mèo, v.v. và nhiều nhất là

những cành cây khô trên rừng. Những cành cây nhỏ có, to có, cong queo trôi theo giòng nước cùng với rác rến, và xác cầm thú trên sông. Nhìn trên giòng sông người ta thấy bao nhiêu cửa cải và ngay cả dấu vết những tấm vách, và mái nhà của người dân trên thượng nguồn trôi dạt trong con nước đục ngầu. Và trong tiếng mưa người ta nghe cả tiếng heo kêu en éc cuống đi trong giòng nước. Rồi những người dân sống hai bên bờ sông lại thập thò bên con nước lũ, cố vớt những cành cây khô, những con gà, vịt trôi theo giòng nước mang về.

Người ta thấy buồn và khổ cho những căn nhà nằm ven sông và cạnh cánh đồng. Cứ vào mùa lũ lụt lại có những căn nhà bị con nước cuốn đi. Và năm nay căn nhà bà A nằm cheo leo bên bờ rào vi, nơi đầu làng bên cánh đồng, đã trôi bèo bồng theo con nước! Bà A là bà hóa, chồng bà, ai biết đã đi đâu? Bà chỉ có mỗi một người con trai duy nhất, tên Thà. Vậy mà anh Thà đã vào quân đội để lại bà A một mình ở nhà. Những năm sau này có lẽ buồn nhớ con và cảnh đời trơ trụi đã làm bà A trở nên quẩn trí. Bà thường đi ra đi vô và nói một mình như bà điên. Nhưng qua mùa mưa này, rồi bà A sẽ ở đâu?

Mưa và lũ lụt cũng đồng nghĩa với nỗi buồn muốn chết của những người lớn, nhưng đối với con nít thì khác. Nước ngập càng cao, con nít càng thích thú!

Mưa gió vừa tạnh thì hai đứa bé, một trai, một gái nháy mắt nhau làm hiệu lòn ra ngõ sau nhà để đi ra bãi cát sau làng. Trên tay hai đứa bé cầm hai cái đũa, và lúp xúp bước đi trong con nước.

- Anh chắc có nhiều dế hông? Đứa em gái - Dưa, hỏi anh nó.

- Chắc mà. Năm ngoái anh theo cha ra bãi bắt nhiều dế lắm.

- Em bắt nó cắn em hong?

- Một chút thôi.

- Ý, em sợ lắm! Thôi anh đi một mình đi.

Dưa dùng dềng đứng lại bên đường.

- Như con kiến cắn thôi, nhưng mà vui lắm. Em có đi không?

- Anh nhớ đó nghen, nó mà cắn đau là em về méc mẹ đó.

Miền Trung đất khô ráo. Dọc theo hai bên bờ sông thường có đất phù sa bồi đắp nên trong đất có pha nhiều cát. Và đất cát rất tốt cho

công việc trồng dâu tằm. Cũng vì vậy mà khúc bãi cát nằm sau thôn Đồng Xuân, (xã Nghĩa Thành, quận Nghĩa Hành) người ta trồng hàng hàng lớp lớp những đám dâu tằm. Đặc biệt len lỏi trong những luống dâu tằm có rất nhiều dế còm đào hang sống trong đất cát. Dế còm lớn hơn dế quạ (loại dế mà ở thành thị những đứa bé thường mua về nuôi để đá) một chút và có màu nâu nâu. Ở quê miền Trung người ta thường bắt nhiều dế còm về rút ruột, ngắt cánh, ngắt đầu, rửa sạch. Rồi bắt chảo dầu lên. Dế rửa sạch ướp chút hành, tiêu, tỏi, ớt, đem bỏ vào chảo dầu thật nóng. Tiếng xèo xèo của dế trong chảo làm người đứng bên cạnh thêm, phải chảy nước miếng. Lấy chiếc đũa trộn lên vài ba lần và đảo cái chảo cho đều, khi thấy những con dế đổi thành màu đen đen vàng vàng, là chín. Mang dế ra và rót một ly rượu dế thật đầy thì bao nhiêu cảm giác lạnh lẽo của mùa Đông cũng thành mây khói. Thế người ta mới nói dân mình thấy con gì cục cựa là bắt ăn hết! Nhưng hãy thử đi, khi nào có dịp về miền Trung vào mùa mưa, theo những người nông dân hay những đứa trẻ trong làng đi bắt dế còm về chiên ăn một lần rồi sẽ thấy nó ngon hết biết!

Những ngày khô ráo những đứa trẻ thường đào bên cạnh gốc dâu tằm bắt dế xỏ thành xâu mang về. Nhưng vào những ngày lụt lội, nước ngập đến gần nửa thân cây dâu tằm làm cho những hang dế ngập nước. Vì bị ngột nên dế phải rời hang bò đeo lên thân cây dâu tằm. Và những đứa trẻ chỉ cần ra bãi dâu trong ngày nước lụt thì tha hồ bắt dế!



Dưa xách cái đụt lội đỏi đi theo anh. Qua khỏi nhà một lối hai anh em rẽ vào con đường duy nhất dẫn ra bãi. Con đường chạy song song với bờ mương nước. Nhưng hôm nay chỗ nào cũng là mương nước! Hai anh em nó bước lủm bủm giữa hai hàng tre phủ rợp để ra bãi cát. Đi trên con đường làng không quá một cây số là hai anh em đến bờ rào vi. Bắt đầu từ đây con đường trở nên trũng xuống cho nên nước trên đường sâu dần. Và chỗ sâu nhất nước ngập trên rún của đừa em.

- Nước sâu quá, làm sao em đi?

- Em nắm tay anh dắt đi.

- Mà nước cũng gần tới ngực anh rồi. Em sợ.

- Sao nhác quá vậy, anh nói không sao đâu mà, đưa tay đây.

- Anh la em hoài.

- Không thì đeo lên cổ anh công qua.
- Anh lại đây đi.
- Nề. Ôm cổ cho cứng đó.
- Được rồi, đưa cái đọt của anh em cầm cho.

Con nước lớn vẫn chảy xoi qua từng cành cây bên bờ rào. Và hai bóng người nhỏ bé với hai cái đọt đã qua khỏi khu nước sâu. Đến bãi dâu tằm nước ngập lai láng, hai anh em nó lội vào. Mặt mày hớn hở, hai bóng người tay chụp lên chụp xuống liên hồi trên những cành dâu tằm, bắt những con dế còm bở vào đọt. Lần đầu tiên Dừa theo anh đi bắt dế, đứa bé thấy ngồ ngộ, nó nhìn những con dế lạnh run người bám vào cành dâu. Những con dế đã lạnh và mệt mỏi nên cũng không buồn nhảy đi khi bàn tay đứa bé đưa ra nâng niu nó. Nó ngoan ngoãn đậu vào lòng bàn tay và ngỡ rằng nó đang được cứu vớt!

- Sao nó không cắn em anh ời!
- Sao em nhiều chuyện quá vậy. Không sợ nó cắn đau nữa sao?
- À, để em bắt nó bỏ vào đọt nha.

Trong chốc lát hai cái đọt đã chứa đầy dế. Hai anh em nó rời bãi dâu trở về nhà. Nó dẫn em lội qua những đám dâu trở ra con đường nhỏ vào làng. Khi đến khu đất trũng, nó nắm lấy tay đưa em dắt qua. Nhưng bây giờ con nước đã dâng lên cao hơn lúc trước, mực nước cao đến ngực của đưa em. Nó rùn chân lại và đứng phân vân tìm cách lội qua.

- Nước sâu quá, làm sao đây anh?

- Để anh coi.

Dưa nắm chặt cái đọt dế, đưa mắt nhìn anh.

Đưa anh mân theo bờ rào, và nói:

- Em nắm hai cái đọt và đeo lên lưng anh công qua như hồi sáng vậy đó.

Dưa không nói một lời, lặng lẽ đến ôm vào cổ anh nó. Rồi anh nó lần mò công em qua khỏi khu nước sâu. Bước chân thập thò trên từng tấc đất. Bất chợt bàn chân đưa anh sụp vào lỗ bún, nước ngập đến đầu! Nó lật đật ngoi ngóp lội ra vũng nước. Khi ra khỏi lỗ bún thì Dưa đã lọt khỏi cổ đưa anh và đứng nhảy chồm chồm trong giòng nước. Nó vội nắm lấy tay đưa em lôi ra khỏi con nước, và kéo lên

chỗ cạn.

- Em có sao không?

- Có sao đâu, em có sao đâu.

- Vậy mà làm anh sợ gần chết. Hứ, lì dử hén. Hai cái đụt đâu?

- Kia kia, trôi kia kia. Dưa chỉ tay về hai cái đụt đang trôi trong giòng nước.

- Trời! Tiêu rồi. Mấy con dế chui ra bò lên bờ rào hết rồi.

- Kệ nó, em không muốn thấy chúng nó bị thiêu trong ngọn lửa đâu!

- Mùa lụt năm tới anh không dẫn em theo nữa.

Hai bóng người nho nhỏ nắm tay nhau đi về trên con đường ngập đầy nước. Một hồi, đưa anh quay lại nhìn, thì hai cái đụt đã trôi thật xa, và những con dế, đang nằm sưởi ấm trên cành cây.

Đồng Sa Băng. 16/10/07

Đồng Sa Băng

Dòng Sông Đồi Chiều

“Tới Đức Phổ rồi, mày hỏi có ai biết đường về Chợ Chùa gần đây không. Trời tối như mực mà xuống tuốt ngoài ga Quảng Ngãi thì ai ra đó mà đón.”

Lời nói nặng nề như trách móc của người đàn bà đeo khẩu trang che kín khuôn mặt, ngồi bên cạnh người con gái độ mười chín, hai mươi tuổi.

“Sao má hung quá vậy, để từ từ rồi tìm đường ... về.” Người con gái nói trong vẻ lo âu.

Nghe hai tiếng Chợ Chùa tôi chợt nhớ và muốn hỏi người con gái có biết ông thầy thuốc bắc tên Trọ ở đó không, nhưng rồi tôi lại làm thinh. Anh Khanh, người quê tôi, làm nghề thầy thuốc bắc ở Chợ Chùa sau này qua đời đã truyền nghề lại cho đứa con tên Trọ. Lâu lắm rồi, từ ngày quê hương bị đốt cháy, tôi cũng chưa có lần gặp lại thằng Trọ.

Hai giờ rưỡi khuya chiếc xe đồ vừa qua khỏi quận lỵ Mộ Đức. Anh Chín bảo lơ xe cho dừng xe trước chợ Thy Phổ. Một hồi sau chiếc xe chạy chậm chậm rồi ngừng lại bên lề đường. Trước khi bước xuống xe, anh Chín quay đầu lại nhắc người con gái:

“Cháu coi chừng khi xe qua khỏi cầu Sông Vệ khoảng vài trăm met nhớ bảo xe ngừng lại, tại đó có ngã ba đi về Chợ Chùa.”

Người con gái khẽ dạ rồi đưa mắt nhìn ngoài trời tối thui với gương mặt mang nhiều nét lo lắng.

Tôi bước theo sau anh Chín xuống xe. Người tài xế và lơ xe hì hạch lôi chiếc xe Honda ra khỏi khoang hành lý dưới gầm xe, dựng bên lề đường. Rồi chiếc xe đồ Phi Long trên tuyến Sài Gòn Đà Nẵng vụt chạy về hướng thị xã Quảng Ngãi, trong nháy mắt tiếng động cơ đã chìm trong bóng tối, và ngoài đường chỉ còn hai bóng người trở về tìm lại quê hương.

Tôi nói anh Chín trời còn khuya quá, anh em tìm nhà trọ nghỉ qua đêm rồi sáng mai hãy đi.

Chiếc xe Honda đã bị mấy người lơ xe rút hết xăng trước khi bỏ vào khoang hành lý. Anh Chín dắt chiếc xe dọc trên quốc lộ 1 đi tìm cây xăng. Trời vẫn còn tối như mực, hai bên đường dọc theo thị trấn Thy Phổ phổ xá còn chìm trong giấc ngủ. Bên cạnh lề đường một cây xăng vẫn còn mở cửa, bóng đèn mập mờ và người bán xăng đang nằm ngủ gục trên chiếc ghế. Anh Chín đập mạnh vào cửa kính và nói to:

“Đổ xăng, đổ xăng, đổ xăng em ơi.”

“Xăng đổ đâu, đổ đâu, đâu đâu ...” Người đổ xăng hốt hoảng la lên như trong cơn mê.

“Không, qua nói đổ xăng cho xe qua đây nè, chứ đâu phải xăng em đổ đâu!”

Anh Chín vừa nói vừa cười.

“Làm hết hồn.” Người bán xăng dụi mắt và mở cửa bước ra.

Tôi bật cười trong mệt mỏi và cơn buồn ngủ cũng bay đi.

Chiếc xe Honda được đổ đầy xăng, tôi hỏi người bán xăng chỉ dùm khách sạn nào gần đây để ngủ qua đêm. Rồi tôi ngồi phía sau và anh Chín chạy về hướng ngón tay chỉ dẫn của người bán xăng. Nơi đó là nhà nghỉ Như Ý, nằm bên trong quốc lộ 1 khoảng chừng 100 met. Sáu giờ sáng tôi đánh thức anh Chín. Nhìn qua khe cửa ánh nắng đã rọi về trên ngọn tre. Tôi mặt đỏ, đánh răng, rửa mặt rồi bước ra sân nhìn ánh nắng ban mai đang chui qua những rặng tre và chiếu trên hàng cau bên sân nhà ai. Một buổi sáng trong lành ở miền quê, một đàn gà quanh quẩn trong cái vó, hai chân bươi liên hồi, miệng kêu lục tục mổ những hòn sỏi trên mặt đất, nhả ra rồi lại mổ lên. Cảnh bình minh ở miền quê thật là bình yên!

Tôi vươn vai hít một hơi thở mạnh rồi bước vào phòng tiếp khách của nhà nghỉ Như Ý. Vợ chồng người chủ khách sạn cỡ chừng bốn mươi, dáng người rắn chắc, mời tôi ly nước trà và ngồi trò chuyện trong phòng khách. Người chủ khách sạn trao đổi vài câu chuyện về cuộc sống của người dân ở thị trấn Thy Phở. Khi điều thuốc đã tàn hơn nửa thì anh Chín bước ra và tôi bắt tay chào vợ chồng người chủ khách sạn.

Anh Chín nổ xe, chào ông bà chủ Như Ý rồi chiếc xe lẳng bánh. Từ đây tôi theo anh Chín về quê Hành Thịnh.

Đang ở gần chợ Thy Phở nên anh Chín muốn ghé vào chợ mua chút ít cá ngừ về quê biếu bà con và cũng cần mua ít nhan đèn để thắp mộ Cha. Anh Chín nói mỗi lần về quê ghé ngan chợ Thy Phở thường mua cá ngừ đem bỏ nhà cô Năm Ba Ba nhờ cô nấu để ăn với bún. Anh nói chỉ có cô Năm Ba Ba là người nấu cá ngừ ngon nhất thôi! Chợ Thy Phở, cái chợ mà ngày xưa còn bé tôi chỉ nghe nói đến chứ chưa bao giờ được bước chân tới. Ngày đó tôi chỉ biết đi chợ Thy

Phổ là sang lắm, là lớn lắm, vì chợ Thy Phổ có nhiều cá ngon, nhưng xa nhà. Hôm nay là ngày đầu tiên tôi được đi chợ Thy Phổ! Vậy mà tôi thấy vui trong bụng. Nhưng con đường đất sét vào chợ Thy Phổ mang đầy vết sẹo, không biết ba mươi năm trước chị tôi có thấy những vết loang trên mặt đường như hôm nay không?

Qua khỏi chợ Thy Phổ một chút anh Chín quẹo vào ngã ba để về Núi Đồi.

Mỗi lần nghe hai chữ Núi Đồi là lòng tôi lại rộn lên. Cái ký ức ngày xưa nó lại hiện về. Ngày đó tôi còn bé lắm, và mỗi lần tôi được Cha cho theo về Núi Đồi ăn giỗ nhà Nội là tôi vui không thể tả! Tôi ríu rít, lẩn quẩn như con sâu đo ngay cả trước giờ lên đường (và suốt cả con đường đi về nhà Nội.) Ngày đó tôi như con chim non hơn hờ chạy tung tăng theo Cha mỗi lần về Núi Đồi. Cha tôi dẫn tôi ra đường cái quan, từ đó đi xuống miết và băng qua cánh đồng An Ba, bước qua một cây cầu là đến Núi Đồi. Từ nhà tôi đến Núi Đồi chỉ chừng ba bốn cây số mà ngày ấy tôi thấy xa quá! Nên mỗi lần được đi Núi Đồi là tôi thấy như được đi đến một phương trời xa lạ, với biết bao điều ngỡ ngàng. Tôi như chú bé Pinocchio, hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác trên mỗi bước chân qua bờ đê. Tôi dương mắt to và sờ mò những vật bên đường như muốn ôm trọn vào trong túi. Mà chú dế Germany Cricket lại là Cha tôi. Tôi được đi qua con đường rầy xe lửa, nếu lúc hên thì tôi được nhìn những toa xe lửa nối đuôi nhau chạy như một con rắn khổng lồ. Và tôi thích nhất là lượm những hòn đá xanh trên đường rầy xe lửa mang về để bi. Qua khỏi đường rầy xe lửa tôi đứng đặng đi theo sau Cha lội qua gò mả trên một ngọn đồi, ngọn đồi đó chính là Núi Đồi. Bên cạnh những nấm mồ là một nhà ga làm bằng gạch đơn sơ. Rác và giấy vụn nằm lay lắt xung

quanh những bức tường dường như đổ nát. Mà sau này mỗi lần nghe nhắc đến những nắm mồ bên cạnh sân ga là lòng tôi chùn lại với ký ức ngày xưa!

Những ngày tôi được về Núi Đồi với Cha, với những kỷ niệm thật êm đềm của tuổi thơ trên bờ đê mà Cha đã mang lại cho tôi. Nhưng hôm nay tôi trở về Núi Đồi thì Cha tôi đã mất! Và chỉ còn lại nắm mồ nằm hiu quạnh bên cạnh Núi Đồi!

Đã bao nhiêu năm rồi, hôm nay tôi được ngồi bên Cha. Gò mả ở Núi Đồi và đường rầy xe lửa ngày xưa bây giờ đã lu mờ trong tôi, tôi không còn đi lượm đá xanh để khế bi, không còn được ôm chân Cha sợ hãi nhìn đoàn tàu chạy qua trước mặt. Tôi chỉ ngồi đây với một trời thương nhớ, Cha tôi. Thời gian đã trôi qua rồi, đứa bé năm tuổi trong tôi bây giờ đang gục đầu hoài niệm hình ảnh người Cha thân yêu qua hương khói một buổi chiều. Và lúc nào cũng tự hào ở nơi Cha, con đã lớn khôn.

Đồng Sa Bằng. 12/4/2008.

Đồng Sa Băng

Mía

Trên chuyến xe về Trung, đi qua mỗi miền quê hương đất nước đều có những đặc sản của quê hương.

Phan Rang với những cánh đồng lúa chín làm lòng người lữ khách nhớ lại quê hương trong những ngày mùa vàng rực. Nhớ đến những con chuột đồng mập ú, những con cá tràu, cá rô lóc mình lươn chạy trong cơn nước “hết mùa”. Và nhớ nhất là những buổi sáng chiều, cánh đồng với những bóng người dập dìu lo thu hoạch mùa lúa.

Phan Thiết với những rừng Thanh Long chạy dài bên mặt quốc lộ. Những trái Thanh Long đỏ thắm nằm chần chịt bên những chiếc lá xanh như đang khiêu khích sự thèm khát của người đi đường. Rồi cũng trên con đường về Trung, đi xa hơn một chút là những vườn nho Phan Thiết. Nho có vẻ to trái, trông đẹp mắt nhưng hình như không ngọt lắm. Có lẽ vì đất nơi đây không hợp cho nho.

Qua khỏi Nha Trang lữ khách chỉ còn thấy những dãy núi đá trải dài theo quốc lộ, có những công trình đập đá vẫn còn đó đây trên triền núi!

Người về miền Trung nếu rời Sài Gòn trên chuyến xe đò vào buổi sáng tinh sương, khi qua khỏi Nha Trang sắp vào đèo Cù Mông, thì

mặt trời cũng sắp xuống núi. Với những đoạn đường đèo khúc khủyu, cong queo và núi rừng trùng trùng điệp điệp, lòng người lữ khách chắc cũng thiếp đi trong giấc ngủ!

Rồi trong chuyến vô Nam nào đó, tình cờ người lữ khách chắc cũng nhìn thấy những ruộng mía bao la bát ngát ở Phú Yên.

Mía. Chỉ một tiếng mía cũng đủ làm cho người ta muốn chun vào đám mía ngồi xước một lèo cho đã đời! Và cũng chỉ chữ mía đã mang theo biết bao nhiêu thứ trong cái tên gọi rồi. Từ ngày ngọn mía được cắm xuống, đến hôm những đợt mía cao ngêu ngêu kêu xào xạc trước gió, rồi đến lúc mía sắp trở cờ mang theo mùa làm đường, mùa đánh chim mía, những cục đường mía ngọt lịm bên những trái chanh xanh dòn, những buổi chiều hù chim cút trong mía! Đó là chưa kể đến những thú vui trong mùa làm mía như uống nước chè hai, đường chén, kẹo kéo, khoai lang nhúng đường, ...

Mía cũng có rất nhiều loại, nhiều giống, to nhỏ cứng mềm khác nhau. Loại mía được trồng nhiều nhất ở miền Phú Yên, Quảng Ngãi vào thập niên 60, 70 là mía ta. Mía ta nhỏ cỡ bằng cán dao, tương đối mềm, màu tím tím, vào lúc thu hoạch, sau khi dứt ngọn và lá, mía cao chừng một thước rưỡi, hai thước.

Nhưng mía không như những loại cây khác được trồng bằng củ hay hột. Và dưới đây là cách trồng mía thủ công (theo ký ức người viết) ở một vài nơi trong quận Nghĩa Hành, Quảng Ngãi trong những thập niên 60, 70 và trước đó.

Những ngày làm mía thợ róc mía sau khi dứt ngọn mía xanh, róc lá mía khô cho sạch sẽ, dùng rựa dứt phần trên ngọn cỡ chừng hơn hai gan tay. Phần ngọn mía này sẽ được mang về nhà chắt thành dòng để làm mía ngọn (giống) cho mùa sau, hay bán cho những chủ ruộng

mía khác. Cứ như thế ngọn mía mùa này là giống mía mùa sau, và như thế đã bắt đầu từ ngàn năm xưa.

Vào cuối mùa đường mía (tháng 3 tháng 4 âm lịch), những gốc mía được cuốc lên để phơi nắng. Không thể dùng cày để cày gốc lên vì trâu bò không kéo nổi những gốc mía còn tươi. Khi gốc mía đã khô người ta đập ra và lấy gốc mía khô dùng để chụm lửa nấu nướng. Bây giờ người ta mới cày lên và bừa cho đất nhuyễn, trong khi đó ngọn mía cũng sẽ được bóc lột vỏ khô kỹ. Thường thì người ta hay lột ngọn vào chiều hôm trước để ngọn khỏi bị hư vì nắng nóng. Hôm sau mía bắt đầu được trồng xuống.



Công việc trồng mía quan trọng là phải có một người lái cày có kinh nghiệm. Người nông dân này cày giỏi để cân những đường cày đều nhau, cách nhau chừng nửa thước, và có độ sâu cần thiết để trồng mía. Đi sau người cày là một người rải ngọn mía, và kế đến là những người cắm ngọn mía xuống đất. Mía cắm xuống đất theo góc khoảng 30 độ (nói chung thì cây cối gì khi mới trồng, nếu trồng với góc nghiêng nghiêng cây cối sẽ mọc mạnh hơn trồng thẳng.), ngọn mía này cánh ngọn mía kia khoảng hơn hai gang tay, và chừa phần ngọn

ló ra chừng hơn gan tay. Thông thường mỗi ruộng mía phải trồng trong một ngày vì để ngọn lâu không tốt, mía sẽ yếu.

Khi mía non cao khoảng đầu gối người ta bắt đầu xới rãnh cao giữa hai luống mía, bỏ phân rồi khỏa rãnh bằng phẳng. Và muốn cho mía được nhiều đường, thường sau mỗi cơn mưa người ta hay xới đất khi mía chưa quá cao vì sợ đất mắc ván mía không phát triển mạnh. Chỉ xới khi mía chưa cao quá đầu người.

Sau khi mía đã được khoảng hai ba mắt thì thỉnh thoảng người ta hay giẫy bớt cỏ dại hoặc nhổ bớt bìm bìm để mía mau phát triển. Có những chủ ruộng không chăm sóc kỹ nên có cùng diện tích như nhau mà thu hoạch lại quá khác biệt vì thiếu sự chăm sóc khi mía còn trong thời kỳ đầu phát triển.

Khi mùa mưa bắt đầu là lúc ruộng mía không cần chăm sóc nhiều, và khi đó người ta bắt đầu chuẩn bị cho mùa làm mía sắp tới. Nghĩa là phải có muống rửa sạch, che rà sẵn sàng, vôi, những dụng cụ nấu đường, bã khô, và chà khô, v.v. cho những ngày mở cửa lò đường. Nhưng trồng một đám mía rất công phu nên chủ ruộng mía thường sau khi hạ mía làm đường sẽ giữ gốc mía cũ lại, cào lá mía khô và làm cỏ sạch sẽ để gốc mía nảy mầm thành cây mía mới. Loại mía này được gọi là mía gốc. Những đám mía trồng từ ngọn được gọi là mía tơ. Mía gốc thường chỉ nên giữ được một hai mùa, sau đó phải phá đi trồng lại mía tơ (như trên) mới có được nhiều đường.

Ngày nay ngành trồng mía (nhiều nơi) đã được kỹ nghệ hóa. Chủ ruộng mía có thể trồng mía bằng hom mía giống từ những ruộng nhân giống. Hom mía được chặt từ những cây mía giống đã trưởng thành. Hom mía dài chừng 5cm, có một mắt khỏe, lồi và không bị trầy

trạ, sau khi chặt sẽ được trồng trong một hộp nilon lớn cỡ bắp chân và chứa hỗn hợp gồm phân và đất trồng cây. Hom mía giống sẽ được nuôi trong môi trường thích hợp, được tưới bằng hơi nước để giữ độ ẩm. Khi hom mía giống mọc được bốn, năm lá mới (khoảng hai tháng sau) thì hom mía giống có thể đem trồng xuống ruộng mía. Và cách chăm bón khi mía lớn lên cũng như cách trồng mía thủ công ngày xưa.



Chiếc cày, con trâu và người nông dân trên những luống cày ngày càng biến mất. Nhưng, người của năm xưa, mỗi lần dừng chân bên bên xe đồ nghe tiếng rao “Mía ghimmmm ... đây”, chắc lòng sẽ nhớ về một miền quê ... xa xôi!

Mùa Ẽnh Ương

(Trích trong “Chuyện Tình Thời Chinh Chiến”)

Trời sắp vào cuối Thu, miền Trung thường có những cơn mưa tầm tã. Những cơn mưa nặng hột kéo dài lê thê, nhiều khi cả tuần mà mưa vẫn rơi. Mưa rơi khắp xóm làng với những cơn gió to như giông bão. Mưa triền miên làm những ao hồ trong vườn ngập đầy nước, và những con ẻnh ương lại xuất hiện.

Những buổi chiều mưa rơi, Búm ngồi trên hiên nhìn ra sân thấy cóc nhái nhảy lộp bộp, và tiếng ùm oang của ẻnh ương vang lên từ những bờ ao bên cạnh lùm tre làm lòng Búm buồn vời vợi. Cả một năm trời vắng bóng nhưng đến khi sắp vào mùa Đông, những cơn mưa đổ xuống suốt ngày đêm là loài ẻnh ương lại bắt đầu sinh nở. Thân hình trơn lu, màu vàng có những sọc đen chen kẻ chạy từ đầu đến đuôi, không biết từ đâu mà nó nổi lên đầy bờ ao. Để rồi những chiều mưa đổ, nó phình hông lên to tròn như quả bóng, và cứ ùm oang, ùm oang, nó kêu gọi như gọi tên ai, nghe náo nề!

Loài ẻnh ương có lẽ chỉ để gieo nỗi buồn cho nhân thế! Vì nó chỉ sinh ra và sống trong ao hồ trong những ngày tháng âm u, buồn bã của

mùa Đông; Có lần lúc nó chui vào chiếc nón sắt và gọi tên Dương những đêm giá lạnh buồn tênh.

Trời bây giờ sang Đông. Nhà ông bà Thi cũng như mọi người nông dân trong làng, chỉ biết ngồi trong nhà nhìn mưa rơi hết ngày này qua ngày nọ. Không gì làm nên Búm cùng người chị lấy nếp ra rang và giả cốm để gia đình sum họp, nhai ngoáp ngoáp cho vui miệng những chiều gió Đông. Có lẽ cốm nếp chỉ được làm vào dịp mùa Đông (những mùa khác bận rộn đâu còn nhàn rỗi để giả cốm!)

Những buổi sáng mùa Đông giá buốt Búm lại cùng mấy đứa em dậy thật sớm ra bờ tre tìm nhổ nấm tre. Những chiếc nấm mới lú lên từ gốc tre già, chóp nấm màu xám nhưng thân nấm lại trắng nên dễ phát hiện. Nấm tre thường mọc thành đám. Nhiều khi tìm được vài ổ nấm là Búm có cả một rổ nấm rồi!

Rồi Đông cũng qua đi, Xuân đến và Búm cũng lớn thêm một tuổi. Sự sống ở nông thôn lại bắt đầu chu kỳ mới. Những thửa ruộng được cày, cuốc lên, trâu bò mang ra kéo bừa cho đất nhuyễn ra. Khi những luống mạ xanh um, cao chừng vài gan tay là mùa cấy lại bắt đầu.

- Con có phải đi cấy không me? Búm hỏi.

- Sống ở miền quê không đi cấy lấy gì ăn con.

- Hồi nào giờ con có đi cấy đâu mà biết. Búm ái náy khi nghĩ đến

giẫm chân xuống những đám ruộng bùn lầy.

- Thì con phải ra ruộng học như mọi người khác vậy đó. Bà Thi nhìn con với đôi mắt ân cần.

Hôm sau Búm đội chiếc nón lá ra đồng cấy lúa. Từ chiều hôm trước ông Thi đã chặt bờ sạch sẽ, xong cày và bừa thửa ruộng thật nhuyễn. Sáng nay nhìn thửa ruộng bình yên không một gợn sóng như mặt hồ lặng gió. Rồi những người nông dân gánh những bó mạ rãi thành hàng trên đám ruộng. Búm cùng những người thợ cấy xăng quần lên khỏi đầu gối, để lộ làn da trắng như ngà, và lội xuống ruộng. Búm bước những bước chân lạch lạch trong bùn lầy đến lấy bó mạ, bất chợt nàng thấy những con vật đen, dài, đang bơi ngao nghể bên cạnh bước chân, Búm ré lên và lật đật trèo lên bờ.

- Cái gì vậy Búm. Tím hỏi.

- Con đĩa, con đĩa ghê quá.

- Trời ơi! đĩa thì bắt ném đi, làm gì mà em la như bị ai ăn trộm á tình vậy.

- Cái này còn hơn bị ăn trộm nữa, ghê quá! Chị lại đây đi.

Búm đứng trên bờ nhìn những con đĩa bơi lội trong nước mà rùn vai, lắc đầu. Nàng đứng thưng người lại, nhìn chăm chăm xuống ruộng như sợ những con đĩa bò lên bờ để bu vào chân nàng không bằng.

- Điều này làm sao em đi cấy được đây. Tím nhìn Búm với đôi mắt thương hại.

Búm vẫn đứng trơ người trên bờ ruộng. Một hồi nàng thò tay vào túi lấy chiếc khăn tay. Búm vừa thọt tay vào thì thấy vật gì trơn và lạnh trong túi, nàng liền rút tay ra. Bàn tay vừa ra khỏi túi áo Búm lại ré lên, một tay nắm lấy Tím, người ưỡn ra và tay kia chỉ lên bụng, miệng thì la ú ớ.

- Cái gì vậy, Tím hỏi, cái gì mà em la lên nữa vậy.

- Con đĩa, ...

- Đĩa ở dưới ruộng thì mắc mớ gì mà em sợ dữ vậy.

- Không. Nó trong ...trong túi ...trong túi áo em nè. Bắt nó ...dùm đi.

- Làm sao đĩa lại chun vào túi áo em.

- Không biết.

- Đưa đây chị bắt ra cho.

Tím thò tay vào túi áo Búm và lôi ra một lượt ba bốn con đĩa to bằng đầu chiếc đĩa con!

- Ác hơn, ai ác hơn quá vậy!? Búm xé tan túi áo vút xuống ruộng, giọng nói run lên và mặt cắt không được giọt máu!

- Sáng giờ em đi với ai ra đây? Tím hỏi.

- Băg. Em đi với Băg ra đám mạ.

- Em nhớ rồi, Băg chứ không ai hết. Nó nói túi áo em dơ quá để nó lau dùm cho em. Nó đâu mất rồi, em phải đi tìm Băg mới được.

- Nó đứng cười nhăn nhăn đằng kia kìa. Tím chỉ tay về chỗ Băg đứng.

Búm vội chạy đến chỗ Băg.

- Tại sao, tại sao em ác quá vậy?

- Ai biểu đi Đà Lạt về mà không mua quà cho tui, còn bảo Tím không giặt đồ của tui nữa.

- Quà của em chị mua rồi sao nói không, tại suốt ngày em lo đi bắt chim nên mấy đứa kia nó lấy ráng chịu chớ. Em quá trời nghe hong, chị về nhà méc cha cho biết.

- Không sợ.

Búm ngoe ngoãi đi một mạch về nhà. Vừa đi nàng ngoái đầu lại:

- À, mi đâu có sợ ai, nhớ đó nghe hong.

Chiều tối về, cả nhà ông Thi ngồi vào bàn ăn:

- Cha, Búng nó bắt đĩa bỏ trong túi áo con. Búng nhỏng nhẽo với ông Thi.

- Vậy hả, thì con bắt bỏ ra, ba con đĩa mà nhằm nhòì gì. Thằng nhỏ đó nó lộn ngược đĩa ra nó phơì nằng hoài có sao đâu.

- Nhưng con sợ đĩa.

- Ông ngồi đó mà nói, bà Thi nhìn ông Thi, thằng nhỏ bắt đĩa nhất con Búng sợ muốn đứng tim và nó bỏ cạy đi về nhà từ hồi sáng giờ đó.

- Vậy hả, thằng nhỏ đó đâu rồi, sao không thấy ra ăn cơm. Ông Thi hỏi.

- Nó nói nó không sợ cha đâu. Nó trốn rồi. Gương mặt Búng sáng ngời lên.

- Thôi chuyện đó bỏ qua đi, bà Thi nói. Me thấy con làm nông không xong rồi. Ngày mai con khởi đi cấy lúa nữa. Cha sắp nhỏ phải tìm cái gì cho con Búng nó làm đi.

- Me cho con đi học may đi me. Búm reo lên.
- À, được đó. Con lên tiệm con Linh học may đi.
- Linh nào me? Búm vui mừng.
- Linh con bà Hạt đó.

Thế là xong, từ nay Búm sẽ không còn nhìn thấy những con đĩa xấu xí kia nữa. Lòng nàng rộn lên một niềm vui, âm thầm bỏ đĩa xuống và rời bàn ăn, đi tìm Bả.

Đồng Sa Bả

Nhịp Cầu Đã Gãy

Mặt trời vừa ló dạng, người thiếu nữ ôm đứa bé ra đường đón xe. Chiếc xe đồ ù ù từ Cổ Đô chạy về phương Nam. Người thiếu nữ đưa chiếc nón lá ra làm dấu cho xe ngừng lại, chiếc xe đồ thẳng gấp. Lơ xe hỏi hỏi kéo người thiếu nữ tay bỗng đứa con bước lên xe rồi vỗ vào thành xe cái đùng, chiếc xe đồ lại nhả khói đen, tiếp tục lăn bánh.

Người thiếu nữ trẻ, đẹp, mặt u buồn bỗng con đi thẳng xuống cuối xe. Tiếng xe ầm ầm, mỗi lần chạy qua ổ gà xe lại xóc mạnh làm đứa bé quậy người, phát ra tiếng khóc. “Ừ ừ. Ừ ơ, ví dầu cầu ván đóng đinh...” Người thiếu nữ khẽ ru đứa bé trên tay; “Ngủ, ngủ đi con. Ngoan đi rồi mai này cha con “học xong” sẽ về với mẹ con mình.” Đứa bé đang bị bệnh, mệt, và thiếp dần trong vòng tay mẹ.

Lơ xe đến lấy tiền vé. Người thiếu nữ trẻ đẹp mò mãi trong túi, đếm mãi một hồi được năm chục ngàn đồng, nàng nói:

“Anh lấy ba chục, còn để lại cho em hai chục mua sữa cho con, nhé.”

“Cô nói sao! Từ đây vào thành phố mà trả có ba chục thôi à, cô xuống xe đi.”

“Anh lấy tạm đi rồi vào thành phố em trả thêm, chứ bi giờ hết tiền rồi.”

“Vào thành phố biết cô đâu mà đòi, cô đợi đây đi, tui sẽ trở lại. Bực chết đi.”

Người thiếu nữ mệt mỏi, ngã đầu tựa bên song cửa. Nàng vừa khép đôi mi thì bên tai văng vẳng nghe những lời chửi rủa, như người điên, của bà mẹ chồng chiều qua:

“Cô phải rời khỏi nơi đây ngay. Thời buổi này ai nuôi ai, cô phải tự đi

làm nuôi thân lấy chứ. Ăn cơm độn bo bo mà cũng không có để ăn kìa, cô không thấy sao. Cô nói sao, nhân nghĩa à, ồ, nhân với nghĩa cái con khỉ mốc, khi cha đi làm không đủ hột cơm trải trên bàn thì con nó cũng đói rách bao tử, lấy gì để kính nể chứ. Cái khăn lau mặt đen như cái đít nòi mà ở đó nói nhân nghĩa, hứ. Cô hỏi tui tại sao hả? Tui hông biết, cái xã hội bây giờ nó như vậy đó, cô ra đình làng kia mà hỏi.”

Đuối xong bà mẹ chồng nằm dài xuống đất, ôm đầu khóc hu hu như đứa con nít!

Chiếc xe đồ chạy mãi khi đến Cà Ná thì mặt trời lên cao gần nửa ngày. Xe ngừng lại cho khách vào nhà hàng ăn uống. Riêng người thiếu nữ, vẫn ôm con ngồi phía sau xe.

Nửa giờ sau mọi người trở lại, thấy người thiếu nữ buồn rầu ôm con mắt dầm dề lệ rơi. Khi hỏi ra thì biết đứa bé trong cơn bệnh đã chết trên tay người mẹ. Tài xế thấy vậy liền bảo người thiếu nữ bồng con xuống. Nói mãi người thiếu nữ vẫn không chịu xuống. Người tài xế nổi cơn nóng giận:

“Cô không xuống thì xe tui sẽ không chạy.”

Người thiếu nữ nước mắt lưng tròng trả lời:

“Tui trả tiền đàng hoàng sao lại đuối xuống, bắt tui xuống nơi đây làm sao tui lo cho con tui.”

“Trả tiền, cô trả bao nhiêu, đoạn đường dài như vậy mà trả chỉ có ba chục nghìn, tui trả lại tiền cô đây. Xe chở người chết xui lắm, tui không cho cô đi nữa.”

Xe đậu tại chỗ, hai bên dần co mãi, người thiếu nữ vẫn ôm cứng xác con trong tay. Những người hành khách nãy giờ làm thinh, bây giờ cũng lên tiếng, bảo:

“Cô xuống đi để tui còn lên đường chứ. Ngồi đây hoài trẻ nãi công chuyện làm sao. Xui thiệt.”

Dường như không ai có lòng thương hại người người mẹ đau khổ!

“Mấy người làm ơn cho tui vô thành phố đi, ở đây tui không có ai mà tiền cũng không có, tội cho con tui lắm, nó chết mà không có chỗ nằm. Tui van xin mà.”

Người tài xế nhất định không chịu và cuối cùng những người trong xe đồng lòng ép người thiếu nữ bồng con xuống xe.

Người thiếu nữ đành ôm xác con đi về triền đồi bên cạnh quốc lộ 1. Nơi có những tảng đá to, bằng phẳng, nằm trên độ cao nhìn ra biển Cà Ná. Người thiếu nữ đặt con nằm trên tảng đá, lấy lá cây và sỏi xây thành một nắm mồ tạm trên tảng đá lớn. Nàng nhìn con thương xót, rồi khóc, khóc thật nhiều. Khi chiều về, gió lạnh, người thiếu nữ xinh đẹp cởi chiếc áo gió phi công của chồng đắp lên mộ con. Nàng đi lượm những cành cây nhỏ đem về đốt bên mộ sưởi ấm cho con. Khi những ngọn lửa bùng cháy người thiếu nữ lại thấy hình bóng đưa con ngoan nô đùa trong làn khói. Và cảnh gia đình ấm cúng lại hiện ra: Người mẹ chồng hiền lành, ngày ngày lo cơm nước cho chồng con, và những buổi chiều, người cha trở về ngồi bên mâm cơm quay quần bên đàn con ngoan hiền. Nhưng khi ánh lửa tắt đi, những hình ảnh thương yêu lại biến mất. Nàng lại đem củi về đốt và hình ảnh chồng con lại xuất hiện. Lửa cháy càng to nàng càng say mê trong cảnh người người đùm bọc, che chở thương yêu nhau. Hình ảnh người chồng thương yêu đang giang tay ôm nàng và đưa con ngoan vào lòng, rồi nàng thiếp đi khi ánh lửa vẫn cháy.

Sáng hôm sau tỉnh dậy đồng tro tàn trên tảng đá đêm qua đã biến mất. Chiếc áo gió phi công nàng đắp cho con cũng bị gió thổi bay đi. Nàng sờ lên thân hình đứa con thân yêu muốn ôm vào lòng lần cuối. Nàng lay mạnh nhưng hình hài đứa con không nhúc nhích. Nàng cúi xuống nhìn kỹ thì ra thân xác đứa bé đã dính liền vào tảng đá! Sắc mặt nàng biến đổi liên hồi từ xanh ra đỏ trở lại xanh rồi lại đỏ. Nhìn mặt con như đang say trong giấc ngủ, người thiếu nữ đi gom góp những hòn đá nhỏ đắp lên tảng đá lớn làm thành mộ, miệng thì

thầm vái trời đất và nói:

“Có lẽ con đã chọn nơi này để an nghỉ.”

Rồi người thiếu nữ ra đi.

Ngày nay, mỗi lần đi ngang qua Cà Ná khách thập phương sẽ nhìn thấy ngôi đền thờ, mái ngói nằm bên tảng đá lớn nơi triền núi nhìn ra biển. Và hằng ngày những đứa trẻ mục đồng thường lân la nô đùa bên ngôi mộ.

Đồng Sa Băng. 30 tháng 12, 2008.

Đồng Sa Băng

Ong Rừng



Ổ Ong mật

" Đây, miếng phân bò khô đây nè anh." Đưa bé một tay đặt sau đít, tay kia chìa ra miếng phân bò khô mới vừa lượm trên gò mả.

-“Đưa đây. Bây giờ hai đứa đi bẻ một mớ cây đi.”

-“Bẻ cây chi vậy anh?

-“Nói bẻ thì đi bẻ đi, hỏi hoài. Mà nhớ bẻ cây tươi có nhiều lá, xong rồi cột thành ba bó nhỏ vừa nắm tay nghe hong.”

Hai đứa bé, tám chín tuổi, lội vào bìa rừng bên cạnh triền núi bẻ những nhánh cây. Bức năm ba sợi giây giang, rồi chia những nhánh cây vừa bẻ thành ba bó nhỏ vừa nắm tay, và lấy giây giang buộc lại. Hai đứa bé hớn hờ ôm ba bó cây trở lại hòn đá bằng riềng, nằm cạnh cây cau đang đứng rung rinh trong gió. Trên hòn đá, Thi, anh

của hai đứa bé, đang giang tay kéo lửa trên hai thanh tre khô. Khi hai đứa bé vừa trở lại thì cục bùi nhùi cũng vừa ngún cháy. Thi lấy lửa từ miếng bùi nhùi mỗi cục phân bò khô lúc nãy hai đứa em đi tìm mang về. Cậu ta dùng những nhánh cây tươi đan thành cái rổ tạm, thưa và vụng về như ổ chim cu đất, rồi đặt miếng phân bò khô lên đó. Lửa từ miếng bùi nhùi bắt đầu ngún cháy qua miếng phân bò khô. Thi cuối người xuống thổi phì phò vào miếng phân bò cho lửa cháy mạnh lên. Một hồi sau, miếng phân bò khô đã ngún đổ một góc, khói xanh bay lên cuộn tròn trong không khí, và biến dần vào bầu trời xanh lơ của tháng Tám.

Tháng Tám trời rất yên ả. Những thửa ruộng lúa đang chín vàng chờ ngày gặt hái. Bầu trời đó đây mang một màu xanh, những con chim én bay lượn bên ngọn lúa cong vòng dưới làn gió mát, nô đùa như muốn chúc mừng cho ngày mùa sắp đến. Trong những thửa ruộng, nước bắt đầu cạn dần và đang rút chảy ro re qua những lỗ chân của người thợ dậm để lại. Được lớn lên theo mùa lúa, những con cá rô bây giờ đã mập béo, đang lách nước chạy rền rục dưới những bông lúa nặng trĩu. Thi, cũng như bao nhiêu người thanh niên khác, lúc này nhàn rỗi nhất. Những buổi chiều về chàng thường ra cánh đồng thăm ruộng, tháo nước và đặt những chiếc loa, chiếc ràng để bắt cá tràu, cá rô. Ngoài ra Thi thường lên núi, lên rẫy hái cây rừng và đốt ổ ong.

Mấy tuần trước Thi đi vào hồ Cả và phát hiện một ổ ong dùi dẻ rất lớn, ổ ong có đến bảy tầng và to lớn như buồng chuối chín.

Hồ Cả nằm dưới chân núi Vàng, là một cái hồ bằng phẳng rộng chừng vài ba chục thước và dài chừng vài trăm thước. Trên đầu hồ Cả là suối nước quanh năm chảy róc rách qua những hòn đá bằng phẳng. Cũng vì vậy mà hồ Cả lúc nào cũng có nước lấp xấp, cỏ mọc cao, xanh, và tươi tốt. Nhưng vì ngập nước quanh năm nên cỏ ở hồ Cả thuộc về cỏ hôi. Mà cỏ hôi thì trâu bò không thích ăn mấy. Cho nên cỏ hồ Cả rất cao. Hai bên triền núi hồ Cả có nhiều cây cối xanh tươi, to lớn, trông có vẻ âm u, hoang vắng. Trên hồ Cả có nhiều đám tranh tốt và cao hơn đầu người. Vì hoang vắng, cây cao bóng mát, lại có nước chảy róc rách quanh năm bên những tảng đá bên bờ suối cho nên cộp beo thường về lảng vảng trên hồ Cả. Và hồ Cả có nhiều hoa rừng đủ loại nên cũng là nơi thu hút những bầy ong về hút mật, làm ổ.

Thi và hai đứa em mang trên tay miếng phân bò khô đang ngún lửa, tay cầm bó cây, vạch lá chen qua những bụi cây trên triền hồ Cả. Lên tới đầu hồ, ba anh em dừng chân bên gốc cây đùng đình. Cây đùng đình già, cao lớn mọc bên cạnh khe nước nên rất khỏe. Dưới gốc cây đùng đình rất âm u có nhiều bụi nhỏ, giây tơ hồng, và chần chịt những loại chùm gởi. Nên nhìn vào cây đùng đình như một chung cư phức tạp. Và trong cái chung cư đó lại có một ổ ong dùi dẻ to lớn. Thi thầm nói trong bụng:

- Ổ ong dùi dẻ to như vậy thế nào cũng có nhiều mật.

Thi rón rén quơ lấy cỏ khô nhét vào những bụi cây gần gốc cây đùng đình, rồi lấy miếng phân bò đang ngún lửa đem ra mời. Chàng chồng

mông thổi phèo phèo vào miếng phân bò khô.

- “Lửa bắt đầu cháy kìa anh.”

Hai đứa bé đứng bên cạnh nhìn trân trân vào gốc cây đùng đình và vui mừng la lên khi thấy những tia khói nâu xanh nổi lên từ bụi cây.

- Hai đứa coi gió thổi phía nào.

Mặt mày Thi đỏ bừng, những cụm khói chui vào mắt làm mắt cay nên đôi mắt hít lại, miệng chàng nói mà mắt thì như nhắm nghiền.

- “Phía này nè anh.”

Một đứa nhỏ vừa nói vừa chỉ tay theo chiều gió. Nhìn gương mặt hai đứa bé không thấy một chút gì sợ hãi cảnh rừng thiêng hoang vắng, mà chỉ có niềm vui hoang dã đang chạy khắp nơi trên hai khuôn mặt.

- Uả! Sao lạ vậy. Hồi nãy gió thổi chiều kia mà sao bây giờ thổi ngược lại rồi! Ông Trời thiệt là lòi thoi. Thi lẩm bẩm nói một mình.

Thi vừa dứt lời thì ngọn lửa cũng vừa bốc cháy. Nhưng gió không thổi vào gốc cây đùng đình mà lại thổi ngược ra ngoài. Và gió thổi ngọn lửa cháy lan ra triền núi. Khu rừng trên đầu hồ Cả xanh tươi và rậm rạp. Những chồi cây như chà là, mần khiêng, sim, móc cao cỡ đầu người nằm chi chít cùng với cỏ xanh trên triền núi đang bị lửa đốt cháy. Tiếng lửa kêu lách tách và tro bụi bay tứ tung trong khói.

Nếu cứ theo chiều gió này thì không bao lâu ngọn lửa sẽ liếm dần đến đám tranh bên hồ Cả! Thi hoảng hốt, liền kêu gọi hai đứa em lo chạy đi dập lửa. Ba bóng người trên tay cầm bó cây xanh xôn xao chạy qua chạy lại dập tắt ngọn lửa cháy lan. Khói, lửa và sự ồn ào của ba bóng người đã đánh thức bầy ong, ong bay ra và nhắm vào bóng người mà chích. Ong dùi dẻ lớn cỡ ngón tay út, kim dài!

- “Úi cha. Nó chích đau quá.” Hai đứa bé la lên.

- “Hai đứa chạy ra xa đi. Để đó cho anh.”

Thi đang bực tức. Nhưng Thi cũng không tài giỏi gì hơn hai đứa bé, cũng bị ong nó chích tơi bời. Càng bị chích Thi càng nổi xùng, chàng dùng lá cây đập túi bụi vào những ngọn lửa cháy lan. Ba anh em Thi đang dăng co với ngọn lửa vô duyên thì ông Trời, ông Trời lại đổi chiều gió! Bây giờ gió thổi về hướng gốc cây dùng đình! Vậy là ba anh em Thi gặp hên! Gió thổi đưa khói bay về hướng ổ ong dùi dẻ. Vừa sức nóng vừa khói cay thổi vào gốc cây dùng đình liên hồi, bầy ong không chịu nổi đã vỡ tổ. Bầy ong ào ạt tuông ra khỏi tổ như đám học trò ùa ra sân trường khi nghe tiếng chuông ra chơi vừa đổ. Chúng tìm đường tẩu thoát khỏi sức nóng. Nhưng một số đông đàn ong không chịu rời xa mà cứ lẫn quẩn bên ổ và tấn công ba anh em Thi tới tấp.

- “Hai đứa ngồi xuống, dùng bó cây lúc nãy cột lại đó mà quơ liên tục chung quanh người, trên đầu, trên cổ cho khỏi bị ong chích.” Thi bảo hai đứa em.

- “Nó chun trong tay áo em đây nè, làm sao đây? Úi cha, đau quá.”

- “Nó chích trúng mí mắt em rồi, nó chích trên cổ nữa, úi cha.”

- “Hai đứa chạy xuống hố nhảy vô nước đi.”

- “Còn anh?”

- “Chạy đi, đừng đó hỏi cái gì trời.” Thi la hai đứa em.

Hai đứa bé không chịu bỏ đi mà còn lao vào đốt lửa dùng bó cây đập liên hồi vào bầy ong. Những bụi cây chung quanh gốc đùng đình đã bị nám cháy và ổ ong dúi dể nằm lộ ra trước mắt ba anh em Thi. Khói bay nghi ngút làm bầy ong không chịu nổi nên đã rời khỏi ổ. Lập tức Thi vừa dùng lá cây quạt liên hồi trên đầu trên cổ và xông vào, đặt chiếc thúng dưới ổ ong và dùng cái liềm cắt đứt cuống ổ ong. Ổ ong rớt lọt vào cái rổ! Thi vội bưng ổ ong chạy ra khỏi gốc cây đùng đình. Như không ai bảo ai, ba anh em Thi lật đặt bưng ổ ong chạy xuống hố Cả.

Rất ngộ, Thi cứ tưởng bầy ong dúi dể đã bay xa, nhưng không. Khi anh em Thi mang ổ ong chạy xuống hố Cả thì những con ong cũng bay theo và quần trên đầu anh em Thi. Thi mang ổ ong chạy ra khỏi núi trở về làng thì bầy ong cũng bay theo sát chân, và lúc nào cũng tìm cách chích anh em Thi! Có lẽ những con ong thương nhớ bầy ong con còn nằm trong ổ, và muốn trả thù kẻ đã phá vỡ cuộc sống

bình an của nó nên nó đã bám theo anh em Thi cả một đoạn đường dài. Có điều chắc chắn là loài ong rừng thù rất dai.

Chiều hôm đó ba anh em Thi trở về nhà với ổ ong dùi dẻ chứa đầy mật. Khi khai ra, trong những buồng ổ ong có hàng hà những con nhộng lớn có nhỏ có. Có những con nhộng mới vừa thành hình, màu vàng nhạt đang cục cựa. Có cả những con nhộng đã mọc cánh, sắp thành ong. Và trong những khoang chứa có đầy mật ong.

Tối lại, cả nhà Thi quay quần bên nồi cháo ong thơm ngát. Những con nhộng căng tròn béo mỡ, còn dư vị ngọt của mật ong như vẫn còn đâu đây trong ống quần. Khi nồi cháo đã cạn thì đôi con mắt của Thi và hai đứa em cũng bắt đầu thấy nhức. Và ngoài sân, tiếng vo ve của loài ong rừng, vẫn còn trong tiếng gió!

Đồng Sa Bông

Sân Trường Ngày Cuối

Một buổi sáng mùa Xuân năm 1965, khi hương vị của ba ngày Tết vẫn còn phản phát trong lòng người dân xã Nghĩa Thành (Hành Thịnh), những đám học trò lũ lượt kéo nhau đến trường.

Từ trong những lũy tre, những mái đầu xanh, áo sơ mi trắng, quần

sọt lần lượt đổ ra cửa ngõ môn đầu làng để đến trường tiểu học Nghĩa Thành. Ngôi trường làng nằm bên lề đường cái quan, cách ngôi làng bằng một cánh đồng. Đối diện ngôi trường, bên kia đường cái quan, là cơ quan Hội đồng Xã, và phía sau trường là những thửa ruộng chạy dài đến gò Rú, một ngọn đồi thấp, có nhiều sỏi đá và gai móc mèo, nằm dưới chân núi Giàng của rừng Trường Sơn.

Từ bảy giờ sáng thầy Trần Chư đã qua bên kia bến đò An Chỉ để vào xã Nghĩa Thành (Nghĩa Hành, Quảng Ngãi). Người thầy khả úy, phụ trách lớp Ba, thân gầy gò như cành củi khô lúc nào cũng nghiêm nghị, đạp chiếc xe đạp đôn dông xuyên qua làng Ba Bình mỗi buổi sáng để đến trường. Ít khi nào người ta thấy nụ cười nở trên môi thầy Chư. Qua khỏi ngôi làng thầy Chư quẹo trái vào đường cái quan để đến trường. Và cũng trên đường cái quan này, từng lớp những mái đầu xanh cấp sách cùng nhau đến trường. Trong những mái đầu xanh đó có Hùng, Chín, Diễm và Dĩnh. Bốn đứa trẻ cùng làng.

Trời vẫn còn mùa Xuân và những thửa ruộng hai bên đường cái quan đã được dầm mại từ mấy tuần trước. Những cây lúa con mơn mớn đùa giỡn trước làn gió như tâm hồn ngây thơ của tuổi học trò, không phiền không muộn vì ai. Khi đến cổng ngõ môn Đồng Xuân là xuất hiện những tà áo dài bay phất phơ trước gió của Cô Hạnh (vợ thầy Tương) dạy lớp Tư (lớp Hai) và Cô Lộc dạy lớp Năm (lớp Một). Hai người cô xinh xắn và duyên dáng của ngôi trường làng.

Ngôi trường làng đơn sơ chỉ có năm lớp, lớp Năm đến lớp Nhất, làm thành một dãy. Trường xây bằng gạch, quét vôi, mái ngói. Trước sân trường là trụ cờ nằm giữa vòng tròn, mà chung quanh là những viên gạch được xếp nghiêng nghiêng thành hình răng cưa. Từ cổng trường, hai hàng cây so đũa chạy ngay tắp vào trường và giữa là lối

đi rợp bóng mát. Khi qua khỏi cột cờ hai hàng so đũa tách ra thành hai ngã chạy song song với năm lớp học.

Những cây so đũa thân hình mảnh khảnh, cành lá xum xê. Mùa Xuân hoa so đũa nở rộ, những bông so đũa màu trắng tinh nằm chi chít trên cành đu đưa trước gió như tâm hồn những người trinh nữ ngây thơ. Dưới chân hàng so đũa là những chậu hoa mười giờ.

Những buổi sáng khi mặt trời lên khỏi ngọn so đũa, mang theo những tia sáng bang mai sưởi ấm những cánh hoa là những bông mười giờ, màu đỏ tím, cũng bắt đầu nở hoa, bền lễn khoe sắc như những cô nữ sinh thẹn thùng trước những con mắt đa tình của những chàng trai cùng lớp. Rồi vài ba giờ sau, khi mặt trời ngã về xế chiều, những bông hoa mười giờ kia cũng từ từ khép kín như những mối tình kín đáo của cô gái miền Trung.

Bên trái những lớp học là căn nhà của thầy Hiệu Trưởng (Thầy Anh), và một cái giếng nước nằm bên cạnh. Ngày xưa người ta thường ví “Yếu đuối như học trò, cột gà không nổi,” cho nên ngôi trường dành một ngân quỹ để có một sân “vận động” phía sau cho học sinh nô đùa, chạy nhảy và đá banh cho môn thể dục.

Hôm đó là ngày thứ Hai. Những khuôn mặt vô tư của lũ học trò hớn hở, nô đùa kéo nhau vào sân trường. Những lớp học đã được mở cửa, tập vở nằm ngăn nắp trong từng học bàn, và đám học trò đang trò chuyện, đùa giỡn trong sân trường.

Giữa tiếng reo hò của lũ học trò, thầy giám thị giống ba hồi trống. Khi tiếng trống cuối cùng vừa ngưng là những bàn chân non lặt đặt kéo nhau chạy về hàng ngũ của lớp, xếp thành từng hàng ngay thẳng để chào cờ trước khi vào lớp học. Sau khi đã vào hàng ngũ ngay thẳng, người học sinh trưởng lớp của lớp Nhất nghiêm trang hô:

“Tất cả nghiêm. Lễ chào cờ bắt đầu.”

Những tiếng rù rì tự nhiên im bật. Những bàn tay tháy máy khèo người này móc người kia cũng xui thẳng, đứng nghiêm trang nhìn về lá quốc kỳ. Rồi từ chiếc máy phóng thanh bên mái hiên trường vọng lên bài quốc ca:

“Này công dân ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng.

Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống...”

Và lá quốc kỳ được kéo lên chậm chậm, bay phất phới trước gió trong một buổi bình minh nắng ấm của ngày đầu trong tuần. Những tâm hồn non trong miệng mấp máy theo nhịp bài quốc ca, mắt sáng ngời nhìn lá quốc kỳ lồng lộng trong gió mà lòng mơ ước một ngày kia sẽ thành người hữu ích cho xã hội.

Hàng trăm mái đầu xanh đang nghiêm trang hướng về linh hồn của tổ quốc, thì, cắc, cắc, bùm...

Những tiếng AK chát chúa từ những đám ruộng sau trường nổi lên bắn xả về ngôi trường giữa lúc những bàn chân non đang nghiêng mình chào cờ. Hai mái đầu xanh đang nắm giấy kéo cờ vội vã buông tay, bỏ chạy giữa tiếng súng đạn chát chúa bên tai. Lá cờ ngừng lại, nằm ử rũ, lơ lửng giữa cột cờ. Và ba mái đầu xanh, một nam hai nữ, nằm xuống, nằm xuống vĩnh viễn với sân trường, với hàng so đũa với những hoa mười giờ chưa kịp nở để khoe sắc!

Như bầy ong vỡ tổ, những bàn chân non tan rã hàng ngũ ủa chạy tứ phía. Sân trường trở nên náo loạn. Trong nháy mắt những con người xa lạ, đầu bịt khăn đỏ, bận quần đùi ủa vào sân trường và lừa đàn học trò như lừa vịt về hướng cơ quan hội đồng xã. Những người “giải phóng” đang dùng những bàn chân non làm bia đỡ đạn để tấn công

Hội đồng xã. Họ lẫn lộn trong hàng trăm học trò đang vỡ tổ chạy ra đường cái quan trước trụ sở cơ quan hội đồng xã.

Rồi những tiếng la xung phong, những tràn AK liên tục xé tan không khí nả vào trụ sở cơ quan Hội đồng xã với không một tiếng súng chống cự! Tiếng la ré, khóc than của đám con nít trước những tiếng súng AK chát chúa làm cho những đám con nít đã bắn loạn lại càng thêm sợ hãi. Những người Dân Vệ thất thủ, trụ sở hội đồng xã thất bại một cách ê chề! Những báng súng nằm tro tro trên tay mà không thể nhả được nửa viên đạn!

Chiến thắng! Họ chiến thắng vẻ vang! Những người “giải phóng” hoàn toàn chiếm lấy cơ quan hội đồng xã mà không mất lấy một nghoe, ngoại trừ xác chết của ba mái đầu xanh!

Trong những tiếng reo hò của đám quân “giải phóng” những người Dân Vệ đã biến mất. Và trên đường cái quan chỉ còn hình bóng những người học trò nhỏ hất hời chạy về hướng Nghĩa Lập, nơi đó không có bóng dáng của tiếng súng.

Bốn đứa trẻ Hùng, Chín, Diễn, Dĩnh may mắn chạy theo đoàn học trò kia. Đám học trò như đàn vịt không đầu ủa nhau chạy trên đường cái quan. Khi qua khỏi đập Bến Thóc tiếng súng thưa dần và đám học trò chia tay nhau mỗi người một ngã đi tìm gia đình. Bốn đứa bé đi dọc theo đường rầy xe lửa quanh ra hướng bến đò Đề An. Khi đến Đề An bốn đứa bé lội qua bên kia bờ sông Vệ (vì con đò hôm nay không người lái) và lần mò đi lên bến đò An Chỉ. Mãi đến trưa gia đình bốn đứa bé mới lội sông tản cư qua bên kia làng, và gia đình được đoàn tụ.

Từ đó Dĩnh theo gia đình tạm cư nơi nhà người Di bên An Chỉ.

Những buổi chiều không còn đi học Dĩnh ra bờ tre bên này bờ sông

Vệ nhìn về bên kia, nơi hằng ngày Dĩnh cùng bạn bè nô đùa trên sân trường. Dĩnh nhớ trong lớp Tư của Dĩnh có người con gái tên Huyền, quê Mỹ Hưng. Huyền đẹp nhất lớp, mà có lẽ đẹp nhất cả trường. Cho nên biết bao nhiêu chàng trai nhỏ bé bắt đầu yêu đương đã nhỏ to bàn tán đến Huyền mỗi lần tụm năm tụm ba bên cột cờ. Nhưng hôm đó Huyền đã nằm xuống. Một bông hoa xinh đẹp đang trong tuổi mộng mơ, bây giờ Huyền đã nằm xuống, nằm bên cạnh những bông mười giờ đỏ thắm và những bông so đũa trắng tinh nguyên. Không biết những người ôm súng nả vào những mái đầu xanh kia, có khi nào chạnh lòng trước những đóa hoa mười giờ mới vừa chớm nở chẳng!

Dĩnh bước đi, rời những cụm tre già bên bờ sông mà lòng thoáng nghe bên tai những lời ghen tương của đám con trai:

“Sá gì một nải chuối xanh,
Kẻ giựt người giành, mũ dính đầy tay.”

Từ đó ngôi trường làng vắng bóng học trò. Và hoa mười giờ cũng không buồn khoe sắc mỗi lần ánh nắng rọi về trên cành so đũa.

Đồng Sa Bằng.

Miền Đông nước Mỹ July 29, 2008.

Đồng Sa Băng

Tan vỡ

Những buổi chiều, sau khi ăn cơm xong, tôi thường ra ngồi trước cửa nhà nhìn băng quơ cảnh vật bên đường. Con đường trước nhà lúc nào cũng rộn ràng, nào người, nào xe cộ, chạy lên chạy xuống tấp nập, cùng với tiếng máy nổ, tiếng còi xe và bụi bặm bay mù mịt suốt cả ngày. Chiều về, đó đây vài căn nhà trên mặt lộ bắt đầu nhen nhói những bóng đèn, và những ngọn đèn đường không hẹn mà cùng nhau bừng sáng. Những chiếc xe muộn màng đang vội vã cho kịp giờ cơm tối gia đình, để lại trên đường những cụm khói rời rạc. Một ngày sắp đóng cửa, và ngoại ô buồn cũng sắp đi vào giấc ngủ. Tôi đứng lên và đi lại cái quán nhỏ bên đường.

- Cà phê đen có đường cho anh đây.
- Cám ơn Nguyệt nhé.

Nàng nhếch nụ cười nhỏ và bước vào bên trong. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ nhìn ra đường, lâu lâu nhìn vào quầy pha cà phê, tôi lại bắt gặp ánh mắt nàng, và rồi ánh mắt đó lại vội vàng quay đi.

Từ lâu lắm rồi, chiều nào tôi cũng ra cái quán nhỏ bên đường này, quán Minh Nguyệt, và lần nào tôi cũng chỉ gọi mỗi một ly cà phê đen

có đường. Riết rồi bà chủ quán và người con gái - Nguyệt - không còn thềm hỏi tôi dùng gì khi tôi đến, mà khi thấy tôi ngồi xuống bàn là Nguyệt lại đem ly cà phê đen có đường ra cho tôi. Không bao giờ nhầm lẫn. Nhưng có một buổi chiều, một người khách vào quán, thoáng nhìn, nàng lại mang ly cà phê đen có đường ra cho khách.

- Cô ơi, tôi đâu có gọi cà phê đâu!
- Ủa! Sao hôm nay anh không uống cà phê nữa sao?
- Không, tôi không bao giờ uống nổi cái thứ này, đắng lắm.

Nàng nhìn kỹ người khách:

- Ý chết, em lộn rồi, xin lỗi anh, anh giống một người lắm. Anh muốn dùng gì?

Những tháng ngày kế tiếp tôi vẫn đi uống cà phê. Riết rồi tôi trở thành người khách độc đáo của quán Minh Nguyệt. Có những chiều tôi ngồi trầm ngâm bên tách cà phê đen. Hương vị ly cà phê rất đắng, nhưng tôi không còn cảm giác cái đắng của ly cà phê mà hình như tôi đã say đắm một cái gì đó. Một cái gì vô hình, rất gần mà sao thấy xa vời vợi.

Một hôm tôi đang thả hồn mơ màng qua khói thuốc thì nàng lại vịn máy lên, văng vẳng bên tai tiếng hát thật buồn: "Thức trọn đêm nay để nhớ thương em..." Tôi nhìn vào thì lại bắt gặp ánh mắt nàng quay đi. Tiếng hát đã làm lòng tôi chùn xuống, nhưng ánh mắt nàng đã cho tôi một niềm vui, một niềm vui không thể tả. Tôi bước đến trả tiền:

- Tiếng hát hay nhưng buồn lắm, Nguyệt có biết không?

- Em nghe hay chứ có thấy buồn đâu, bộ anh thấy buồn hả?
- À buồn lắm, mà không biết Nguyệt có biết anh buồn gì không?
- Em biết chứ.
- Nguyệt biết! Nguyệt biết anh buồn về chuyện gì hả? Tôi vui mừng.
- Em chỉ đoán thôi. Ngày mai anh có đến đây không?
- Nguyệt có đợi không?
- Em là người bán quán mà, lúc nào cũng đợi hết, chỉ có người khách thôi, họ đến và đi lúc nào lúc nào không biết.
- Ừ, em nói cũng đúng, nhưng biết đâu có người khách muốn chôn chân đây luôn thì sao. Thôi, ngày mai nhé.

Tôi chào nàng và lặng lẽ bước ra khỏi quán; vắng vắng sau lưng tiếng hát lại thoảng bên tai: “Tay trắng, anh nào mơ với mộng, nên tình hai đứa vẫn chưa yên...” Bước chân tôi vẫn in đều trong bóng tối.

Đã từ lâu tôi muốn nói với Nguyệt một điều mà sao thấy ngại quá! Nhưng bây giờ Nguyệt nói đã hiểu nỗi buồn của tôi rồi, không biết có thật không?

Ngày đó, ngày quê hương không còn chinh chiến, mọi nhà được sống trong thanh bình, nhưng tôi lại thấy mình mất đi một cái gì rất lớn. Những người anh của tôi đã biệt biệt ra đi. Rồi kế tiếp là những cuộc đánh tư sản, bây giờ gia đình tôi đang lâm vào cảnh cơ hàn. Cuộc sống lúc này khó khăn quá, tôi không còn lựa chọn nào khác bằng con đường rời ghế nhà trường.

Không còn đi học nữa tôi cũng ít ra quán Minh Nguyệt. Tôi lao vào đời bằng cái nghề bán chim. Một buổi chiều trên phố:

- Anh bán chim gì đây?
- Đủ loại chim hết cô ời, cô muốn mua chim nào? Tha hồ lựa đi.
- Em muốn mua chim nào béo kia.
- À ở đây có hết, chim gầy chim béo, chim mới mọc lông, chim có lông đầy đủ cũng có hết, cô xem đi.

Vậy là cô hàng trẻ của tôi thò tay vào lồng mà lựa chim. Cỗ bóp hết chim này đến chim kia, còn vạch lông ra xem nữa! Thấy tội mấy con chim quá, tôi nói:

- Em bóp nó vừa vừa thôi, bóp nhiều quá chim anh chết hết.
- Trời ời, phải cho em bóp mới lựa được chứ. Anh khó quá em không mua đâu.
- Cái thứ mắc dịch, chim người ta đem ra đây bán chứ bộ để cho em bóp chơi hả, em bóp chim tui tơi bời như thế này rồi không mua, coi có được không.

Tôi đang ngồi cầu nài than phiền người khách trẻ:

- Không có tiền mà bày đặt làm phách đi rờ chim người ta, hử.
- Ai nói anh tui không có tiền, tự chim anh dỏm quá tui không thèm mua đó thôi.
- Dỏm sao, chim tui dzầy mà dám chê dỏm hả?
- Coi kia, chim gì mà gật gà gật gù, ngóc đầu lên không nổi kia.
- À, thì đem về cho nó ăn no, nó ngóc đầu lên nó hót cho mà nghe.
- Trời ời! Tui đi mua chim về làm thịt chứ mua về nuôi đâu, anh hai!

Tức mình quá tui ngồi bệt xuống đất, để chim đó ai muốn xem thì

xem. Rồi người đi đường bu lại mỗi lúc một đông.

- Ủa, anh Phong, anh làm gì ở đây?

- Nguyệt hả, Nguyệt đi đâu đây.

- Em đi công chuyện cho Ba em, sao mấy hôm nay không thấy anh ra uống cà phê. Anh làm gì đây?

- Anh đi bán chim.

- Ủa! dzậy hả, để em xem chim anh thử coi.

- Thôi, không được đâu, Nguyệt mà ở đây kỳ lắm, không được đâu, em về đi nha.

Từ ngày đi bán chim tôi sợ Nguyệt bắt gặp lắm. Đứng trên đường phố bán từng con chim để sống, làm sao tôi gặp Nguyệt được!

Nguyệt là con bà chủ quán, còn tôi, tôi chỉ có mấy con chim! Ngày này ở góc đường này, ngày kia ở góc đường nọ.

Tôi không mơ mộng đâu. Nhưng tôi đã thầm yêu em.

Bây giờ Nguyệt đã biết tôi đi bán chim trên hè phố, không biết nàng nghĩ gì về tôi. Có những ngày tôi lặng lẽ chạy xe về miền Tây mua chim về bán, chiếc xe cộc cạch chở đầy chim. Con đường dài và gồ ghề tôi đã thấy mệt mỏi. Nhưng biết làm sao đây, khi cái xã hội mà mọi người phải tự làm để nuôi bản thân, mà nhiều khi không đủ nữa. Cho nên những đứa bạn tôi cũng chẳng đứa nào nghĩ đến chuyện lập gia đình, bản thân nuôi chưa nổi, còn đèo bồng được ai.

Quê hương tôi là thế đó! Không biết đỉnh cao trí tuệ của những người lãnh đạo có bao giờ nghĩ đến không.

Mấy năm sau tôi nhận được lá thư của người anh ra đi ngày nào.
Thư nói rằng giấy bảo lãnh cho tôi anh đã làm gần xong.

Tôi vui mừng hết lớn. Tôi nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ thoát khỏi cảnh nghèo và biết đâu tôi lại được ôm sách đến trường như ngày xưa.

Hôm nay bán được mấy con chim, tôi về sớm và ra quán Minh Nguyệt. Nguyệt lại mang ly cà phê đen ra cho tôi. Tôi nói:

- Nguyệt cho anh tí sữa đi, bây giờ không còn đi học anh không uống cà phê đen nữa đâu.

- Anh đi bán chim vui hông? Sao anh không cho em biết?

- Vui thì cũng vui, nhưng mệt lắm. Mình đem chim ra người ta dọc, người ta bóp hoài mà ít ai mua lắm. Nhưng mà nhờ mai này anh không còn ra đây nữa Nguyệt có buồn không?

- Anh đi đâu mà không ra đây?

- Anh sẽ đi xa làm ăn. Bán chim hoài cũng buồn lắm.

- Anh nói đùa thôi, chứ đi đâu bây giờ.

- Anh chỉ nói nhờ thôi mà. Thôi anh phải về cho chim ăn nhe.

Tôi vẫn tiếp tục chạy lên chạy xuống miền Tây mua chim về bán.

Tôi không còn bán chim lớn nữa mà tôi chỉ bán những con chim nhỏ nhỏ cho người ta mua để phóng sinh. Nhìn những con chim được phóng sinh, bay đi, tôi nguyện cầu cho nó đừng bị người ta bắt lại nữa.

Lắm khi nhìn thấy những con chim bay tự do trên bầu trời mà tôi ước mơ. Ước mơ mình được như con chim ấy.

Tôi thường đứng bán tại chùa Vĩnh Nghiêm, khách viếng thăm chùa cầu nguyện, mua chim để phóng sinh và làm một việc thiện, họ không cần phải dày vò chim và cũng không cần biết chim mập chim ốm làm gì.

Nhưng lạ thật, tôi không muốn Nguyệt bắt gặp tôi đang lúc bán chim thì nàng lại cứ đi tìm tôi lúc bán chim!

- Anh bán cho em mấy con chim đi.

- Trời ơi! Nguyệt đến đây làm gì, mà Nguyệt mua chim để làm chi?

- Thì em mua chim để phóng sinh và để nguyện cầu chứ làm gì.

- Nguyệt nguyện cầu gì vậy?

- Thôi nha, chuyện bí mật người ta mà anh hỏi hoài chi dzậy. À mà hôm nọ anh nói anh đi xa có thật hông?

- Buồn quá nên nói đùa một chút cho vui chứ biết đi đâu bây giờ.

- Em thấy bán chim cũng vui lắm đó, thôi em về nhe.

Rồi một hôm tôi nhận được lá thư từ sở di trú. Tôi được mời đi phỏng vấn để lập hồ sơ xuất cảnh.

Một niềm vui thật lớn xuất hiện trong tôi. Những tháng ngày nhọc nhằn chạy lên chạy xuống con đường gồ ghề mua chim về bán chắc sẽ không còn nữa. Tôi tưởng tượng một ngôi trường thật xinh xắn, để hằng ngày tôi cắp sách đến trường.

Một tháng sau tôi đi khám bệnh tổng quát. Trước ngày nhận kết quả tôi chạy về tìm Nguyệt, nàng thoáng hiện nét buồn khi biết tôi sắp ra đi.

- Anh qua đó rồi, nhớ viết thư về cho em nhe.

- Nhớ mà, tuần nào anh cũng sẽ viết thư về cho Nguyệt mà.
- Thôi xạo đi, tuần nào cũng viết, thiệt hông đó?
- Anh nói thiệt mà, nhưng không biết Nguyệt có hồi âm cho anh không?
- Có chứ.
- Thôi anh phải về đi bán mấy con chim đã.

Tôi rất vui mừng. Ngày xưa Nguyệt nói đã hiểu nỗi buồn của tôi, bây giờ tôi biết đó là sự thật. Qua đó tôi sẽ ráng học, một hai năm sau tôi sẽ trở về thăm Nguyệt, rồi thì ai biết chuyện gì sẽ xảy ra ...

Đến ngày đi nhận kết quả khám bệnh tổng quát, người Bác Sĩ gọi tôi vào phòng và hỏi:

- Từ trước đến giờ trong gia đình em có ai mắc chứng bệnh nan y nào không?
- Thưa Bác Sĩ, sao Bác Sĩ hỏi vậy?
- Em đang bị ung thư bao tử, ngoài ra em còn bị nám phổi nữa nên hồ sơ khám bệnh của em rớt rồi.

Tôi bước ra khỏi phòng mạch với cõi lòng đen tối. Ung thư bao tử! Những lời nói ấy đã làm sụp đổ những ước mơ bình thường của tôi.

Ngày xưa Ba tôi cũng vì căn bệnh này mà ra đi vĩnh viễn, bây giờ tôi còn được bao lâu đây! Tôi vứt bỏ những mảnh giấy trong tay, cho bay, bay thật cao trong vòm trời, quên lãng. Bây giờ ở trong tôi như một cánh chim, nhưng không còn bao lâu nữa nó cũng sẽ được phóng sinh đi, như những con chim mà có lần Nguyệt cho bay xa, thật xa.

Lâu rồi tôi không trở lại trường xưa. Hôm nay ngôi trường thật bình yên, không bóng người, không tiếng động, chỉ có bước chân tôi và chiếc lá, đang rơi rụng.

*Sao anh không về thăm phố cũ
Hẻm nhỏ đường xưa rữ rượi chờ
Cột đèn thờ thần mấy đêm thâu
Mòn mỏi chờ ai bóng đã mờ.*

Đồng Sa Băng

Trích trong tuyển tập truyện ngắn Dấu Chân Ngày Xưa.

Đồng Sa Băng

Tiếng Đàn

Dựng chiếc xe đạp vào xó tường, Mão nằm dài trên chiếc giường tre dưới buổi trưa hè nóng cháy, mắt nhìn lên trần nhà thờ phào một tiếng và nói thầm trong bụng:

“Phê. Từ đây mình không còn lo sợ gì nữa, ít ra cũng là sĩ quan.”

Sáng hôm nay Mão chạy xe lên đường Nguyễn Bính Khiêm, vào trường Võ Trường Toản bên cạnh Bộ Giáo Dục để xem kết quả kỳ thi Tú Tài đôi. Sân trường Võ Trường Toản người đông hơn đi xem hội, những khuôn mặt buồn vui lẫn lộn. Sau một hồi chen lấn Mão nhìn thấy tên mình đã được “Bảng hỏ đề danh”. Vậy là xong, Mão ra sân lấy xe chạy về báo tin vui cho Mẹ và các em. Nhưng thật ra, trong lòng Mão không lấy gì hồi hộp hay hớn hở, vì trong thời gian qua Mão đã bỏ quá nhiều thì giờ để chuẩn bị cho kỳ thi này. Ngược lại, khi rời khỏi khuôn viên trường Võ Trường Toản lòng Mão không còn thấy vui!

Cuộc đời học sinh của Mão đã đi qua!

Chiếc xe đạp đổ xuống dốc băng ngang qua sở thú rồi quẹo trái vào đại lộ Thống Nhất (Lê Duẩn), lòng vòng trên những con đường ở quận Nhất đưa Mão về hướng Nhà Bè. Hai bánh xe quay đều và chậm. Chậm như cuốn phim cuộc đời học trò của Mão đang quay chậm. Những năm tháng “mài đũa nhà trường” đã để lại cho Mão biết bao kỷ niệm. Bên cạnh những năm tháng phá thầy phá bạn là những tuổi hồn nhiên, rồi những năm vào đệ nhị cấp với những cái đá lông nheo, những cái liếc mắt đưa tình. Nhưng khi hiểu được thế nào là yêu, là trắng trợn, là khoảng thời gian giữa hai buổi học sao dài lê thê, thì Mão lại ơ thờ với tình yêu. Hay nói đúng ra là không dám yêu ai!

Sau này có những lúc Mão ngồi suy tư về một người con gái tên Cúc. Cúc học chung với Mão năm đệ Tam trường Tân Văn. Hằng ngày Cúc phải lấy xe lam từ Hóc Môn lên Sài Gòn để học. Chặng đường từ Bà Điểm Hóc Môn về chợ Bà Đũi dài và có những đoạn chỉ toàn ruộng lúa. Thời đó mỗi lần qua khỏi trung tâm huấn luyện Quang Trung là xe phải chạy thật mau để khỏi bị “bắn sê”. Và nhiều lần Cúc phải bỏ lớp, mỗi lần như vậy Cúc lại tìm Mão:

- Cho Cúc mượn tập về chép bài hôm trước được hông?
- Được chứ, mà sao hôm qua Cúc không đi học?
- Đi, mà đâu có đến trường được.
- Sao vậy?
- Đường bị “đắp mô” xe không dám chạy qua nên đành phải quanh về.
- Tập vở của Mão đây, Cúc mang về chép đi, tuần sau trả cũng

được.

Lần cuối Cúc mượn tập vở của Mão về chép bài và khi trả lại Cúc tặng Mão cuốn sách Con Trâu của Trần Tiêu. Trong cuốn sách nằm im lìm một trái tim cắt bằng giấy màu đỏ. Nhưng khi Mão lật từng trang sách và khám phá ra trái tim với lá thư ngắn ngủi có vài dòng chữ đơn sơ, thì Cúc không còn tiếp tục học cùng trường nữa. Mão mỉm cười và nhớ về người con gái dễ thương: “Không biết lúc này Cúc lưu lạc nơi đâu?” Rồi tự dưng Mão thầm trách: “Vô lý, có chữ e đang hoàng nhưng sao chữ “iu” của Cúc không có chữ e. Sao Cúc nói “iu” mà không cho người ta biết, sao mấy lần trước mượn bài vở Cúc không bỏ thư trong đó mà để đến lúc không còn gấp nữa mới bỏ vô, vậy giờ làm sao? Nhưng thôi, anh Hùng nói không lo học thì khi đi thi sẽ bị rớt.” Và rồi Cúc cũng không còn trở lại.

Những tháng ngày kế tiếp Mão chỉ biết vui đầu vào sách vở. Và ngoài kia chiến trường càng ngày càng sôi động!

Lớn lên trong thời chiến, tuổi thơ của Mão cũng bị lu mờ theo khói lửa! Hằng ngày Mão vẫn được nghe lời thầy giáo giảng dạy, rằng là văn chương thế kỷ 19 là một vườn hoa muôn màu sắc. Những bài thơ, những tư tưởng của tiền nhân lần lượt được đưa vào sách vở làm những món ăn tinh thần và nung nấu ý chí của người trai. Những lời ca tụng con đường công danh sự nghiệp như: “Tốt hữu ngũ sĩ cư kỳ kiệt / Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên.” Hay “Làm trai cho đáng nên trai / Xuống Đông, Đông tĩnh / Lên Đoài, Đoài tan” đã thấm nhuần vào suy tư của những người học sinh thời loạn. Hay có lẽ, những kỳ thi

Tú Tài trong thời chiến trở nên quá khó nhằm đánh rớt thí sinh để cung cấp cho chiến trường, đã làm người học sinh phải lo chăm học hơn. Và từ đó những cuộc tình ngây thơ của tuổi học trò cũng dừng lại bên cổng nhà trường.

Nắm mảnh bằng trong tay, và nhất là tờ giấy hoãn dịch vì học vấn, Mão thấy mạnh dạn hơn mỗi lần muốn bước chân ra khỏi thành phố Sài Gòn để ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương.

Từ sáng sớm Mão thức dậy và lấy xe đồ chạy về bùng binh Sài Gòn. Chiếc Peugeot trên tuyến Nhà Bè - Sài Gòn ngừng lại ở bùng binh Tân Thuận bóc thêm khách xong lướt chạy lên cầu Tân Thuận. Cây cầu được xây cất từ thời Pháp thuộc nay đã già, cũ kỹ, nên không còn quay như ngày xưa. Ngồi trên chiếc xe chật ních Mão đưa mắt nhìn con sông Sài Gòn nước đang dâng cao. Trên sông những chiếc xuồng con đưa mái chèo chở những mặt hàng thủ công, bập bênh bên cạnh những con tàu buôn khổng lồ, để bán cho những người thủy thủ xa lạ. Chiếc xe vụt chạy, hình ảnh những chiếc xuồng con đi tìm cuộc sống mờ dần trên bến sông.

Đến bùng binh Sài Gòn trời vẫn còn sớm, Mão lấy chuyến xe đi Mỹ Tho. Chiếc xe đồ chạy boong boong trên đường Trần Quốc Toản (3 Tháng 2) về xa cảng miền Tây đi Bến Lức. Qua khỏi Bến Lức là khu ruộng đồng trống, nơi mà hằng ngày thường xảy ra những vụ bắn sẻ. Nhìn những gốc rạ nằm trơ trọi trên những đám ruộng khô cháy Mão chợt nhớ đến Cúc. Trên đoạn đường này, những năm trước xe đồ chở khách nhiều khi phải quay đầu trở lại. Hôm nay những gốc

rạ cháy khô, nằm im lìm nhìn con gió lốc thổi qua từng hồi, nghe như tiếng hú của con chó sói trong tiếng đàn nhạc dạo mở đầu cho cuốn phim The Good, The Bad and The Ugly. Những gốc rạ này một thời là nhân chứng cho những giây phút hãi hùng. Chiếc xe đồ cưỡi Mào chạy vùn vụt băng qua “cánh đồng chết”, người ta vẫn gọi như thế, để đến Tân An. Rồi từ đó xe quẹo trái chạy về ngã ba Trung Lương đi Mỹ Tho.

Chiếc xe đồ trong cơn gió sớm đưa khách về thị xã Mỹ Tho. Hai bên đường là những cánh đồng lúa xanh ngát trải dài đến ngoài tầm mắt của Mào. Mùa Hè lúa đã lên cao, những ngọn lúa cúi đầu chào đón gió mới, không chút thẹn thùng mà lại phấn khởi, như tâm hồn của Mào hôm nay. Rồi chiếc xe đồ cũng đến bờ sông Tiền.

Nằm bên đây bờ sông Tiền là thành phố Mỹ Tho, bên kia là thị xã Bến Tre. Nối liền hai bờ là con phà Rạch Miễu. Mào xuống xe bước vào chợ Mỹ Tho bên cạnh phà Rạch Miễu xem cảnh người buôn bán và mua một ít đồ dùng. Mặt trời gần đứng trưa, cảnh tấp nập của ngôi chợ bên bến sông không còn như buổi sáng. Mào quay trở lại bến phà. Nơi đây sông Tiền rộng lớn, nước chảy mang nhiều phù sa làm cho dòng sông có màu vàng đục. Đứng trên bến phà nhìn ra trước mặt là cồn Phụng xanh um, còn gọi là cù lao ông Đạo Dừa vì nơi đó có xây chùa ông Đạo Dừa tức Nguyễn Thành Nam, người kỹ sư Hóa Học Pháp. Phà Rạch Miễu lúc này đã đông khách. Trong những người khách qua phà có rất nhiều nữ sinh trung học. Những người nữ sinh miền sông nước ăn mặc rất đơn sơ mà mặn nồng, áo bà ba trắng với quần lĩnh đen, tay ôm cặp sách, nón lá che vành mắt

đã tô đậm nét đẹp dịu hiền của một miền quê mang đầy phù sa. Mảo bước xuống phà theo đoàn người qua bên kia bờ sông. Trong tiếng cười nói vui nhộn của đám nữ sinh Mảo chợt dừng đôi mắt và vui mừng reo lên:

- Cúc. Cúc làm gì đây?
- A! Mảo. Mảo đi đâu dưới này? Ngộ nhen.
- Mảo đi chơi, đi xem chùa ông Đạo Dừa. Còn Cúc đi đâu đây?
- Cúc đi học.
- Sao lạ vậy, sao tự nhiên Cúc không đi học trên trên nữa?
- Năm đó tự nhiên Ba Cúc bị thuyền chuyển về Mỹ Tho công tác nên Cúc phải nghỉ học ngang xương vậy đó.
- Thì ra là vậy. Mảo không biết chuyện gì mà không thấy Cúc đi học, nên lo.
- Mảo đi qua chùa ông Đạo Dừa hả, bên kia kia.
- Mảo đọc cuốn sách Con Trâu của Cúc tặng rồi.
- À! Cuốn sách đó hả?

Cúc nói trong thẹn thùng, mặt quay đi chỗ khác. Ánh mắt sáng ngời và khuôn mặt vui tươi vừa ngạc nhiên gặp Mảo chốn nơi này tự dưng trầm xuống khi nghe Mảo nhắc đến cuốn sách nàng tặng Mảo ba năm trước. Có lẽ nàng thẹn thùng cho sự vụng về của mối tình thầm lặng tuổi thơ. Nàng vừa dứt lời thì chiếc phà cũng vừa cặp bến.

- Nhà Cúc ở đâu? Cho biết được không?

Cúc bước chân theo đám bạn rời chiếc phà đứng trên bờ sông, nhìn Mảo.

- Nhà Cúc? Trước khi đến chợ Mỹ Tho Mảo thấy căn nhà bên mặt lộ

có nhiều cây nhãn lồng trước sân đó. Chúc Mão đi chơi vui nha.

Nói xong nàng thả bộ trên con đường đất đến trường cùng đám bạn. Mão nhìn theo những tà áo bà ba bay sau chiếc nón lá, rồi quay đầu bước chân đến bờ sông. Khi bóng dáng Cúc khuất dần sau rặng tre, Mão bước xuống đò để qua cồn Phụng.

Con đò vừa nổ máy một lát sau đã cập bờ bên kia. Con đường vào chùa ông Đạo Dừa là một lối đi nhỏ có nhiều dừa trồng hai bên. Người dân nơi đây vét phù sa từ sông Tiền đắp lên những gốc dừa bên lối đi để làm “phân bón” cho dừa. Gốc, rễ dừa nằm dưới nước và quanh năm hút phù sa từ sông nước nên dừa nơi đây nổi tiếng tốt và nhiều. Đó cũng là một cái khéo của người dân Nam Bộ.

Con đường từ bến đò đến chùa ông Đạo Dừa không quá 500m. Dọc bên lề đường là những căn nhà lá nhỏ, lụp xụp, mà hầu hết những người sống trong đó là những thanh niên, tóc dài, tín đồ ông Đạo Dừa. Họ ở tuổi quân dịch nhưng không đi lính và nơi đây là nơi chống cộng nổi tiếng. Mão bước chân trên con đường nhỏ mà dường như lúc nào cũng có con mắt theo dõi sau lưng của những đứa con nít trong xóm. Vào khuôn viên chùa là cả một khu “nhà sàn” được xây trên vùng sông nước. Hoa viên của chùa rộng lớn, nền làm bằng những tảng xi măng và trong hoa viên có nhiều loài hoa. Từ trong nội thất đến ngoài hoa viên có những cây trụ to, cao, có vắn hình rồng phụng kiểu cung đình vua chúa, màu vàng, xanh, trông rất đẹp mắt. Kiến trúc của chùa do chính ông Đạo Dừa thiết kế xây dựng.

Mặt trời bắt đầu ngã bóng về chiều, Mão rời khuôn viên nhà chùa để trở về Sài Gòn. Chiếc phà Rạch Miểu cập bến bên bờ Mỹ Tho, Mão bước xuống tìm về bến xe đò. Đang lúc láo trên bến xe thì có tiếng gọi tên mình, Mão quay lại:

- Cúc không đi học sao?
- Cúc bỏ lớp sau giờ ra chơi về đây đợi Mão. Mão đến nhà Cúc chơi cho biết nha.

Từ lúc gặp Cúc trên con phà Rạch Miểu, Mão rảo bước ngoạn cảnh mà dường như tâm tư lúc nào cũng nhớ đến tiếng nói nụ cười của Cúc. Và nhớ luôn cả ánh mắt của Cúc những ngày năm xưa mỗi lần Cúc đến mượn bài vở. Ngày đó và bây giờ, có lâu lắm đâu mà sao Mão vẫn không biết nói gì khi đối diện Cúc.

- Sao Cúc biết Mão sẽ trở lại con đường này.
- Mão xem đi, ngoài con đường này ra Mão còn con đường nào khác về Sài Gòn đâu!
- Nhà Cúc ở đâu?
- Kia kia, Cúc chỉ tay về ngôi nhà bên đường. Chỗ có mấy cây nhãn lồng đó.
- Gần quá hả, đi.

Mão bước bên cạnh Cúc đến căn nhà bên mặt lộ. Căn nhà nhỏ, sân trước được trồng nhiều nhãn lồng. Những chùm nhãn sum sê màu vàng nhạt đu đưa trên cành làm những ai nhìn cũng thấy thèm thuồng! Cúc với tay hái một chùm nhãn trao cho Mão và nói:

- Mão ăn nhãn xem có ngon không. Chắc Mão thi đỗ kỳ này rồi phải

không?

- Mảo đỗ rồi nên mới có thì giờ rảnh đi chơi đây. Cúc gián đoạn một năm phải không?

- Ừ, Cúc mất một năm vì phải theo gia đình di tản xuống đây. Nhưng không sao Cúc là con gái mà, đâu bắt buộc phải học đúng tuổi để khỏi bị nhập ngũ như bên con trai đâu.

- Làm con gái sướng quá hén. Mảo mà thi rớt là phải nhập ngũ liền.

- Đâu rồi Mảo sẽ học trường nào?

- Cũng chưa biết nữa. Mảo đang học thi để thi tuyển vào đại học. Hai tháng nữa mới đến kỳ thi.

- Hèn gì Mảo lấy thì giờ đi chơi hả.

- Ừ, đây là lần đầu tiên Mảo mới dám rời nhà đi chơi xa đó. Trước khi thi đậu Mảo sợ đi chơi xa nhờ mấy ông cảnh sát bắt sáng thì mệt lắm.

- Bây giờ Mảo không sợ sao?

- Không. Nhờ có bắt thì Mảo cũng vào trường sĩ quan.

- Oai quá hén. Nếu Mảo mặc đồ sĩ quan chắc oai lắm. Mà Mảo thích binh chủng nào?

- Hải Quân. Mảo thích cuộc đời giang hồ trên sông nước.

- Không sợ cô đơn hạ? Lênh đênh trên sông biển hoài không nhớ người yêu sao?

- Có ai đâu mà nhớ.

- Bây giờ chưa có nhưng mai một cũng có chứ.

- Cúc có người yêu chưa?

- Dưới này buồn lắm, Cúc nhớ không khí của những lớp học ngày xưa trên Sài Gòn hơn. Chưa.

- Ý chết, mãi nói chuyện với Cúc Mảo sợ hết xe, để Mảo đi thôi.

- Mảo mang thêm túi trái cây này lên xe đem về Sài Gòn ăn nhe. Mà ăn nhớ nhớ Cúc nhe. Trong này có địa chỉ của Cúc nữa, Mảo nhớ viết thư cho Cúc đã.
- Nhớ chứ. Thôi Mảo phải đi.

Ra khỏi nhà Cúc, Mảo ngoắc chiếc xe đồ đang chạy về hướng ngã ba Trung Lương. Nhảy lên xe Mảo đưa tay ra vẫy chào Cúc, rồi chiếc xe đồ vụt chạy.

Cúc đứng nhìn chiếc xe đồ đến khi nó mờ dần và mất hút trên cánh đồng.

Một tiếng đồng hồ sau những người về Mỹ Tho xôn xao bàn tán về một chiếc xe đồ Peugeot bị mìn giựt nổ tung tại ngã ba Trung Lương. Cúc nghe tin mà lòng hồi hộp. Như một cái gì không ổn, Cúc theo xe chạy lên ngã ba Trung Lương. Chiếc xe đồ nằm banh xác bên vệ đường. Những người hành khách, kẻ bị thương người chết, đã được mang về bệnh viện gần đó. Cúc đứng nhìn quang cảnh bên đường. Dấu vết của cái chết vẫn còn phảng phất, nàng hoang mang không biết Mảo có sao không!? Cúc bước chân về nơi chiếc xe bị nổ. Cảnh vật nơi đây như bãi chiến trường hoang lạnh, những người đi đường thả mắt nhìn thoáng qua rồi tiếp tục đi. Gió vẫn thổi rì rào, xô chạy những tờ giấy rách và cát bụi bên lề đường. Tiếng gió thổi nghe chừng như tiếng hú của con chó sói trong tiếng đàn nhạc dạo đầu đây, và lần này chỉ có tên diễn viên “xấu xí” đang lẩn tránh như con chuột đồng.

Cúc vô tình đá mảnh giấy vụn bị con lốc thổi bay, nàng cuối xuống nhặt lên và trên tờ giấy rách nát với những vết máu đỏ tươi, một nửa còn lại có ghi dòng chữ: “iu Anh.”

3/10/2008.

Đồng Sa Băng

Tôi Theo Mẹ



Mấy ngày nay sáng nào cha tôi cũng mang trâu ra bãi kéo cát đắp bờ độn xe nước. Từ sáng sớm cha tôi đã thức dậy đem trâu đi rồi, phải đi sớm để trâu nó không mệt. Thứ trâu là vậy đó, làm việc như trâu, khoẻ lắm, nhưng nắng nóng lên là nó mệt, nó thở xùi bọt mép luôn. Anh tôi -Hữu- phải theo cha ra bãi kéo cát. Chỉ có nửa tên xe mà sao kéo hoài không xong, làm như cát kéo lên nó lại chúi xuống không bằng! Nhưng làm trượng cử, đi kéo cát không mệt lắm đâu. Hai con trâu mang cái trang kéo cát dưới sông lên đổ thành một cái bờ, rồi lại đi xuống kéo trang cát khác. Cứ thế làm suốt buổi, nhưng được cái là hụp lên hụp xuống nước suốt ngày nên cũng mát. Đã không mệt mà còn có ăn nữa, vì mỗi lần cát trút lên bờ là những con lịch (giống như con cá chạch nhưng nhỏ và dài hơn) trong cát lọt ra, anh tôi chụp xỏ râu mệt nghỉ. Mà vui hơn nữa là vào những ngày mùa, trượng cử ngồi nhà thu lúa đầy vựa.

Từ tờ mờ sáng hai cha con mang trâu ra sông Vệ hùi hùi kéo cát mãi đến trưa mới về ăn ba hột cơm. Trời đứng bóng rồi, cha tôi mở trâu ra cho về nhà nghỉ.

Trâu vừa về đến nhà:

- Hữu, nhốt mấy con trâu vô chuồng xong rút rơm cho nó ăn nghe hông. Cha tôi bảo thế.

Me tôi sáng thức dậy, thổi vài ba hột cơm xong, bày lên bàn cho hai anh em tôi. Me tôi lên nhà trên lo ba chuyện lật vạt trong nhà. Thấy im re, me tôi xách thúng lòn ra vườn sau để đi ra bãi hái ít đậu xanh và coi đám đậu phụng, chiều về lo cơm nước cho cả nhà.

Năm đó tôi lên bốn, anh Chín tôi lớn hơn tôi một tuổi. Tôi có một cái tật mà đôi khi làm cho me tôi bực mình lắm, là đi theo me như cái đuôi. Ban tối cũng theo, ban ngày cũng theo, trời mưa, trời nắng chang chang cũng theo. Me tôi đi đâu là tôi theo bám sát Thường thường tôi lắng nghe và biết me tôi hôm nay sẽ đi đâu. Vậy là trước khi me tôi ra khỏi nhà, tôi đã ra đứng chặn đường một khúc cách nhà thật xa, khi me tôi đi qua, tôi ra đi tò tò phía sau. Khi me tôi nhìn thấy tôi, thì đã quá xa nhà rồi! và tôi được đi theo me.

Đặt cái trang kéo cát xuống bờ hè, cha tôi đi thẳng vào nhà bếp:

“Bếp núc gì đâu mà lạnh tanh vậy nè, thôi để tao thổi vài hột cơm ăn. Hữu, ra sau hè ôm vô đây vài cây củi.”

Hai cha con đang thổi bếp nấu ăn.

“Hu, hu,...mở cửa, mở cửa.”

“Đứa nào khóc trên đó.” Cha tôi nói không không qua gió.

“Hu, hu,...mở cửa, mở cửa.”

“Cha tụi bây, ăn rồi nhảy rông suốt ngày, giờ còn ngồi trên khóc la nữa”, cha tôi bực mình la mấy câu. Rồi ổng chống hông lo thổi lửa nấu ăn.

“Có con gái, lớn lên nó đi lấy chồng coi nư huề tiền, được nhờ vả gì đâu. Mà nhà chồng nó phải xa lắc xa lơ gì, vậy mà không thấy thăm thấy dạng đâu hết. Lần sau tao để toàn con trai không cho biết.”
Chắc lửa đang đốt râu ổng, ổng quạo lên, ổng nói cho đã miệng vậy

mà, chứ coi đó, ông Chi chồng chị Sáu tôi, có khác gì đâu, cũng bien biệt mùa Lẹ Thuỷ luôn, đâu có về giúp gì ông già đâu!

“Hu, hu,... mở cửa.”

“Mở cái thằng cha mày, nhà trên nhà dưới thường luồng một lèo mà đòi mở cái gì. Bộ tui bây tưởng ông già này làm nghề giữ con nít cho tui bây hả? Ông còn phải đi cày nữa chứ.” Lửa mới vừa nhen nhói lên, cha tôi vo vài hột gạo bắt giao cho ông táo. Nhìn lại thấy cái lu nước cạn queo như ruộng nẻ tháng ba không bằng.

“Hửu, ra giếng lôi vô đây mấy gàu nước coi.”

Gần nửa tiếng đồng hồ trôi qua, vậy mà ông táo mới đổ lửa thôi, còn cơm canh cũng chưa thấy đâu hết.

Đàn ông như cha tôi coi vậy mà làm cơm cũng hay, ổng vo gạo, đổ nước vào xoong, lấy ngón tay thọt vào cái nồi, đo đúng một lóng ngón tay là ổng bắt lên lò. Mà bữa ăn không có rau sống, không có canh là ổng ngồi ổng gõ đôi đũa, hử một cái là thấy mệt.

“Hu, hu,...mở cửa.”

“Ừa, mở, để đó rồi tao mở cho, bây giờ tao phải đi ra vườn hái ít rau làm nồi canh đã.”

Ở nhà quê sướng thiệt, cái gì cũng có, mà có ngay trong vườn luôn, nào là dưa leo, khổ qua, rau muống, hành, hẹ, ôi thôi cái gì ổng cũng trồng hết. Phải chi ở đây mà tôi trồng được như thế thì mấy cái siêu thị như Giant, Safeway chắc nó ngáp dài dài. Nghe tiếng hu hu hoài cha tôi thấy mệt rồi, nên hái xong ba cọng rau, cha tôi đi vòng ra đằng sau nhà, xuống bếp.

Không biết cha tôi có còn dưới bếp không hay là ổng đi đốt điều thuốc rồi. Tôi biết có lần cha tôi đi cày, đương giữa buổi cày mà ổng nổi cơn ghiền lên là ổng để trâu đứng ở đám Bờ Khoa, ổng đi tuốt lên gò Ông Sơn để đốt điều thuốc. Rồi ngồi trên đó tán hươu, tán vượn, nhiều khi trở về thì trời đứng bóng mất rồi, phải mở trâu ra cho nó nghỉ luôn.

“Hu, hu, ...mở cửa.”

“Hữu, mày lên coi thử đứa nào trên mà đòi mở cửa hoài vậy.” Cha tôi bảo thế.

Anh tôi nghe vậy, ổng cũng lên coi thử.

Nhà tôi thì cửa liên giây liên vũng, kê bằng cửa lá sách, cánh này nổi liền cánh kia chạy một hàng ngay đơ. Anh Hữu lên thấy tôi ngồi úp ngực vào cửa, anh Chín tôi thì ngồi một đống bên cạnh. Đứa nào cũng khô nước mắt rồi. ổng liền xuống báo cáo:

“Dạ, thằng Chín và thằng Mười trên đó cha, mà con thấy mấy cánh cửa đã mở toan rồi mà.”

“Vậy sao nó khóc đòi mở cửa hoài?” Cha tôi hỏi thế.

Thế rồi cha tôi và anh tôi tiếp tục nấu ăn.

Cái nắng của buổi trưa càng lúc càng nóng, cha tôi lại hụi thổi bữa cơm cho xong. Đã gần một tiếng đồng hồ trôi qua từ lúc cha tôi trở về nhà.

“Hu, hu,...mở cửa.”

Lần này nghe tiếng khóc, cha tôi đang trong cơm mẹt mội, ổng liền cầm cây roi lên nhà trên:

“Cửa nẽo đã mở tuốt như vậy rồi mà còn đòi mở cái gì nữa.” ổng liền quát tôi một cây, xong bỏ xuống bếp.

Vậy mà tôi không la hét, không nói gì hết, nước mắt và hơi đầu nữa mà la hét! Tôi nghe tiếng lục đục, xoong nồi khua leng keng dưới bếp.

“Hu, hu, ... mở cửa.”

“Hữu, lên đó coi thử hai đứa đó mắt chứng gì mà cứ khóc la hoài.”

Anh tôi lần này bước lên:

“Cửa đã mở rồi mà sao hai đứa khóc hoài vậy.”

Tôi không nói được lời nào, chỉ ngồi thút thít tí tì, anh Chín tôi cũng thế. Thấy vậy anh Hữu lôi tôi ra khỏi cánh cửa, tôi khóc ré lên một tiếng xong ngất xỉu luôn. Anh Hữu vừa nhìn cánh tay tôi, ảnh la lên:

“Cha, cha, tay thằng Mười kẹt cứng trong cánh cửa rồi.”

Nghe tiếng la thất thanh của anh tôi, cha tôi bỏ hết cơm nước lật đật chạy lên. Ông đẩy bật cánh cửa ra, cánh tay tôi buông xuống.

Lúc đó tôi có thể rời khỏi cánh cửa và đi chơi được rồi chứ, nhưng tôi còn đi đâu được nữa, tôi đã nằn gợn trong lòng của cha tôi, và ánh mắt sục sùi không một giọt nước.

Như vậy là tôi đã chịu trận bên cánh cửa này từ tám giờ sáng đến một giờ trưa.

Nhìn ngón tay út tôi nó dẹt lép không thua gì tàu lá, không còn màng đến cơm, nước gì nữa, cha tôi bồng tôi trên tay đi một mạch xuống bãi tìm mẹ tôi.

Đến nơi thấy mẹ tôi đang hái mấy trái đậu xanh:

“Bà lên đây, lên đây.” Cha tôi đang tức giận lắm.

Mẹ tôi không biết ắt giáp gì hết, đang hái đậu, mẹ tôi nói:

“Thì đừng đặng tui về, ông làm gì mà dữ vậy.”

“Không đừng đặng gì hết, bà lên ngay đây.”

Vậy là mẹ tôi phải bỏ giữa chừng, ôm thúng đậu đi lên. Đến nơi thấy cha tôi bồng tôi trên tay, mẹ tôi thấy lạ vì ít khi nào thấy cha tôi bồng tôi như thế này. Mẹ tôi chưa kịp hỏi gì thì cha tôi nói:

“Bà đền cho tôi đi, đó, ngón tay nó đó, bà đền cho tôi đi.”

Nói xong cha tôi đưa tôi qua cho mẹ tôi.

“Ngón tay nó làm sao như thế này.” Mẹ tôi hỏi.

“Còn làm sao nữa, làm sao bà phải biết chứ.”

“Thì ông nói đi, làm sao tui biết được. Trời ơi sao tay con tui như vậy!”

“Tui đi kéo cát về, đang nấu cơm, thì phát hiện nó bị kẹt tay trong cửa tủ hời nào mà nó ngồi đó nó khóc hết nước mắt rồi, bộ bà không biết sao, ngón tay nó bây giờ đẹp lép rồi đó, bà làm sao thì làm đi.”

“Thôi rồi, vậy là chết tui rồi, con ơi me đâu có biết. Ông ơi, lỗi của tui rồi.”

Thế rồi me tôi không thiết gì nữa, bà bồng tôi về nhà.

Tình thương cha mẹ dành cho con lúc này tôi mới thấy rõ. Những lúc tôi nghịch ngợm, phá phách, cha tôi thường la đánh tôi, và thông thường thì gương mặt cha tôi rất lạnh lùng trước mặt tôi. Nhưng bây giờ, tôi mới gảy một ngón tay mà hình như cha tôi như một con chim gảy cánh, chắc là đau lắm.

Đến nhà cha tôi muốn biết sự thật về ngón tay của tôi.

“Sáng tôi đi kéo cát thì hai đứa nhỏ ở nhà với bà mà sao bây giờ ngón tay nó như thế này?”

“Thì sáng tui đem đồ ăn cho hai đứa, ăn xong tôi tưởng hai anh em nó ở nhà chơi nên tui mới ra bãi hái đậu, không ngờ tui mới ra đến đầu ngõ nhà ông Ngoại nó, thì tui thấy nó đã ở đó rồi, thấy trời nắng nóng quá sợ nó dăng nắng trúng bệnh nên tui mang nó về nhà nhốt nó lại, khi tui đóng cánh cửa lại, ai ngờ nó lấy tay đẩy ra, tui đâu có thấy, tui đóng cửa lại luôn.”

“Bộ bà không nghe nó khóc sao?”

“Thì nghe chứ, nhưng tui tưởng không cho nó đi theo nó khóc chứ ai mà biết chuyện như vậy. Thôi, ông cũng phải giúp tui làm sao chữa ngón tay nó đi.”

“Giúp, mà giúp cái gì đây, ngón tay nó bị cửa lá sách kẹp nát xương

rồi, làm sao chữa được đây, tui không biết bà giỏi thì bà làm đi.”

Vậy là xong, người ta sinh ra có ngón tay tròn trịa nhưng bây giờ thì tôi sinh ra có ngón tay bị dẹp lép.

Lúc bấy giờ máu tìm cách chạy xuống nuôi dưỡng phần bị hư nên nó nhứt nhối khỏi chề. Mấy ngày trời tôi bỏ ăn và chỉ nằm trong vòng tay của mẹ, mẹ tôi hết đi lên lại đi xuống, nghe người này chỉ, người kia chỉ, hái đủ thứ lá dán trên ngón tay tôi, nhưng vẫn không thấy nó tròn lại.

Rồi một hôm mẹ tôi bỗng tôi xuống nhà Ngoại cho cậu tôi xem, xem xong không biết cậu tôi nghĩ gì ổng liền lấy ... cái kéo ... ổng xốt một cái! nửa ngón tay bay cái vèo xuống đất. Trời ơi, máu, máu nó phóng ra như một vòi nước.

Lại một lần nữa tôi ré lên và ngất xỉu.

Từ đó đến ba tháng sau, ngón tay tôi nó làm hung, nó sưng lên như trái cam, rồi nó thúi ... giống như mùi... mùi chuột chết. Cha tôi không dám bắt đền mẹ tôi nữa, vì sợ cánh tay tôi sẽ đi theo ông bà.

Rồi bao nhiêu rừng cha tôi cũng trèo lên hái lá, bao nhiêu tiệm thuốc bắc cha tôi cũng đến, nhưng nó vẫn sưng và vẫn ... Lúc này thì chỉ có mẹ tôi là người chịu tôi nổi thôi.

Một hôm đoàn quân về đóng ở làng dưới, nghe nói mấy anh lính đánh trận hay bị thương như tôi lắm, và cha tôi bỗng tôi xuống gặp mấy anh lính. Thế rồi mấy anh lính lấy tay tôi ra mổ xẻ, bảo cha tôi mang về và hằng ngày xức cái thứ thuốc này, thuốc gì tôi không nhớ nữa, nhưng hay lắm, ngón tay tôi từ từ xếp xuống, mũ khô đi, và bắt đầu liền lại.

Bốn tháng sau, mỗi lần thấy mẹ đi chợ, tôi ngồi trước thềm, đợi chờ.

Đồng Sa Băng.

Nguồn: Đồng Sa Bằng
VNthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 21/02/2007 8:07:47 CH